So 18
Thang 12, 1918

L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

MỘT BÀI DIỄN-THUYẾT CỦA QUAN TOÀN-QUYỀN SARRAUT

Ngày 17 tháng 11 ở Sài-gòn làm lễ mừng đình-chiến, quan Toàn-quyền ALBERT SARRAUT *có ra trước tượng quan* GAMBETTA *đọc một bài diễn-thuyết lời-lẽ rất hùng hồn, thật là một đoạn văn-chương tuyệt-bút. Bản-báo xin dịch ra sau này, in cả nguyên-văn, để công-bố cho quốc-dân biết cái văn hay ý tốt của quan Toàn-quyền ta.*

Xét quan GAMBETTA *là một nhà đại-chánh-trị của nước Pháp, hồi trận Pháp-Phổ năm 1870 đã lấy lòng nhiệt-thành ái-quốc hết sức giúp việc quốc-phòng, sau chẳng may nước Pháp bị thua đem lời tâm-huyết khuyên nhủ quốc-dân nên nhớ cái thù chung mong có ngày rửa sạch. Nay đã đến ngày trả thù, cái nhục trước đã rửa sạch lâu lâu, cuộc vinh sau sẽ rực-rỡ biết bao, quốc-dân ai cũng nhớ đến công ngài trong buổi gian-nan và một lòng truy-cảm cái dạ cả trí cao của người chí-sĩ, giữa lúc hiểm-nghèo vẫn biết tin cậy ở vận-mệnh Tổ-quốc. Bởi vậy nên được tin chiến-thắng bên Âu-châu, quan Toàn-quyền muốn nhân sự vui-mừng ngày nay ngợi-khen cái công-đức người trước, mới đặt lễ khánh-hạ trước tượng quan* GAMBETTA *và đọc bài diễn-thuyết dịch đây.*

* * *

Voici l'heure sublime, l'heure sainte, l'heure justicière ! Voici le jour immortel que, pendant quarante-sept années, un grand peuple qui n'oubliait pas, n'a cessé d'espérer d'un inébranlable espoir ! Et parce que tu fus, pour le droit meurtri de ce peuple, la voix obstinément prophétique de sa revanche, parce que, dans le deuil de la Patrie mutilée, le cri de ton invincible foi domina le cri de sa douleur, parce que le geste puissant dont tu relevas la France blessée est resté tendu dans l'espace pour nous montrer l'étoile de l'Immanente Justice, voici, ô Gambetta,

Giờ này là cái giờ tuyệt-đích, giờ này là cái giờ thánh-thần, giờ này là cái giờ báo-thù đây ! Ngày nay là cái ngày muôn đời còn nhớ, cái ngày mà trong bốn mươi bảy năm trời một dân lớn không biết quên việc cũ vẫn một lòng kiên như đá vững như đồng mong đợi mãi đây ! Ôi quan GAMBETTA, đương buổi cái Công-lý trong nước bị dầy-xéo, vì ngài đã cất tiếng lên một lời báo trước rằng thù ấy có ngày trả được ; đương buổi Tổ-quốc bị lìa-cắt như chìm đắm trong cuộc tang-tóc, vì tiếng ngài dóng-dả một lòng tin cậy không dời, át được cái tiếng kêu sầu-thảm trong nhân-dân ; vì cái câu ngài nói : « Nước Pháp như người bị

que rassemblés devant ton image, les enfants de la Patrie triomphante viennent aujourd'hui chanter que le jour de gloire est arrivé.

Jour de gloire ! Jour de délivrance et d'ineffable bonheur ! La victoire équitable a vengé enfin la souffrance et l'outrage d'une trop longue iniquité. La France a repris ses frontières. La Mère Patrie a retrouvé les deux filles que la violence avait arrachées de ses bras. Dans la minute divine que nous vivons, le soleil qui éclaire ton front d'airain, Gambetta, fait jaillir là bas des millions d'éclairs parmi l'immense forêt des baïonnettes françaises qui accompagnent Foch sur les provinces reconquises ! Ecoute, ô toi qui n'as jamais desespéré, la clameur d'ivresse et de liberté qui monte en ce moment des côteaux et des plaines de la Lorraine et de l'Alsace ! Ecoute, tout au long des vallées, dans les tours des clochers retentissants, le delire d'allégresse des carillons de fete ; ecoute, dans les cites aux balcons debordants de fleurs, le rire innombrable des enfants et la chanson vibrante des jeunes filles ; ecoute et regarde, sur le seuil des maisons pavoisées enfin des couleurs si longtemps bannies, le sanglot de joie des vieilles et des vieux aux cheveux blanchis sous l'esclavage, et dont les mains tremblantes de gratitude et d'amour bénissent à présent le défilé

thương, ta đã ra tay nâng cho đứng giậy », nghe đến như trông thấy cái tay hùng-cường của ngài dơ thẳng trong không-gian mà chỉ cho chúng tôi cái ngôi sao Công-lý vẫn vằng-vặc trên trời ; vì vậy mà ngày nay Tổ-quốc đã đắc-thắng, các con em trong nước họp nhau lại trước hình-ảnh ngài để hoan-hô rằng cái buổi quang-vinh đã tới đây.

Buổi quang-vinh, mà là buổi giải-thoát, mà là buổi khoái-lạc vô-cùng ! Ta bị khổ bị nhục vì oan-uổng trong bấy lâu nay, tới nay cuộc chiến-thắng công-bằng mới thật báo đền được hết. Nước Đại-Pháp đã thu-phục được bờ-cõi cũ. Mẫu-quốc đã lấy lại được hai người con gái [1] mà quân tàn-bạo đã cướp mất năm xưa. Trong cái giây-phút thần-tiên này, mặt trời kia ở đây dương soi sáng cái trán đồng của ngươi, hỡi Gambetta, mà ở bên kia chiếu rọi vào đám giáo dựng gươm trần của mấy trăm vạn quân-binh nước Pháp theo chân quan tướng Foch tiến vào đất những châu-quận mới thu-phục được. Hỡi ngươi bình-sinh đã không hề thất-vọng lúc nào, nay hãy lắng-lặng mà nghe những tiếng kêu hoan-hỉ tự trên sườn núi dưới đồng-bằng đất Á-tân (Alsace) châu Lô-liên (Lorraine) nổi lên vang lừng trời đất ! Hãy lắng-lặng mà nghe ở suốt giọc thung kia tiếng chuông kêu rền trong gác chuông các nhà thờ để báo-tin vui vẻ ; hãy lắng lặng mà nghe lũ con trẻ cười ầm, gái thanh-tân réo-rắt trong những nơi thành-thị kia, nhà này nhà nấy chăng hoa ngập gác ; hãy lặng-lặng mà nghe, hãy ngoảnh mặt lại nhìn ở trước cửa những nhà kia tới nay mới lại được treo cái hiệu cờ đã bị bỏ trong bấy lâu, những ông già bà lão đã bạc đầu dưới quyền áp-chế, nay quá mừng mà thành khóc, trông thấy đội quân

(1) Tức là chỉ hai châu Alsace Lorraine.

triomphal des libérateurs qui dans l'auguste splendeur des uniformes sanglants et déchirés par la bataille semblent vêtus chacun de la gloire même du drapeau.

Ah ! ces combattants, ces champions stoïques, ces soldats dont l'héroïsme méritait le victorieux génie de chefs tels que les Joffre et les Foch, ces sauveurs indomptables qui, pendant près de cinq ans, auront payé d'épreuves sans nom la rançon de notre honneur et de notre liberté, comme tu les aurais bénis toi-même, ô Patriote, et quels accents admirables ta parole aurait su trouver pour célébrer, au nom de la Patrie reconnaissante, la gloire des armées que la République a préparées !

Leurs aïeux, à l'aube de l'autre siècle avaient déjà ébloui l'Europe des rayons d'une Epopée dont l'éclat semblait ne jamais devoir être égalé. Croisés immortels du Droit Nouveau que la Révolution française apportait au monde, ils avaient jeté, dans les sillons des races humaines, les semences fécondes de justice et de liberté qu'après le soleil de Valmy faisaient germer encore les soleils d'Austerlitz et de Marengo. Et la Patrie leur devait l'orgueil impérissable d'apparaître à l'Udến giải-phóng cho mình chảy qua lầm-liệt, người nào người nấy trên quân-phục còn vết đạn vết máu nơi chiến-trường như bọc bằng cái quang-vinh tấm quốc-kỳ, mà các già lão trong lòng cảm-kích yêu-mến quá tay run lên cầm-cập còn dơ ra để chào mừng.

Ôi ! nhà ái-quốc kia (tức chỉ quan GAMBETTA), vi ngươi còn sống thì cảm-phục biết dường nào những bọn chiến-sĩ đó, cái chi anh-hùng thật là xứng-đáng cái tài thiện-thắng của những tướng như tướng JOFFRE tướng FOCH, những bọn chiến-sĩ đó tức là những tay cứu-thế vô-địch, trong ngót năm năm trời đã chịu lầm-than khổ-nhục biết bao nhiêu để mua chuộc cho ta cái danh-dự, cái tự-do bây giờ ; vi ngươi còn sống thì tất đọc nên những giọng hùng-hồn biết dường nào để thay mặt Tổ-quốc mà cảm ơn, mà khen ngợi các quân-đội của chánh-phủ Dân-quốc đã gây-dựng và tập-luyện nên !

Bậc tiền-bối những bọn chiến-sĩ đó về đầu thế-kỷ trước kia đã làm nên những sự-nghiệp oanh-liệt rực rỡ cả Toàn-Âu, tưởng cái vẻ vang ấy không bao giờ lại sánh tầy. Cuộc Đại-Cách-mệnh nước Pháp ta đã mở mang cho thế-giới một nền Công-pháp mới, thì những bậc tiền-bối kia tức là những tay võ-sĩ để hộ-trì cho cái Công-pháp ấy, đem cái mầm công-nghĩa tự-do mà rắc vào trong những luống cầy của các dân-tộc, nhờ có mặt trời trận Valmy[1] (Van-mi), rồi kế đến mặt trời trận Austerlitz [1] (Ốt-te-lít) và trận Marengo [1] (Ma-lăng-gô) ươm cho nên cây

(1) Trận Valmy là trận quân Cách-mạnh nước Pháp đánh được quân Phổ (Prussiens) ở làng Valmy. — Trận Austerlitz và trận Marengo là hai trận đại-thắng của vua Napoléon. Ngày đánh trận Austerlitz mặt trời sáng sủa đẹp đẽ lắm ; về sau hồi sắp đánh trận Maskowa trông trời cũng bảnh bao như vậy, vua Napoléon gọi các quân-lính mà bảo : « Này mặt trời này là mặt trời Austerlitz đây ! » Quân lính nghe thấy phấn-khởi dũng-dược, tiến lên đánh. Từ đó câu ấy thành lời sấm-truyền chỉ cái quang-vinh trong sự chiến-thắng. Nay nói mặt trời trận Valmy là chỉ cái vẻ-vang vị Công-lý mà được thắng trận.

nivers civilisé comme la Mère illustre et tutélaire des Nations. Le Droit, par eux, avait transfiguré le visage de la terre, et depuis lors, degrés par degrés, il communiquait à l'humanité le rythme harmonieux du Progrès, dans la liberté de l'homme et l'indépendance des patries.

Mais le Destin réservait aux fils de surpasser le renom de leurs pères, en terminant la tâche qu'ils n'avaient point achevée. Un jour est venu où, jetant au monde l'infâme défi de son agression, une puissance de crime a voulu broyer sous les talons de fer de ses hordes les moissons de justice qui murissaient pour une libre humanité. La Force brutale, la Force cynique, la Force dogmatisée par un militarisme barbare a prétendu abolir, terrasser, étrangler le Droit et bâtir le trône de son hégémonie sur les ruines de l'Univers asservi.

C'est cette Force, Gambetta, contre laquelle ton génie avait déjà soulevé la résistance suprême de la Défense nationale dans un sursaut qui, s'il ne put nous épargner la défaite, nous sauva du moins cet Honneur que n'emportent pas dans leur fuite les empereurs et les princes lâches qui désertent leur patrie vaincue ! Et c'est cette Force qui taillant à pleine chair dans le corps de la France abattue, mutilait en nous le Droit éternel, le Droit de tous les peuples, d'une blessure dont la plaie jamais cicatrisée devait un jour élargir et communiquer sa souffrance au cœur de toutes les Nations, conscientes enfin de leur solidarité dans la défense

thành lá. Nhờ công-lao đó mà Tổ-quốc ta đối với thế-giới văn-minh được cái danh-dự vô-cùng làm vị thần hộ-trì cho các dân các nước. Nhờ các bậc đó mà cái Công-pháp đã biến-cải được mặt địa-cầu, tự đó lần lần nhân-loại mỗi ngày một bước lên con đường tiến-bộ, cứ tuần-tự như theo cái dịp-điệu thiên-nhiên, con người ta mỗi ngày được thêm tự-do, các dân-quốc mỗi ngày được thêm độc-lập.

Nhưng cái thời-vận dành cho bọn hậu-sinh được vẻ vang hơn bậc tiền-bối, làm hoàn-toàn cái công-nghiệp mà bậc tiền-bối chưa làm xong. Một ngày kia có một nước cường-bạo ra tay thị-hùng với thế-giới, muốn đem lũ quân thiết-huyết mà dày xéo cái mầm công-nghĩa đương mọc lên, sắp đến ngày sinh hoa kết quả cho nhân-loại được thảnh-thơi. Cái võ-lực tàn-bạo, cái võ-lực giống sài-lang, cái võ-lực đặt thành chủ-nghĩa của một loài dã-man, muốn ra phá đổ tiệt-diệt nền Công-pháp, bắt sinh-dân làm nô-lệ, biến thế-giới thành một đống tro tàn để xây cái ngôi bá-quyền lên trên.

Ấy chính đối với cái Võ-lực đó, hỡi Gambetta ! mà ngươi đã đem cái thiên-tài ra để kích-động cho quốc-dân hết sức chống-cự lại, tuy đến sau không khỏi sự thất-bại, mà cũng không đến nỗi mất danh-dự, cái danh-dự ấy có phải là cái vật mà lũ vua chúa hèn mạt kia (ám-chỉ bố con vua Đức) thấy nước mình bị thua bỏ chạy trốn mà mang theo đi được đâu ? Ấy chính cái võ-lực đó thừa khi nước Pháp bị thua đã đem cái dao oan-nghiệt mà phân cắt nước ta ra, xâm-phạm cái Công-lý thiên-niên của trời đất, cái Công-lý chung của Vạn-quốc, làm cho ta phải một vết thương đau đớn không bao giờ hàn lại được mà mỗi ngày rộng mãi ra, truyền cái đau đớn vào đến quả tim các dân các nước khác, khiến cho muôn nước

de l'avenir humain. Et s'il est vrai que les mânes des morts puissent tressaillir dans leur tombe, tes mânes, ô Gambetta, ont dû frémir d'un indicible tressaillement le jour où, se faisant écho à travers le vaste océan, les grandes voix de Lloyd George et du Président Wilson, exprimant avec solennité le sentiment de leurs nobles pays, traduisant la volonté des armées héroïques qu'ils envoyaient combattre à côté de nos armées, ont déclaré qu'aucune d'elles ne pourrait déposer les armes avant que le Droit fût restauré par la restitution de l'Alsace et de la Lorraine à leur Patrie

Et grâce à cet immense élan de loyauté, de dignité suprême, de bravoure indomptable qui a groupé autour de nous les plus grandes démocraties de la terre, voici désormais assises sur des bases inébranlables la sécurité humaine, la Paix du Monde dans la Justice et la Liberté. Voici que s'accomplit le généreux dessein formé par la Révolution française pour la libération des peuples, les droits des Nations petites et grandes, l établissement de la démocratie universelle. Et plus jamais personne ne pourra menacer cette œuvre grandiose ! La convulsion terrible qui vient de secouer ce siècle ne laisse debout, en les consolidant, que les gouvernements ou les règnes établis sur le respect du Droit : elle a renversé sans pitié les pouvoirs édifiés sur la base de la force despotique. Entends-tu, ô Républicain, de bấy giờ mới hiểu rằng hết thảy đều có cái trách-nhiệm chung phải bảo-trì cho cuộc tương-lai của nhân-loại. Người ta thường nói hồn người chết dẫu cách mồ cũng còn cảm-động được, nếu lời đó là phải thì hồn ngươi, hỡi Gambetta, bữa trước được nghe lời quan thủ-tướng nước Anh Lloyd George và quan Giám-quốc nước Mĩ Wilson, người bên bờ bể này kẻ bên bờ bể kia hưởng-ứng nhau, mỗi người thay mặt một đại-quốc tuyên-bố cái ý chung trong nước mình, diễn-xuất cái chí-nguyện của những quân-đội hùng-cường đã sai sang đất ta cùng với quân-đội ta sánh vai mà đánh kẻ thù chung, hai người đều trịnh-trọng nói rằng hễ cái Công-lý chưa khôi-phục được, hễ hai châu Alsace-Lorraine còn chưa được phục-hoàn về Mẫu-quốc, thì nước Anh cùng nước Mĩ không nước nào có thể thôi chiến được ; nghe lời đó hồn ngươi tất cảm-động biết bao nhiêu !

Ấy nhờ có những nước dân-chủ lớn trong thế-giới hiệp-lực với ta, một lòng thành-thực, một dạ cần-nghiêm, một chí can-đảm như vậy, mà tự nay sự yên-ổn của loài người, cuộc hòa-bình trong thiên-hạ lấy công-nghĩa tự-do làm chủ, mới gây được cái cơ-sở vững bền vậy. Tới nay mới thực-hành được cái mưu quảng-đại của cuộc Cách-mệnh Pháp đời xưa, muốn giải-phóng cho các dân-tộc, bảo-trì cho hết thảy các nước dù lớn dù nhỏ, đặt cái chính-thể dân-chủ trong khắp thế-giới. Rồi từ nay trở đi không ai còn dám xâm-phạm đến cái công-cuộc lớn-lao ấy nữa. Sau cái cuộc kinh-thiên động-địa mới rồi, chỉ còn những chánh-phủ nào, những nhà vua nào biết tôn-trọng cái Công-lý mới có thể đứng được và được vững vàng mà thôi ; phàm những chủ-quyền lấy cái sức áp-chế làm cốt đều bị điên-đảo cả không sai. Hỡi Gambetta, ngươi bình-sinh đã tận-tụy vì cái chủ-nghĩa dân-chủ, nay có

l'autre côté du Rhin, cet effondrement prodigieux de trônes qui, l'un après l'autre, s'écroulent dans un fracas de sceptres rompus et de couronnes qui se brisent ? Le Droit des Peuples a passé, Gambetta, et voici, dans la démocratie mondiale qui s'organise, se préparer la Société des Nations pour assurer dans la paix et la liberté l'avenir de la justice sociale.

Ah ! béni soit le jour qui réalise enfin ce grand rêve et bénis soient ceux dont l'héroïsme ou la pensée auront permis ces accomplissements ! Que notre gratitude monte vers les vainqueurs, étreignant du même élan d'amour les soldats stoïques et les chefs illustres ! Qu'elle monte vers le radieux génie des Nations alliées ! Qu'elle monte vers les grandes figures des hommes d'Etat qui dans tous les pays de l'Entente ont organisé la Victoire et vers les pouvoirs publics qui sans cesse ont secondé leurs desseins ! Et si elle monte aussi vers toi, qui dans l'heure tragique du Désastre, nous enseignas de n'oublier jamais, ô Gambetta, que notre reconnaissance infinie aille aussi à travers l'espace, honorer cet autre témoin de l'Année Terrible, ce grand Français, ce patriote indompté dont la pensée et l'action tournées sans trêve vers les réparations du Droit et le relèvement national reçoivent la juste récompense d'un effort qui n'as jamais désespéré dans l'heure solennelle où le Parlement français décrète qu'à côté de Foch, Clémenceau a bien mérité de la Patrie !

nghe thấy ở bên bờ sông Rhin kia biết bao nhiêu ngôi vua liên-tiếp nhau mà đổ xuống như chút, loảng-xoảng như tiếng gươm quyền bị bẻ gẫy, mũ miện bị đập tan ? Cái Công-pháp của Vạn-quốc đã qua đó, và từ nay cả thế-giới đương bước vào con đường dân-chủ, nay mai sắp dựng thành cái công-hội liệt-quốc để giữ cho thiên-hạ được hòa-bình tự-do và bảo-trì cho cuộc công-nghĩa trong xã-hội.

Ôi ! đáng phục thay là cái ngày mới thực-hành được sự mộng-tưởng lớn-lao ấy, đáng phục thay là những người đã đem cái khí anh-hùng, cái trí tư-tưởng mà giúp cho cái công thực-hành ấy thành được ! Ta phải đem tấm lòng cảm-tạ của ta mà dâng cho những kẻ thắng-trận kia, lấy một mối cảm-tình chung mà bao gồm cả quân hùng cùng tướng giỏi. Ta phải đem tấm lòng cảm-tạ của ta mà dâng cho cái tinh-thần rực rỡ của các nước Đồng-minh. Ta phải đem tấm lòng cảm-tạ của ta mà dâng cho các nhà đại-chánh-trị của các nước Hiệp-thương đã biết sắp-đặt cho cuộc chiến-thắng thành được, dâng cho cả các quan-quyền đã hết sức giúp cái mưu của các nhà chánh-trị ấy ! Ta phải đem tấm lòng cảm-tạ của ta mà dâng cho ngươi nữa, hỡi Gambetta, vì đương cái buổi nguy-cơ thất-bại, ngươi đã từng dạy cho ta rằng không nên quên bao giờ ; nhưng tấm lòng cảm-bội vô-cùng của ta cũng phải vượt bể qua không mà đem cho tới một người kia cũng đã từng như ngươi mục-kích cái cảnh khổ năm thất-bại, cho tới cái người trí cao dạ cả kia, cái người yêu nước một cách cương-cường kia, bao nhiêu tâm-trí, bao nhiêu tinh-lực đều khuynh-hướng cả về một đường báo-thù cho Công-lý và khôi-phục cho nước nhà, không bao giờ ngã nản công-phu, tới nay mới thật đến ngày thành-tựu và được cái thưởng

Mais aussi, oui, mais aussi, que cette gratitude s'exhale avec une émotion poignante vers le souvenir de ceux qui, ayant donné leur vie pour le triomphe de la Patrie, ont fermé les yeux à la lumière avant que les rayons de la Victoire aient éclairé leurs faces de héros. Cette fête est celle des vivants et des vainqueurs. Elle est aussi l'apothéose des Morts ! O vous tous qui depuis le jour où commença de gronder la bataille vous êtes couchés pour jamais dans la paix et la gloire de l'éternel sommeil, morts illustres ou obscurs, morts inconnus ou renommés, morts anonymes qui reposez sous l'immense floraison funèbre des croix dressées sur les charniers sublimes, morts de la Marne et de l'Yser, morts des Vosges et des Esparges, morts de l'Artois et de Verdun, vous tous qui, de la Belgique aux Dardanelles, avez trouvé votre tombeau dans le fossé de la tranchée ou le gouffre insondable des mers, soyez bénis, et que votre destin, dans nos souvenirs, s'inscrive en traits plus pathétiques encore, puisque vous n'aurez pas vu lever l'aurore splendide du triomphe. Si dans l'heure exaltée que nous vivons, il reste encore sur notre joie comme un voile de tristesse, c'est que nos cœurs fraternels souffrent la cruelle injustice qu'il nous soit, à nous, permis de voir ce que vos regards n'auront pu contempler. Et lorsque la présence de vos familles en deuil nous fait ici cette

rất xứng đáng : là cả Nghị-viện trịnh-trọng tuyên-cáo rằng quan Clémenceau cùng với tướng Foch đều có công với Tổ-quốc ! Người ấy là ai ? người ấy tức là quan tổng-lý Nội-các Clémenceau vậy.

Nhưng ta cũng lại phải nhớ mà đem tấm lòng cảm-bội ấy cùng với cái mối cảm-tình rất não-nùng của ta mà dâng cho hình-ảnh những kẻ chiến-sĩ kia đã đem thân bỏ nơi chiến-trường cho Tổ-quốc được thắng trận, lại phải nhắm mắt thác đi trước khi được cái ánh sáng chiến-thắng chiếu rọi vào nét mặt anh-hùng. Hội mừng này là hội của người sống, của người đã thắng trận trở về. Nhưng cũng là dịp vẻ-vang cho người chết nữa. Nào là những người từ khi mới khởi đầu chiến-tranh tới nay đã vào nằm trong giấc mộng thiên-niên, giấc êm-đềm mà vinh-hiển ; nào là những người chết hoặc đã trước-danh, hoặc chưa hiển-đạt, hoặc đã có tiếng, hoặc chửa ai hay, cùng là những người chết vô-danh nằm ở trên bãi chiến-trường oanh-liệt nhan-nhản những chữ thập như dưới đất mọc lên ; nào kẻ chết trên sông Marne, người trên sông Yser, kẻ ở núi Vosges, người ở trại Esparges, kẻ ở đất Artois, người ở thành Verdun, hết thảy những người đã tử trận từ ráp ranh đất Belgique cho đến eo bể Dardanelles, hoặc chết ở nơi hầm-hố, hoặc chết ở dưới đáy bể khôn dò ; ta cầu trời giáng-phúc cho các ngươi, và ước-nguyện rằng mỗi lần nghĩ đến thân-phận các ngươi mối sầu trong lòng lại càng nao nao những nỗi thương-tiếc, vì các ngươi đã không được hưởng cái vinh-hoa buổi chiến-thắng. Trong cái giờ cực-lạc này, sự vui mừng của ta còn như mờ-ám một chút buồn rầu, vì trong lòng ta còn đau đớn vì nỗi cái cảnh-tượng ngày nay chỉ mắt ta được trông mà các người không kịp thấy. Lại đoái nhìn đến cửa nhà tang-tóc của các

injustice plus sensible, lorsque regardant parmi nos rangs décimés, nous comptons les vides que la mort a creusés dans notre phalange française et indigène, lorsqu'évoquant les pages du livre d'or de l'Indochine, nous nous sentons comme enveloppés des ombres des Français et des Annamites qui depuis le plus humble jusqu'au Gouverneur Général qui fut leur chef, sont tombés face à l'ennemi, voici qu'irrésistiblement le cri sublime entendu un jour sur la tranchée monte à nos lèvres, et que jaillissant de nous en une prière éperdue pour arracher aux tombes refermées l'impossible miracle des résurrections ce cri répète : « Debout les morts ! Venez, venez voir votre victoire ! »

Devant ces morts, enfants qui m'écoutez, devant ces morts comme devant les vivants, inclinez tous vos jeunes fronts et qu'à jamais le souvenir se grave en votre cœur du grand jour qui célèbre leur œuvre et leur gloire. Ce sont vos bienfaiteurs, vos libérateurs ! C'est pour vous qu'ils se sont battus ! C'est pour vous qu'ils sont tombés. C'est votre avenir qu'ils ont sauvé. Par eux, triomphe votre droit à la vie et s'écarte de vos destins le supplice des épreuves qne pour vous ils ont tous sublies. Souvenez-vous, hommes de demain ! Méditez la grande leçon de Droit, de Justice, de Vérité qui vient vers vous des profondeurs du tombeau comme des resplendissements de la vic-

người, lòng đau đớn kia lại càng thêm lên, ta bèn thử tính cái số người chết trong hai dân Pháp Nam ta, hình-dung cái tập sách vàng công-trạng của xứ Đông-dương này, ta thấy như quanh mình ta đầy những hình-ảnh người Tây người Nam, trên tự quan Toàn-quyền (tức ám-chỉ quan nguyên phó-toàn-quyền VAN VOLLENHOVEN bị tử-trận) dưới đến kẻ thường-dân đã bị chết trong khi chiến-đấu với quân địch, mà hốt-nhiên sực nhớ đến cái câu tuyệt-ngôn một ngày kia đã nghe thấy ở nơi chiến-hào, nay lại muốn hô-hoán lên dể mà kêu mà gọi người chết ở trong mồ cải-tử hoàn-sinh lại, kêu rằng : « Người chết đâu đứng giậy ! Lại đây, lại đây mà xem cuộc thắng của các người ! » (1)

Hỡi các con đứng nghe ta đây (quan Toàn-Quyền chỉ những học-trò các trường đến dự hội), các con phải cúi đầu vái lạy cả những người sống cùng người chết đó, và đến muôn đời cũng phải nhớ trong lòng cái ngày hội hôm này là ngày ngợi khen công-trạng những bậc đó ! Những bậc đó là người ân-nhân của các con, là người cứu nạn cho các con đó ! Vị các con mà những người đó mới phải ra xông-pha nơi chiến-trận. Vị các con mà những người đó mới phải chết. Những người đó cứu-vớt được, là cứu-vớt cái tương-lai của các con đó ! Nhờ những người đó mà các con mới được cái quyền sinh-hoạt thảnh-thơi ở đời, các con mới tránh khỏi những sự lầm-than khổ-nhục, những người đó đã chịu cả cho các con rồi. Mai đây các con sẽ thành người lớn, các con phải nhớ lấy. Các con

(1) Câu này là do một tích như sau này : Một hôm một toán quân Pháp đương tiến lên đánh, người bị chết bị thương đã nhiều, mà quân vẫn hăng--hái lắm, cứ cắm đầu mà xông vào, có một viên cai-đội trông thấy xác người ngổn ngang vừa đốc quân vừa kêu to lên : «Người chết đâu đứng giậy ! (*Debout les morts !*) quân lính nghe thấy cảm-kích vô cùng, cái dũng-khí ại tăng thêm lên.

foire. N'oubliez jamais ! N'oubliez jamais surtout que si votre Patrie a trouvé la force de vaincre dans la noblesse de son idéalisme, elle a trempé cette force, comme l'acier d'une invincible épée, au foyer ardent de cette union sacrée qui reste le devoir de demain comme elle fut le devoir d'hier. Cimentée dans le sang de la tranchée, la grande fraternité française a rassemblé tous ceux que séparaient jadis les barrières sociales et les différences de caste ou de naissance Riche et pauvre, laïque et religieux, ouvrier et patron, prêtre et franc-maçon, prolétaire et gentilhomme, tous, du même cœur, se sont unis, ont combattu, souffert, saigné ensemble pour sauver une Patrie qu'ils vous rendent plus grande et plus glorieuse. Souvenez-vous, enfants, et que vos mains tendues vers l'image de celui qui incarna l'espérance immortelle de la France, fassent le serment de s'unir à jamais aussi pour garder intact l'héritage sacré que vous auront légué les vainqueurs de la Dernière Guerre !

nghiền-ngẫm cho kỹ cái bài học lớn-lao, là bài học Công-pháp, Công-nghĩa, Chân-lý của người chết tự dưới âm-ti còn truyền lại cho các con, như cái ánh sáng rực-rỡ của cuộc chiến-thắng vậy. Các con chớ bao giờ quên ! Nhất là chớ bao giờ quên rằng Tổ-quốc các con đã lấy cái lý-tưởng cao-thượng mà đủ sức chiến-thắng được, là vì cái sức ấy tức cũng như cái thép thanh gươm vô-địch đã đem đoàn-luyện vào trong cái lò lửa của cuộc « Đồng-tâm thánh-thần », cuộc đồng-tâm ấy người trước đã gây thành nên, người sau vẫn phải giữ gìn lấy. Cái tình đồng-bào người nước Pháp thề-nguyền nhau bằng máu ở nơi chiến-hào, đã hòa-hợp được hết thảy những người trước kia cách-biệt nhau trong xã-hội, hoặc vì đảng-phái khác nhau, hoặc vì ngôi-vị không giống. Kẻ giàu người nghèo, kẻ theo đạo, người ngoài đạo, kẻ làm chủ, người làm thợ, kẻ đi tu bên giáo, người thuộc đảng bí-mật, kẻ giòng sang, người giòng hèn, hết thảy một lòng hòa-hiệp mà cùng nhau chịu khổ chịu cực ra chống giữ cho nước, để dành lại cho các con một cái Tổ-quốc càng ngày càng lớn-lao, càng ngày càng vinh-hiển. Các con phải nhớ lấy, đương lúc giơ tay ra vái hình-ảnh cái người khi xưa đã làm biểu-hiệu cho cái lòng hi-vọng bất-diệt của nước Đại-Pháp, phải lấy cái tay ấy mà thề nguyền rằng từ nay về sau đời đời hòa-hiệp với nhau để bảo-trì lấy cái hương-hỏa thánh-thần của những kẻ chiến-thắng cuộc chiến-tranh cuối cùng này đã di-truyền lại cho các con !

PHẠM QUỲNH *dịch*

TIẾNG AN-NAM CÓ CẦN PHẢI HỢP-NHẤT KHÔNG ?

ĐÃ NÊN LÀM TỰ-ĐIỂN AN-NAM CHƯA ?

Gần đây nghe nhiều người nói nên hợp-nhất (1) tiếng An-nam, chưa hiểu ý hợp-nhất ấy ra làm sao. Nếu nói rằng vì tiếng Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ không giống nhau mà cần phải hợp lại làm một, thì thiết-tưởng chưa được sác-đáng lắm. Sự không giống đó chưa chắc đã là phải, mà sự hợp-nhất kia mới lại là vô-bằng nữa. Vì nếu quả tiếng tam-kỳ không giống nhau thật mà muốn hợp-nhất thì lấy gì làm bằng-cứ, bắt tiếng nào theo tiếng nào, lấy tiếng nào làm đúng hơn tiếng nào mà đặt làm mẫu ! Khó lắm thay ! Thiết-tưởng nếu phải hợp-nhất như vậy thì không hội Hàn-lâm nào hợp-nhất cho được. Ấy một cái ý-kiến (2) bơ-vơ một vài người khởi-xướng ra, nhiều người phụ-họa (3) vào mà thành một mối dư-luận không thiết-thực. Nếu cứ nhân đó mà bàn hoài thì thành ra bàn vơ-vẩn, không có chủ-định gì. Người này nói hợp-nhất, người kia cũng nói hợp-nhất, mà dễ chưa ai biết hợp-nhất ra cách nào !

Kỳ-thực cái vấn-đề không phải đâu như vậy.

Tiếng Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ khác nhau là phần nhiều khác bởi cái giọng nói, chỗ này nói nặng chỗ kia nói nhẹ, chỗ này nói rõ vần này, chỗ kia nói lộn vần kia, lúc mới đầu nghe có hơi khó một chút, mà rồi quen tai cũng lấy làm thường ; phần ít bởi ít nhiều những tiếng xứ này có mà xứ kia không có, hoặc xứ này dùng ra một nghĩa mà xứ kia dùng chạnh ra nghĩa khác, kể cả thảy không đầy vài ba trăm tiếng ; lại một phần ít nữa là bởi một vài lối đặt câu riêng của mỗi xứ, hoặc người xứ khác mới nghe có lạ tai mà nhận kỹ hiểu ngay không khó gì, phần đó kể chẳng bao nhiêu. Ấy cái khác chỉ có thế mà thôi, mà đại-để cũng chỉ riêng trong những bọn hạ-lưu, còn những bậc học-thức thì dù người Bắc-kỳ, người Huế, hay là người Lục-tỉnh mới gặp nhau ngồi nói truyện không bao giờ là khó hiểu cả, dù nói những sự rất cao-xa cũng vậy. Tôi còn nhớ khi đi chơi Nam-kỳ thường ngồi bàn văn-chương với mấy cụ già ở vườn, tôi nói gì các cụ cũng hiểu mà các cụ nói gì tôi cũng nghe được, lắm lúc quên hẳn cái giọng kẻ Bắc người Nam. Coi đó thì biết tiếng An-nam ta có cần gì phải hợp-nhất mới lưu-thông được. Còn những tiếng thông-thường có tiếng khác nhau, phần nhiều là tên các đồ vật, thì gọi cái *thìa* là cái *muỗng* hay cái *muỗng* là cái *thìa*, *hộp quẹt* là *bao diêm* hay *bao diêm* là *hộp quẹt*, *trái xoài* là *quả muỗm* hay *quả muỗm* là *trái xoài* thì có hề chi ? Một bài văn có những tiếng như vậy cũng không đủ làm cho người Bắc người Nam không hiểu nhau được. Nếu muốn cưỡng hợp-nhất thì

---

(1) **Hợp-nhất**, 合 — = Hợp nhiều thứ lại làm một, cho đều nhau, giống nhau. — UNIFIER, UNIFORMISER.

(2) **Ý-kiến**, 意見 = Một cái ý-nghĩ về một sự gì. — OPINION ; AVIS.

(3) **Phụ-họa**, 附和 = Một người xướng lên, nhiều người cũng đua theo vào. — FAIRE CHORUS ; S'UNIR A D'AUTRES POUR DIRE COMME EUX.

hợp-nhất sao được những tiếng đã thông-dụng như vậy ? Huống gần đây Nam Bắc giao-thông đã nhiều, những tiếng khác nhau ấy rồi dần-dần cũng giao-dịch mà thành ra lưu-thông cả. Cứ thực mà nói dân An-nam ta thật là được hơn các dân khác là chỉ có một thứ tiếng suốt trong cõi, từ ráp ranh nước Tàu cho đến mỏm đất Cà-mao, từ bờ bể Đông-hải cho đến bến sông Mê-kông, người An-nam đi tới đâu cũng có thể nghe hiểu nhau được không khó gì. Ấy là tiếng An-nam chưa có văn-chương sách-vở gì nhiều, nếu có nhiều sách-vở văn-chương thì tiếng còn nhất-trí (1) hơn nữa. Trừ ít nhiều những tiếng khác nhau như trên kia đã nói, kê ra một cái mục-lục, đối-chiếu tiếng xứ nọ với tiếng xứ kia thì những tiếng khác ấy thành ra quen ngay và thông-dụng được ngay.

Như vậy thì sự hợp-nhất ấy có khó gì mà nhiều người đua nhau bàn như một cái vấn-đề rất quan-trọng cho quốc-văn ta ngày nay.

Xét kỹ ra thì cái vấn-đề rất quan-trọng là như sau này : làm thế nào gây được một lối quốc-văn thông-dụng cho cả tam-kỳ ? Lối quốc-văn ấy hiện nay chưa thành, phải nhất-thiết gây dựng ra, chớ không phải đã có sẵn rồi mà bàn hợp-nhất được.

Thuộc về cái vấn-đề đó, kẻ Nam người Bắc còn chưa được đồng-ý nhau. Muốn bàn cho sác lý phải xét cho hết lẽ mới được. Phải biết cái lịch-sử tiếng An-nam sinh-thành thế nào, từng trải những gì mới đến ngày nay. Lại phải xét cái tình-trạng tiếng An-nam bây giờ, muốn giữ được cốt-cách cũ mà không sai cái hình-thức mới thì phải làm thế nào. Đó là những điều phải nghiên-cứu cho tường mới bàn cho đúng được.

An-nam ta vẫn có tiếng, tiếng vẫn lưu-thông trong nước, mà xưa nay chưa thành văn. Là vì trước kia ta theo nho-học đã lâu đời, không những văn-chương chỉ chuyên-dụng chữ nho mà đến việc thư-từ biên-ký cũng không từng dùng tiếng nôm bao giờ. *Văn* với *nôm* hai tiếng vẫn hình như phản-đối nhau ; đã nôm-na thì không sao văn-vẻ được, đã văn-vẻ tất không nôm-na. Cái tư-tưởng đó cũng hơi hẹp-hòi và do cái cách giáo-dục thuần bằng chữ hán của nước mình xưa nay. Bởi đó mà quốc-văn trải mấy nghìn năm không thịnh-hành được, bởi đó mà trong quốc-âm ngày nay phần nhiều là chữ hán cả. Nhưng đó là cái tình-trạng đã thành rồi (2), duyên-do tự mấy mươi đời trước, dẫu ngày nay muốn thay đổi cũng không sao được. Muốn thay đổi phải nhân cái tình-trạng đó mà thay đổi, không thể trái-ngược lại được, cũng không thể phá-đổ đi được. Nghĩa là quốc-âm ta đã chịu ảnh-hưởng (3) của chữ hán trong mấy mươi đời nay, nay muốn gây-dựng quốc-văn phải nhân cái ảnh-hưởng đó mà lợi-dụng ra, chớ không thể đem sóa hẳn đi để mong trở lại cái nguyên-âm (4) cũ của nước mình được, vì cái nguyên-âm ấy phần nhiều đã mai-một (5) đi từ đời

(1) **Nhất-trí,** — 致 = Cùng đều một thể, một cách, cùng gồm lại như một, — UNITÉ, UNIFORMITÉ.

(2) **Tình-trạng** đã thành rồi, là cái thế hiển-nhiên, không thể thay đổi được. Tức tiếng tây là : UNE SITUATION DE FAIT.

(3) **Ảnh-hưởng** (chịu), là chịu cái thế-lực vô-hình của cái khác. — SUBIR L'INFLUENCE.

(4) **Nguyên-âm,** 原音 — Cái tiếng cũ của mình, cái tiếng có từ trước. — LANGUE PRIMITIVE.

(5) **Mai-một,** 埋沒 — Trôn lấp mất đi, dần dần mòn mỏi đi hết, tiêu mòn đi mất. — DISPARAÎTRE (peu à peu).

nào, muốn bới vết tìm tăm cũng không thấy đâu được nữa.

Cho nên những người khảng-khái một cách quá-đáng muốn bảo-tồn lấy quốc-âm mà lại bỏ hết những chữ nho cùng những lối văn nho đã dung-hòa với quốc-âm tự bao giờ đến nay là nghĩ sai cả.

Xưa kia ta chỉ có văn-chương bằng chữ nho ; đôi khi cũng có một vài ông tiền-bối [1] làm nôm, những văn nôm ấy không thoát-li được khuôn-phép văn chữ. Ngày nay cái tư-tưởng quốc-dân mỗi ngày một rộng ra, biết rằng mỗi nước phải có một lối văn riêng bằng quốc-âm thì sự giáo-hóa trong nước mới mau và khắp được. Cho nên khắp nước đã công-nhận chữ quốc-ngữ là quốc-văn và trong khoảng mấy năm nay văn quốc-ngữ đã thông-hành trong suốt cõi. Đó thiệt là một sự đáng vui mừng thay. Nhưng cái văn quốc-ngữ ấy chưa định-thể [2], nhiều người chưa hiểu rõ tính-cách văn quốc-ngữ thế nào. Thành ra ai muốn viết thế nào cũng được, mỗi người được tự-do tùy ý mình muốn đặt ra những lối riêng lắm khi không có bằng-cứ nào. Nói tóm lại trong văn-trường ta thật là chưa có kỷ-luật gì. Cái tình-trạng đó không thể để mãi như thế được. Phải cố định lấy một lối văn-quốc-ngữ cho từ nay những người làm văn biết cái phương-châm [3] nên theo, không đến nỗi phải phân-vân như trước.

Ấy cái nghĩa hợp-nhất là như thế, chớ không phải là hợp-nhất cái giọng nói hoặc mỗi ít nhiều tiếng khác nhau trong ba xứ mà thôi đâu. Hợp-nhất đây là hợp-nhất cái văn-pháp vậy [4]. Nhưng sự hợp-nhất trong văn-pháp ấy có thể do một hội-đồng hay một tòa Hàn-lâm nào định được không? Quyết rằng không. Công việc của một hội-đồng hay một tòa Hàn-lâm nào là nhân cái văn đã có rồi mà định phép-tắc, chớ không thể định phép-tắc cho cái văn chưa có được. Vậy phải đợi cho văn thành đã, rồi mới đặt ra mẹo luật nhất-định để dạy người sau. Hiện nay là phận-sự các nhà làm văn phải ra công ráng sức mà gây cho thành một lối văn thông-dụng được trong ba xứ. Sự hợp-nhất trong văn-pháp đó là do các nhà làm văn, không phải do một hội nào quyết-định được. Các nhà làm văn trong ba xứ phải tùy nghi mà châm-chước [5] lẫn nhau, rồi tự-khắc lần-lần xuất-hiện ra một cái văn-pháp riêng bởi lẽ tự-nhiên mà thành, không phải bởi ý riêng của một vài người đặt ra.

Nhưng có mấy điều cốt-yếu như sau này, các nhà làm văn phải chú-ý thì sự hợp-nhất ấy mới thành được.

Thứ nhất là quốc-âm ta đối với chữ Hán có cái mối liên-lạc [6] rất mật-thiết [7], tuy ngày nay hán-học đã suy mà phải giữ lấy cái khuôn phép của hán-văn thì sau này quốc-văn mới có căn-cốt. Một nền văn-chương không thể một ngày một buổi mà thành được. Quốc-văn ta

---

(1) **Tiền-bối**, 前輩 = Người trước, bọn sinh trước mình. - NOS AINÉS, NOS PÈRES.

(2) **Định-thể**, 定體 = Hình-thể nhất-định. - FORME FIXE, FORME CONSACRÉE.

(3) **Phương-châm**, 方針 — Cái hướng phải theo. — DIRECTION A SUIVRE.

(4) **Văn-pháp**, 文法 = Phép làm văn, lối làm văn. — STYLE.

(5) **Châm-chước** 斟酌 = Suy tính lựa chọn, thêm bên này bớt bên kia cho được vừa đúng. — SE FAIRE DES CONCESSIONS, S'INSPIRER LES UNS LES AUTRES.

(6) **Liên-lạc**, 連絡 — Liên buộc lại với nhau, không dời được. — UNI COMME PAR UN LIEN ; RAPPORT ÉTROIT, INTIME.

(7) **Mật-thiết**, 密切 — Thân-thiết lắm. — ÉTROIT, INTIME.

tuy chưa có định-thể mà cái thể-thức rồi cũng không ra ngoài cái thể-thức của hán-văn được. Ta học chữ Hán trong mấy nghìn năm, cái tinh-thần của chữ Hán đã tiêm-nhiễm vào trong óc ta sâu lắm rồi, dù có muốn gột rửa đi cũng không sao được. Vậy quốc-văn sau này làm thế nào cũng có phảng-phất cái tinh-thần hình-thức của hán-văn ; đó là một lẽ tất-nhiên.

Thứ nhì là quốc-văn tất phải có chịu ảnh-hưởng của Pháp-văn ; đó cũng lại là một lẽ tất-nhiên nữa. Người An-nam ta học chữ Pháp mỗi ngày một nhiều, mỗi ngày một thâm, cái tinh-thần của Pháp-văn rồi cũng dần-dần tẩm-thấm vào trong não-chất người mình như hán-văn khi xưa, và bổ cho những điều khuyết-điểm của hán-văn. Hai cái tinh-thần ấy hòa-lộn với nhau, bổ lẫn cho nhau, nhờ đó mà không bao lâu quốc-văn ta thành được, gồm cả cái tinh-hoa của Âu Á. Hiện nay nhận kỹ những người hoặc thuần cựu-học, hoặc thuần tân-học viết văn quốc-ngữ đều không được thanh-thoát cả. Người thuần cựu-học thì có nhiều chữ dùng mà cách sắp đặt còn lộn-xộn, thứ nhất là không biết chấm câu theo lối mới, phép chấm câu ấy tuy coi tầm-thường mà rất là quan-hệ cho văn-chương. Người thuần tân-học thì thuộc phép đặt câu mà chữ dùng thường thiếu-thốn, không đủ tiếng mà nói hết cái ý mình. Tất phải người hiểu cả hai lối văn thì viết văn quốc-ngữ mới thông được. Đó là cái chứng rằng văn quốc-ngữ muốn cho thành-lập không thể dời hán-văn và pháp-văn được. Quốc-văn ta đương buổi phôi-thai (1) này mà được hai cái văn-chương lão-thành nhất trong thế-giới làm « cha đỡ đầu » cho, chẳng phải là một sự may lắm rư ?

Điều thứ ba là quốc-văn ta tuy phải tổ-thuật văn Tàu văn Tây làm mẫu, mà không thể mất được cái tinh-thần riêng của tiếng An-nam. Hóa-học dạy rằng phàm hai chất đem hóa-hợp với nhau thì thành ra một chất thứ ba, tính-cách khác hẳn hai chất kia. Văn quốc-ngữ ta rồi cũng vậy. Tuy bởi văn Tây văn Tàu điều-hòa mà thành, mà rồi tự biệt-lập ra một lối văn riêng, không giống hẳn văn Tây mà cũng không giống hẳn văn Tàu. Các nhà làm văn ta phải chú-ý lắm mới được. Trong khi bắt chuớc văn Tây, hay phỏng theo văn Tàu, phải cố giữ lấy cái quốc-túy của mình, nghĩa là cái phần nó đặc-biệt mình với người khác. Theo người là theo cái thể-thức hay, cái phương-phép khéo của người, không phải là bỏ cái hồn của mình đi mà chuốc lấy cái hồn của người đâu. Mỗi người ta có một cách tư-tưởng cảm-giác riêng, không ai giống ai. Gồm hết thảy mọi người trong một nước cũng có một cách tư-tưởng cảm-giác chung cho cả bấy nhiêu người mà riêng cho một nước ấy, không giống các nước khác. Phàm đã gọi là quốc-văn là phải vừa diễn được cái tư-tưởng cảm-giác riêng của mỗi người mà lại vừa tả được cái tư-tưởng cảm-giác chung trong một nước. Văn có thế mới gọi được là văn có tư-cách, mới là cái văn đã hoàn-toàn. Các nhà làm văn trong nước ta phải cố gắng cho văn quốc-ngữ có tư-cách như vậy, được hoàn-toàn như vậy.

Nếu hết thảy các nhà văn-sĩ trong Nam ngoài Bắc đều hiểu rõ các lẽ đó và cùng nhau theo đuổi một mục-đích chung thì lo gì mà quốc-văn ta không thành-lập được, không hợp-nhất được? Sự thành-lập ấy, sự hợp-nhất ấy, sẽ lần-lần, nhật-tẩm nguyệt-tí (2), không

(1) **Phôi-thai** 胚胎 = Mới có thai, có mầm, chưa sinh xuất ra hẳn. — A PEINE NÉ; ÊTRE ENCORE DANS LES LANGES ; A L'ÉTAT EMBRYONNAIRE.

(2) **Nhật-tẩm-nguyệt-tí,** 日浸月漬 = Ngày tẩm một tí, tháng thấm một tí, dần dần mà thành. — PEU A PEU, PROGRESSIVEMENT, AVEC UNE SAGE LENTEUR.

thể một buổi mà thành được, cũng không thể do một hội-đồng hay là một tòa Hàn-lâm nào quyết-định mà xong được. Nhưng cốt nhất là các nhà văn-sĩ phải đồng-ý nhau về ba điều cốt-yếu như trên kia đã nói, nghĩa là trong khi làm văn quốc-ngữ phải tùy-nghi châm-chước, lấy hán-văn pháp-văn làm mẫu, mà lại cố giữ lấy cái tinh-thần riêng của tiếng An-nam mình. Ba điều đó không phải là phản-trái nhau mà thiệt là liên-lạc với nhau. Có hán-văn thì văn quốc-ngữ mới có cốt-cách, không sai lề-lối cũ của nước mình ; có cốt-cách rồi, nhiên-hậu mới theo được cái phương-pháp mới của pháp-văn mà đem ra diễn được các tư-tưởng mới. Có cốt-cách, có phương-pháp rồi, nhiên-hậu cái tinh-thần riêng của tiếng An-nam mình mới có đường-lối mà phát-biểu ra được. Nếu khuyết một đoạn trong ba đoạn đó thì quốc-văn chưa gọi là hoàn-toàn được.

Ấy cái vấn-đề về văn quốc-ngữ đại-khái có mấy điều quan-trọng như vậy. Nay có một điều nữa cũng có thể giúp cho quốc-văn chóng thành-lập được : là sự làm một quyển tự-điển An-nam.

Việc nay cũng nhiều người bàn lắm như việc hợp-nhất trên kia, mà tổng-chí cũng là bàn không thiết-thực cả. Đi đến đâu cũng nghe người nói ta cần phải có một quyển tự-điển An-nam mới được, nhưng nếu thử hỏi phải làm tự-điển ấy ra làm sao thì ít người biết nên làm thế nào cho tiện-lợi.

Trước khi làm tự-điển phải giải rõ tự-điển là cái gì. Tự-điển về một thứ chữ nào là cái tổng-mục hết thảy những tiếng trong thứ chữ ấy. Như tự-điển KHANG-HI là cái tổng-mục hết thảy các chữ tàu. Tự-điển LAROUSSE là cái tổng-mục hết thảy các chữ Pháp. Nghĩa là một cái sổ để ghi lấy những chữ đã có, và ghi lấy cái nghĩa thông-thường của mỗi chữ. Như thế thì trước hết phải đã có đủ chữ đủ tiếng, và mỗi chữ mỗi tiếng phải đã có nghĩa nhất-định rồi thì mới cần ghi lấy cho khỏi quên và truyền cho người khác, chớ đương khi chữ chưa đủ mà dùng, nghĩa hãy còn phảng-phất, thì đã vội ghi lấy làm gì, mà cho dẫu muốn cố ghi lấy nữa thì lấy gì làm bằng-cứ? Người làm tự-điển là một người « giữ sổ », tiếng nào đã thành rồi thì biên vào sổ, không phải là người đặt ra chữ được. Người đặt chữ phải là các nhà văn-sĩ, trong khi làm văn nghĩ ra những cách dùng chữ khéo, những cách đặt câu diệu, rồi dần dần lưu-truyền đi thành ra thông-dụng, bấy giờ nhà làm tự-điển mới đem mà ghi vào sổ. Tiếng An-nam ta ngày nay tuy về phần « nhật-dụng thường-đàm », về phần phương-ngôn tục-ngữ đã có nhiều chữ nhiều tiếng lắm, mà về phần học-thuật cách-trí còn thiếu-thốn nhiều. Vả xưa nay chưa có quốc-văn, không kể những chữ những tiếng còn thiếu, mà đến những tiếng những chữ vốn có cũng chưa từng đem ra dùng làm văn-liệu (1), cho nó mềm-mại tinh-tường thêm ra. Bây giờ quốc-văn mới thành, phải để cho các nhà làm văn tự-do mà kiếm tiếng dùng chữ, lợi-dụng cái kho quốc-âm vốn có của nước nhà, thâu-nhặt những danh-từ chưa có xưa nay, đến bao giờ tiếng mới tiếng cũ, nghĩa bóng nghĩa đen, đã hồn-nhiên mà lưu-hành cả, bấy giờ nhà làm tự-điển mới có thể ra tay mà cóp-nhặt lấy để ghi-chép vào quyển sổ của mình. Bằng nay quốc-văn còn sốc-nổi chưa có định-thể, chưa có bằng-cứ, mà đã vội làm tự-điển ngay thì e rằng không tránh khỏi cái trách độc-đoán, nghĩa là tự mình theo ý mình

(1) **Văn-liệu.** 文料 = Tài-liệu để làm văn. — MATÉRIAUX LITTÉRAIRES.

quyết-định mà bắt hết thảy người ta phải theo, thật là có hại mà không có lợi cho quốc-văn vậy. Cứ xét những tự-điển tiếng An-nam đã xuất-bản từ xưa đến nay, như bộ *Quốc-âm tự-điển* của ông PAULUS CỦA người Nam-kỳ, tuy làm đã công-phu lắm, mà nay có mấy người dùng, thì đủ biết. Đại-để một thứ tiếng còn đương tiến-thành, chưa có định-thể như tiếng An-nam ta ngày nay, phải để cho rộng đường tiến-hóa, không thể đem giam vào trong giới-hạn một quyển tự-điển được. Làm tự-điển tiếng An-nam bây giờ là sớm quá. Hoặc-giả có nhà học-vấn nào chỉ chủ một cái mục-đích khảo-cứu mà thôi, muốn ghi lấy những tiếng An-nam hiện có bây giờ mà làm quyển tự-điển riêng cho việc khảo-cứu thì có ích-lợi gì chăng, chớ muốn làm cái cơ-quan để giúp cho quốc-văn chóng phát-đạt thì e không được thành-hiệu lắm.

Nhưng nếu thế thì bao giờ cho tiếng An-nam có tự-điển, và hiện nay có chữ gì không biết muốn tra-cứu thì tra-cứu vào đâu. Thiết-tưởng có một cách bổ-cứu được sự khuyết-điểm đó, là làm một bộ « Pháp-Việt tự-điển » dịch theo các tự-điển tây, vừa giúp được cho quốc-văn chóng thành-lập mà lại vừa giúp được quốc-dân học chữ Pháp, có thể ích-lợi được nhiều đường. Vả một bộ « Pháp-Việt tự-điển » không phải là bộ tự-điển tiếng An-nam, không có cái bất-tiện như trên kia : chẳng qua là một bộ tự-điển dịch tiếng Pháp ra tiếng Nam mà thôi.

Ngày nay người An-nam, nhất là những bậc thanh-niên, đua nhau học chữ Pháp cả. Những khi cần phải dịch pháp-văn ra tiếng ta thì không có sách gì mà tra-cứu. Vả phàm các khoa-học mới là học bằng chữ Pháp cả, các tư-tưởng mới là diễn bằng tiếng Pháp cả, muốn nói ra tiếng nước mình lắm khi thiếu tiếng không nói được hết. Thành ra bao nhiêu những tay Pháp-học càng ngày càng chán quốc-văn, vì vốn mình đã ít chữ, lại không có sách mà học thêm, những khi cần-dùng không biết cầu-cứu vào đâu, chắc nhiều người nản-chí. Nay dịch được một bộ tự-điển Pháp ra tiếng An-nam, dịch cho kỹ-lưỡng, cho hoàn-toàn, đặt những chữ gọn-ghẽ xinh-xắn, dễ đọc dễ nghe, cho có thể dùng làm văn quốc-ngữ được, chớ không những thích nghĩa tiếng tây mà thôi (như tự-vị Trương Vĩnh-Ký trong Nam-kỳ), thì giúp cho những nhà Pháp-học biết bao nhiêu. Mà giúp cho những người Pháp-học được rộng tiếng quốc-âm mà dùng, tức là giúp cho quốc-văn chóng phát-đạt, vì những tay pháp-học đó tức là những tay thợ giỏi sắp ra xây cái nền quốc-văn sau này vậy.

Vả chữ Pháp là một thứ chữ hay nhất, đẹp nhất, hoàn-toàn nhất trong thế-giới, các bậc tri-thức ở các nước đã phải công-nhận cả. Chữ Pháp diễn cái gì cũng được phân-minh rõ-ràng, sáng-sủa gọn-ghẽ, điển-nhã thanh-tao ; thứ nhất là chữ nào cũng sáng nghĩa lắm, không có mập-mờ, không có trùng-điệp, không có lẫn-lộn. Người nào đã từng học chữ Pháp ít nhiều cũng biết rằng tiếng Pháp thật là có nhiều cái hay hơn tiếng các nước khác. Nay ta dịch được một quyển « Pháp-Việt tự-điển », tức là bày cho quốc-văn ta một cái mẫu tuyệt-phẩm vậy. Ai cũng biết rằng tiếng An-nam mình nhiều tiếng rất thường dùng mà nghĩa rất mập-mờ, đặt trong câu văn muốn giải ra thế nào cũng được, thành ra văn nôm nhiều khi hỏi nghĩa là vì thế. Nay đem ra dịch chọi với tiếng Pháp, có thể định nghĩa phân-minh được. Đó là một sự ích-lợi không gì bằng, không kể một thứ tiếng còn non-nớt mà đem khuôn vào một thứ tiếng đã lão-thành, còn được nhiều sự ích-lợi hiển-nhiên nữa, không thể nói hết cả được.

Bởi các lẽ đó nên thiết-tưởng rằng hiện nay bọn ta cần một quyển tự-điển dịch riêng tiếng Pháp hơn là một quyển tự-điển chung cả tiếng An-nam. Các nhà có chí nên lưu-tâm vào việc đó trước nhất. Bản-báo cũng muốn ra công giúp một phần vào đó và định sau này sẽ khởi-thảo một bộ « Pháp-Việt tự-điển» trong báo này. Xin để sau sẽ bàn tường hơn.

PHẠM QUỲNH

TƯ-TƯỞNG ĐẸP, LỜI VĂN HAY

(Dịch chữ Pháp)

Le propre de l'homme, c'est ce qu'on appelle la personnalité, cet effort pour être quelqu'un, pour acquérir une certaine vertu et une certaine valeur, pour apporter à l'œuvre universelle de l'humanité quelque chose de nouveau, de distinct, qui constitue, pour cette œuvre, un enrichissement.

E. BOUTROUX

Cái đặc-sắc của người ta là cái nhân-cách, nghĩa là người ta phải ráng sức cho ra tư-cách một con người, cho có cái tài-đức gì, cho nên cái giá-trị gì, cho giúp vào cái công tiến-hóa của nhân-loại được một chút gì mới lạ, đặc-biệt, làm cho cái công ấy được thêm hay thêm tốt hơn lên.

* * *

Il fut un temps où je croyais que la quantité des connaissances était la vraie mesure de la valeur d'un homme, et je méprisais la foule qui n'est pas savante. Rousseau a redressé mon jugement. Le prestige s'evanonit, et j'apprends à honorer l'homme. Je me jugerais cent fois plus inutile que le plus humble travailleur, si je ne pensais que grâce à ces réflexions mêmes, je suis désormais en mesure d'employer mes connaissances à rétablir les droits de l'humanité.

KANT

Đã có một độ tôi tin rằng cứ lấy sự học-thức ít nhiều mà đo lường được cái giá-trị người ta, bấy giờ tôi khinh-bỉ kẻ phàm-thường, vì kẻ phàm-thường không có học. Nhờ đọc sách ông Rousseau nước Pháp mà tôi sửa lại được sự xét-đoán sai-lầm ấy. Tôi không tin cái oai-quyền của sự học nữa, vì tôi hiểu rằng phàm làm người ai cũng đáng tôn-trọng. Tôi tưởng cứ như tôi đã biết suy-nghĩ như vậy mà lại không biết đem cái học-thức của mình mà bảo-trì cho cái công-quyền của loài người, thì sánh với người làm công rất dễ-tiện một trăm phần không bằng một phần vậy.

Tòa báo Nam-phong có lời công-cáo các ngài đọc báo biết rằng : bản-báo định mỗi số in một vài tấm ảnh những người có danh tiếng trong nước, những nơi đền đài công-sở đẹp của An-nam ta, những nhà trường, nhà hội công-ích, v. v., xin ngài nào có những ảnh như vậy gởi lại cho bản-báo, và biên rõ ràng là nơi nào, xứ nào, có gì lạ, nếu là người thì kể qua cái lý-lịch, sự-trạng để chua ở dưới. Ngài nào có bụng tốt gởi cho, nếu in được sẽ ghi tên bên cạnh để cám ơn.

GIẢI NGHĨA VỀ SỰ LẬP HỘI-ĐẢNG

Người sinh ở đời, bay không bằng các giống chim, chạy không bằng các giống thú, nhưng mà có cái tư-cách đứng đầu muôn vật, vận-dụng tâm-tư lực-lượng của mình mà sai khiến được muôn vật và xây dựng nên thế-giới. Cái năng-lực của loài người nếu không liên-lạc cùng nhau, ai phận nấy thì không những không gây-dựng nên sự công-ích được, cũng khó lòng mà ở với loài mãnh-cầm ác-thú. Bởi vậy, người các nước văn-minh, ai cũng lấy nghĩa hợp-quần làm trọng, có nghĩa hợp-quần thì loài người mới có đoàn-thể mà làm nên công kia việc nọ. Chúng ta thử xem cuộc đời bây giờ, nào là đoàn-thể quốc-tế của các nước trong hầu trời, nào là đoàn-thể qnốc-gia, đoàn-thể chánh-trị ở trong một nước; đến như nghề buôn cũng có hội, nghề thợ cũng có đảng, nghề học thì có phái, nghề nông thì có đoàn. Vui vẻ thay ! Cái thời-đại này là cái thời-đại đương thịnh-hành về cái nghĩa « hợp-quần » vậy. Nghĩa hợp-quần như thế nào? Là hợp mọi người lại thành một hội một đảng, theo một cái mục-đích mà làm về sự ích-lợi chung vậy.

Tuy rằng dân ở trong nước nương-tựa dưới quyền quốc-gia, thì quốc-gia là một cái đoàn-thể của dân đấy, nhưng mà cái đoàn-thể quốc-gia đã đứng cao trên hết thành ra cái hình-thức thuộc về bề chánh-trị, còn như sự liên-lạc nhau trong xã-hội để giúp cho cái đoàn-thể quốc-gia ấy được tiến-bộ, thì cốt ở dân, Chánh-phủ vẫn thường cho nhân-dân được chiếu theo phép luật mà lập hội. Huống chi dân trong một nước đã kết hợp cùng nhau đứng dưới quyền chánh-phủ thì chánh-phủ cai-trị những dân có các đoàn-thể ấy há chẳng dễ lắm ru !

Người nước ta đối với cái nghĩa hợp-quần hãy còn mô-hồ lắm, thời-đại nho-học ngày trước, cái nghĩa ấy tuy có nảy ra trong xã-hội một đôi chút, như là hội « tư-văn », hội « đồng-môn », hội « đồng-châu-kinh-hoạn », vân vân..., nhưng xét ra thì hội « tư-văn » và hội « đồng-môn » của bọn nhà nho chẳng qua là thuộc về nghĩa tôn-giáo, nhóm những phái nho-học trong một tỉnh, một huyện, một làng, hay là trong một trường học để mà lo tế lễ Thánh và phụng-sự ông thầy dạy; còn như hội « đồng-châu-kinh-hoạn » thì chẳng qua là các quan ở cùng một xứ, chung họp lại lấy danh-nghĩa hội để cho tiện sự thù-tạc khánh-điếu mà thôi, ngoài ra không có cái ý-vị gì quan-thiệp đến sự lợi-ích cho xã-hội. Nhưng mà từ khi nước nhà nhiều việc, chữ « hội » nó thành ra một thứ quái-vật, làm cho người ta phải kiêng phải dè, phải từ-chối mà không dám nói đến, như hội « tư-văn » thì đổi là « tư-văn phổ », hội « kinh-hoạn » thì đổi là « kinh-hoạn phổ », vân vân..... Vì sao mà thay hình đổi lốt như vậy ? Có lẽ vì trong khi Nhà-nước Đại-Pháp mới đến nước ta, dân-gian cũng nhiều nơi lập ra hội bí-mật mà phản-đối với Nhà-nước, cho nên chữ « hội » không cấm mà thành ra cấm. Vả chăng *hội* với *phổ* hai chữ ấy có khác gì nhau ? Chúng ta tưởng nên giải nghĩa thế nào cho rõ ràng, không nên theo những cách kiêng-cữ giả-dối, nghi-ngờ sai-lầm như trước nữa. Hội có nhiều thứ : có thứ hội hại cho Chánh-phủ, mà cũng có thứ hội lợi cho Chánh-phủ. Hội thế nào là hại cho Chánh-phủ ? Là lập hội bí-mật, không tuân theo pháp-luật, làm những sự bạn-nghịch, ấy là hại cho Chánh-phủ. Hội thế nào là lợi cho Chánh-phủ ? Là lập hội minh-bạch, tuân theo pháp-

luật, làm những sự lợi-ích vậy. Nếu không xét cái tính-chất lập hội thế nào, chỉ thấy danh-nghĩa hội thì nhất-thiết cho là một thứ tai-vạ, một thứ lấy giây buộc mình, mang gông vào cổ, mà không dám ừ-hữ đến, thế thì có khác nào như thấy người ta cầm đồ kim-thiết đi giết người bị phải tội, mà nói rằng những loài kim-thiết toàn là thứ làm cho người ta phải tội cả, ta không nên mó đến hay sao? Hội cũng như là loài kim-thiết; kim-thiết cũng có thứ đúc ra gươm súng mà cũng có thứ rèn ra đồ nông-khí, không nên thấy gươm súng là cấm-vật, mà đến nỗi đồ nông-khí, là đồ thiết-dụng, cũng vứt bỏ mà không dùng.

Muốn sự lập hội của dân không hại đến sự trị-an trong nước, thì Chánh-phủ đã có cách hạn-chế. Cách hạn-chế thế nào? Là phàm lập hội phải trình Chánh-phủ, có Chánh-phủ công-nhận thì hội mới thành-lập được, còn những hội bí-mật không trình với Chánh-phủ, thì phải bị cấm. Xem như bộ luật mới thi-hành ở Bắc-kỳ (*Hình-luật*, chương thứ 15 điều thứ 101, 102, 103, 104, 105) nói về sự lập đảng hội trái phép Nhà-nước, thì trong luật đã định ra rõ ràng vậy. Nhưng thuộc về lẽ cấm những hội bí-mật, ấy là lẽ chánh-đáng của Chánh-phủ giữ-gìn sự trị-an trong nước, không những pháp-luật nước ta như thế mà thôi đâu, pháp-luật của Nhà-nước Đại-Pháp cũng có đặt ra các điều-lệ ấy, xem như luật hình nước Đại-pháp có mấy khoản như sau này:

« *Điều thứ 291.* — Từ hai mươi « người trở lên, lấy sự tôn-giáo, văn-« học, chánh-trị hay là sự gì khác làm « mục-đích, mà ngày nào cũng tập hội, « hay là định ngày mà tập hội, nếu « không xin phép với Chánh-phủ và « không tuân theo qui-tắc của Chánh-« phủ đã định, thì sự tập hội ấy phải « bị cấm. . . .

« *Điều thứ 292.* — Không được phép « của Chánh-phủ cho, mà tập hội như « điều trên đã nói, hay là hội đã được « phép của Chánh-phủ cho, mà khi tập-« hội lại không tuân theo qui-tắc của « quan trên đã định, thì hội ấy phải « bị giải-tán.

« Người hội-trưởng hay là người « sáng-lập, v.v. phải bị phạt từ 16 quan « cho đến 200 quan tiền tây.

« *Điều thứ 293.* — Không cứ là khi « bàn bạc việc hội, dùng theo tiếng « nước nào mà khuyến dụ người ta « theo sự quỉ-thần, . . , không cứ dùng « cách thức nào mà ban-bố những sách « vở tờ bồi, xét ra có ý khêu cho người « ta làm tội nặng hay là tội nhẹ, thì « người hội-trưởng, người sáng-lập hội, « v. v. phải bị phạt từ 100 quan đến « 300 quan tiền tây, và bị ở tù trong « hạn từ 3 tháng đến 2 năm. . . . . »

Xem như thế thì luật Đại-Pháp vẫn không cấm dân lập hội, nhưng cốt là lập hội phải xin phép với Chánh-phủ vậy. Nay chúng ta hãy dẫn-chứng trong bộ luật cũ nước ta mà xem, những điều-lệ trong bộ *Hoàng-Việt-luật-lệ* chưa hề có định rõ ràng ra cái thể-lệ lập hội nên thế nào, chỉ thấy trong quyển thứ 12, điều 224, thuộc về luật « mưu-bạn » có điều-lệ như sau này:

« Đoạn thứ 2. — Phàm người khác « họ, cùng nhau uống máu ăn thề, phần-« biều kết-bái làm anh em, thì chiếu « theo luật « mưu-bạn-vị-hành » [1] mà « trị tội. Người đầu đảng thì « giảo, « giam-hậu [2], người vi-tòng thì giảm

(1) Nghĩa là định là phản-nghịch mà chưa kịp làm.

(2) Giảo là thắt cổ, « giảo, giam-hậu » nghĩa là xử tội giảo nhưng mà còn giam lại để chờ mệnh-lệnh cho nên tội ấy không đến chết.

« một bực. Nếu tụ hội đến 20 người « trở lên, thì người đầu đảng bị tội « chém, người vi-tòng bị đày đi xa. — « Không có những sự uống máu ăn thề, « phần-biều, v. v..., chỉ chiếu theo tuổi « lớn nhỏ mà kết-bái làm anh em, nếu « tụ hợp đến 40 người trở lên, thì « người đầu đảng bị tội « giảo, giam-« hậu », người vi-tòng bị đày xa. Nếu « tụ hợp chỉ số dưới 40 trên 20 người, « thì người đầu đảng bị « trượng [1] » « một trăm, đày 3000 dặm. Nếu tụ hợp « chỉ số dưới 20 người, thì người đầu « đảng bị trượng một trăm, « già-hiệu[2] » « hai tháng. Còn những người vi-tòng « thì đều được dảm một bực. Nếu từ « 40 người trở lên tụ hội lại làm những « sự như trên đã nói, nhưng mà bầu « người trẻ tuổi làm đầu, không chiếu « theo niên-xỉ lớn nhỏ, thế cho là phỉ-« đảng, người thủ-phạm phải bị chém, « người vi-tòng bị đày xa.

« Đoạn thứ 3. — Phàm những phường « vô-lại, uống máu ăn thề cùng nhau, « rồi lại kết-liên những bọn thổ-hào, thị-« côn, nha-dịch, binh-lính, người này « xưởng, kẻ nó ứng, làm hại cho lương-« dân, đã có người hương-chức đến « trình quan, mà quan địa-phương « không chấp-lý và không tập-nã, có ý « che chở cho nó, nếu nhân đấy mà nó « làm những sự trộm cướp hoành-hành, « thì quan địa-phương phải bị cách « chức và bị trọng-trị. Còn như quan « địa-phương nào ngày thường tuy « không kiểm-xát đến, nhưng khi nghe « tin thì bắt ngay được, thì được miễn-« nghị. Người hương-chức biết mà « không thú-cáo, thì có tội. Người láng « riềng biết mà thú-cáo thì được thưởng. « Nếu thú-cáo bậy, thì chiếu theo luật « vu-cáo mà trị tội »,

Xem trong điều-lệ ấy thì luật ta ngày trước chánh vì cấm dân không được lập hội bí-mật mà mưu-bạn, không phải là nhất-thiết cấm dân trong nước không ai được lập hội, không ai được vào hội, và không phải là nhất-thiết cho những hội gì trong nước cũng là mưu-bạn cả mà trị tội đâu. Nhưng chúng ta chỉ tiếc rằng ngày trước nhân-dân hiền lành, nghề làm ăn cũng dễ dãi, cái nghĩa hợp-quần không lấy gì làm cần-thiết trong xã-hội cho lắm, cho nên trong luật lập ra không nghĩ-tưởng đến sự đoàn-thể của dân là sự tất-nhiên phải có, mà định rõ cái giới-hạn cho người lập hội được biết mà tuân theo pháp-luật. Vì thế, những kẻ háo-sự nhân đó mà xoi bói ra lắm điều, làm cho dân trong nước ai nấy cũng đem lòng sợ hãi, đành rằng thân ai nấy lo, việc ai nấy tính, chẳng dại gì mà hợp đoàn kết bạn, rồi mang lấy cái vạ phi-thường. Thương hại thay! Dân ở chung trong một nước mà như cát rã, như giá tan, không có một cái đoàn-thể gì để liên-lạc tấm lòng thương yêu, mở mang những sự công-ích, thế thì tài nào mà trong nước cho giàu, nghề cho hay, học-hành cho giỏi được.

Từ khi có Nhà-nước Đại-Pháp đến bảo-hộ nước Nam ta thì Nhà-nước đã dần-dần vì dân ta mà đề-xướng ra cái nghĩa « hợp-quần ». Kia như các nghị-hội của Nhà-nước lập cho dân ta, ấy thuộc về cơ-quan chánh-trị, không cần phải nói. Còn ngoài ra như là hội « Nông-nghiệp tương-tế », hội « Khuyến-học » ở Nam-kỳ, hội « Chí-tri », hội « Pháp-học bảo-trợ » ở Bắc-kỳ, hội « Quảng-tri » ở các tỉnh Trung-kỳ, cùng là các hội-xã doanh-nghiệp khác, cũng đều được Nhà-nước chuẩn-nhận mà giúp đỡ cả. Xem như thế thì sự lập hội là sự chánh-đáng của dân nên làm, nếu lập hội mà đúng vào pháp-luật thì không những là Nhà-nước đã không

(1) Trượng là đánh đòn.

(2) Già-hiệu là đóng gông vào cổ mà dẫn ra ngoài cho người ta xem.

cấm mà lại sẵn lòng giúp đỡ cho. Nước nào cũng thế, mà hiện nước Nam ta bây giờ cũng vẫn được như thế, thế thì chữ *hội* lại có ngại gì, sự lập hội lại có ngại gì.

Huống chi, Nhà-nước Đại-Pháp là giàu mạnh vì nghĩa hợp-quần ; dân Đại-Pháp là dân có đoàn-thể ; chúng ta thử xem như trận đánh long trời lở đất vừa rồi, thì Nhà-nước Đại-Pháp cũng vì có cái nghĩa hợp-quần, cái cách đoàn-thể mà được thắng trận. Thế thì cái nghĩa hợp-quần, cái cách đoàn-thể của người Đại-Pháp, là cái gương rất quí báu của chúng ta vậy. Nay chúng ta đã được soi cái gương rất quí báu ấy mà lại không biết liên hợp kẻ Nam người Bắc kết thành đoàn-thể để lo loan sự công-ích trong xã-hội, chẳng hóa ra chúng ta là một bọn người rất lười biếng lắm ru ?

Cái cuộc toàn-thắng bên Âu-châu ngày nay, danh-dự của Nhà-nước Đại-Pháp đã lừng lẫy trên thế-giới, phàm những dân các nước hậu-tiến đều hâm-mộ cái học-thuật văn-hóa của nước Đại-Pháp. Như gần đây nước Tàu có lập hội « Trung-Pháp hiệp-tiến » ở Bắc-kinh, trong hội ấy người Đại-Pháp và người Tàu đứng sáng-lập để nghiên-cứu về sự giáo-dục và thiệt-nghiệp của hai nước. Vả chăng nước Tàu là nước độc-lập ; dân-tộc Tàu là dân-tộc có văn-minh cũ, mà bây giờ thấy nước Đại-Pháp thành công, hãy còn muốn kết đoàn hợp sức để học đòi theo Đại-Pháp, lo về đường tiến-bộ, huống chi nước ta là một nước của Đại-Pháp Bảo-hộ, dân-tộc ta là một dân-tộc của Đại-Pháp Bảo-hộ, lẽ nào ta không chịu học theo thầy Đại-Pháp ; ta không biết theo đòi những công-nghiệp của người Đại-Pháp đã đứng trước mà làm gương cho chúng ta. Chúng ta sinh trong thời-đại này, gặp quốc-vận Nhà-nước Đại-Pháp đương lúc cường-thạnh, ngọn cờ ba sắc phất phơ trước mắt chúng ta, hình như đã báo tin cho chúng ta rằng Nhà-nước Đại-Pháp sắp đem nhân-đạo công-lý mà ân-tứ cho chúng ta đấy, cái ân-huệ ấy không phải là cái ân-huệ Nhà-nước có thể cho riêng một đôi người được, cái ân-huệ ấy cũng không phải là cái ân-huệ chúng ta chỉ lấy tư-cách từng người đứng hưởng-thụ lấy mà làm ích lợi riêng cho một mình được ; chúng ta muốn nương tựa dưới bóng cờ ba sắc mà tiếp-thụ lấy ân-huệ của một nước lớn trong thế-giới, thì phải liên-hợp kẻ Nam người Bắc kết thành đoàn-thể cho chánh-đáng. Nếu không có đoàn-thể thì không những chúng ta tự-vẫn đã không ra gì, mà lại đắc-tội với ân-quốc của chúng ta nữa. Gần đây quan Toàn-quyền Sarraut có xướng ra cái chủ-nghĩa « *Đông-dương thống-nhất* », thống-nhất nghĩa là liên-lạc xứ Đông-dương thành một cái đoàn-thể lớn vậy. Quan Toàn-quyền muốn liên-lạc xứ Đông-dương thành một cái đoàn-thể lớn, thì dân ta phải nên lấy một cái mục-đích chung mà liên-lạc cùng nhau thành cái đoàn-thể nhỏ trong nước, ấy là chúng ta biết thể theo ý quan Toàn-quyền ; biết học tập theo thầy Đại-Pháp đấy. Chúng ta muốn giải cho rõ nghĩa hội-đảng, thì nên giải như thế này : Nếu lập hội bí-mật, làm việc trái phép, thì có tội với Nhà-nước, cho nên pháp-luật phải cấm ; còn như lấy sự lợi-ích chung, xin phép với Nhà-nước mà lập hội, thì sự lập hội ấy đúng vào pháp-luật, Nhà-nước sẽ chuẩn nhận cho.

Nguyễn Bá-Trác

QUAN-BA GUYNEMER

MỘT BẬC THIẾU-NIÊN-ANH-HÙNG

Truyện ông phi-tướng Guynemer (1)

« Héros légendaire tombé en plein ciel de gloire, après trois ans « de lutte ardente ; restera le plus pur symbole des qualités de la « race : ténacité indomptable, énergie farouche, courage sublime. « Animé de la foi la plus inébranlable dans la Victoire, il lègue au « soldat français un souvenir impérissable qui exaltera l'esprit de sa- « crifice et les nobles émulations »

(*26e Citation à l'Ordre de l'Armée du Capitaine Georges Guynemer*).

*
* *

« Tướng anh-hùng như trong truyện thần-tiên, trong ba năm « chiến-đấu rất oanh-liệt, hốt-nhiên bỉ chết lưng-chừng trời, giữa « cuộc công-danh đương hiển-hách ; sau này sẽ thành cái gương rất « sáng-suốt để chiếu roi đời đời những tinh chất tốt của giống Pháp « ta : kiên-nhẫn vô-địch, cương-nghị phi-thường, can-đảm tuyệt- « địch. Một lòng tin ở cuộc chiến-thắng, kiên như đá, vững như « đồng, còn lưu lại cho nhà binh Pháp sau này một cái kỷ-niệm « không bao giờ quên, ai nhớ đến như giục tấm lòng vì-nghĩa. « xui cái chí công-danh. »

(Lời tuyên-công lần thứ 26 cho toàn-quân của quan-ba Georges Guynemer được) (2).

Trong cuộc chiến-tranh có một trong lịch-sử này đã xuất-hiện biết bao nhiêu những bậc tướng giỏi quân hùng, sánh với những mãi đại-anh-hùng trong truyện cũ không kém gì. Nhưng hiển-hách nhất, oanh-liệt nhất, duy có ông tướng tàu bay Guynemer (đọc là Ghi-ne-me). *Người tuổi trẻ mà cái khí diễm như lửa cháy, cái nghị-lực như đá kiên, trong ba năm trời làm cái nêu anh-hùng cho mấy trăm vạn con người, lập nên những công-trạng ở đời xưa đời nay không bao giờ có, những nghe thấy cũng đủ khiến cho thiên-hạ phải quì gối mà vái tay. Ôi! một người như vậy thật là cái khí thiêng của trời đất trong mấy nghìn năm chung-đúc mới nên. Mà nước Đại-Pháp sản được cái của báu ấy cũng thật là một sự vẻ-vang danh-tiếng muôn đời vậy.*

Truyện tướng Guynemer *là truyện ai ai cũng phải biết, người lớn phải tường từng việc, trẻ con phải thuộc làm lòng. Đọc truyện ấy mà đủ hưng-khởi trong lòng, đọc truyện ấy mới biết rằng cái chí người anh-hùng là cái sức mạnh đệ-nhất trong trời đất, không.*

---

(1) **Phi-tướng** 飛 將 — Ông tướng coi tàu bay. - Officier aviateur. (Chữ Guynemer đọc nôm là *Ghi-ne-me*).

(2) **Tuyên-công** 宣 功 — Những quân lính ở trận-tiền lập nên công-trạng được lời khen thông-lục cho trong quân biết. Lời khen đó gọi là lời « tuyên-công » (*citation à l'ordre*). Hoặc tuyên-công trong hàng đội (*citation à l'ordre du régiment*), hoặc trong lữ-đoàn (*à l'ordre de la brigade*), hoặc trong sư-đoàn (*à l'ordre de la division*), hoặc trong quân-đoàn (*à l'ordre du corps d'armée*), hoặc trong toàn-quân (*à l'ordre de l'armée*). Tuyên-công cho toàn-quân thì do quan Thống-tướng (*généralissime*) ban, còn các hạng khác thì do quan chủ-tướng mỗi hạng ban

gì không làm nổi mà không gì là địch nổi, dù bay rạt trong đám mây mưa hay liệng qua trên vong đạn lửa, vào sinh ra tử, bách-triết thiên-ma (1), *tấm thân ngoài hai mươi tuổi, xông-pha biết bao nỗi hiểm nghèo, mà không hề đốn-tỏa* (2), *lại như mảnh sắt kia lửa càng nung mà chất càng rắn vậy. Cho đến lúc bị hại cũng là đương cuộc chiến-đấu, giữa khoảng không gian, gió rập mây vùi, mưa than sấm khóc, không phải cái chết bi-thương ảo-não như người thường. Ôi! Kiệt thay! Mà con người ấy chưa đầy hai mươi ba tuổi! Mà sự-nghiệp ấy chỉ vừa trong khoảng ba năm!*

Nay muốn ngợi khen bậc thiếu-niên dại-anh hùng ấy, không gì bằng giới-thiệu (3) *truyện người cho quốc-dân ta biết, để lưu làm cái kỷ-niệm muôn năm.*

Sau này lược-dịch sự-trạng tường GUYNEMER *theo sách tây. Tuy toàn là sự thực mà đọc tưởng không khác gì một bộ tiểu-thuyết lì-kỳ vậy.*

PH. Q.

Ngày mồng 8 tháng 6 năm 1915, có một người cầm máy tàu bay mới, vừa ở nhà trường ra, đến Vauciennes (Vô-xiên) (4), vào hạm-đội (5) số M. S. 2., tức là hạm-đội hiệu « Con Hạc » (*escadrille des Cigognes*) đã có danh tiếng lừng-lẫy. Giữa ngày đó quan coi hạm-đội là quan ba BROCARD (Bờ-rô-ca) phải đi ra Bourget (Bua-giê) có việc quan, ngài có cử thầy VÉDRINES (Vê-đờ-lin) là người lòng-sự dưới quyền ngài tiếp người mới đến ấy. Ngài bảo thầy rằng : « Thằng bé mới có hai mươi tuổi, hãy còn như đứa con gái, nhưng người ta nói với tôi rằng cũng nhanh-nhẩu ». Quả thầy VÉDRINES (Vê-đờ-lin) trông thấy người mới đến hãy còn trẻ bé quá, thiệt cũng lấy làm lạ. Người còn trong tuổi thành-đồng (6) mà cao lớn, mặt còn như mặt trẻ con mà nước da sầm-sẫm, hình-thể thật cao thật mảnh, mặc bộ quân-phục gọn-ghẽ vừa-vặn như in, coi người lại mảnh-khảnh hơn nữa. Song tuy hình-thể còn trẻ bé, coi rất là mĩ-miều đáng yêu, mà cái thái-độ đã chín-chắn nghiêm-trang lắm, lại con mắt quả-quyết trái hẳn với cái nét mặt trẻ-măng. Ôi! cái con mắt đen lay-láy, vững chừng-chừng, sao mà nó sáng quắc như lửa vậy, lắm lúc nhác trông như trói-lọi!

Người mới tới đó tức là thầy cai Georges GUYNEMER (Ghi-nơ-me), thầy mới có hai mươi tuổi, sinh ở Paris ngày 24 tháng 12 năm 1894. Một năm trước thầy hãy còn là cậu học-trò trường Trung-học. Năm 1912 đỗ tú-tài về văn-khoa và cách-trí-khoa (*bachelier ès-lettres-sciences*), còn theo học ở trường Trung-học Stanislas (Sơ-ta-ni-la) để sửa soạn vào thi trường « Công-nghệ Đại-học-hiệu » (*Ecole Polytechnique*). Trong năm 1914, quan đốc trường Trung-học xét thầy không đủ sức khỏe mà ra thi cái khoa thi có tiếng là rất

---

(1) **Bách triết thiên ma** 百折千磨 — Trăm lần bẻ, nghìn lần mài ; nghĩa bóng là phải chịu nhiều nỗi cực-khổ, nhiều đường nguy-hiểm. — S'EXPOSER A TOUS LES DANGERS, TOUS LES PERILS.

(2) **Đốn-tỏa** 頓挫 — Cúi ép, nhụt chí, ngã lòng, — ABATTEMENT, PROSTRATION, DECOURAGEMENT.

(3) **Giới-thiệu** 介紹 — Người đứng giữa đem người này trình mặt cho người kia biết, đem truyện người ta không biết trình bày cho mà biết, vân vân. SERVIR D'INTERMEDIAIRE POUR PRESENTER, INTRODUIRE une personne, un ouvrage, etc...)

(4) Vauciennes (Vô-xiên) là tên nơi sở tàu bay. Bourget (Bua giê) cũng là một sở tàu bay khác gần đây.

(5) **Hạm-đội** 艦隊 — Một đội những tàu chiến ; nói rộng ra tàu bay cũng được. — ESCADRE (de navires de guerre); ESCADRILLE (d'aéroplanes).

(6) **Thành-đồng** 成童 — Tuổi không còn nhỏ nữa mà chưa lớn hẳn, từ 15 đến ngoại hai mươi. — ADOLESCENCE.

khó ấy, khuyên thày nên nghỉ học để dưỡng sức, nên giữa lúc khai-chiến thì thày đương cùng cha mẹ nghỉ mát ở Biarritz (Bi-a-li-xơ). Được tin, lập-tức thày muốn xin tình-nguyện theo quân, muốn ra lập công-danh trong cái nghề binh kia là nghề tổ-tiên ngày trước đã bao nhiêu người nổi tiếng. Họ thày là một cựu-tốc, vốn ở đất Boulonnais (Bu-lô-nê), rồi dời sang đất Bretagne (Bờ-rơ-tan) về đời «Thập-tự-chiến-tranh» (*Croisades*), là đời nghề võ rất thịnh-hành ; họ Guynemer (Ghi-nơ-me) lịch-đại [1] vẫn sinh được nhiều tay chiến-sĩ giỏi. Trong bài « Lô-lăng anh-hùng-ca » (*Chanson de Roland*) đã từng có một tên Guynemer. Lại hồi « Thập-tự-chiến-tranh » lần thứ nhất, năm 1097, có một nhà võ-sĩ Guynemer (Ghi-nơ-me) theo quân ông Baudoin de Flandre (Bô-đoan đờ Phờ-lăn) sang đánh bên « Đất-thánh » [2] (*Terre sainte*). Lại có một nhà võ-sĩ Guynemer (Ghi-nơ-me) nữa năm 1365 có đứng tên ký tờ điều-ước thành Guérande (Ghê-lan) là điều-ước đình sự chiến-tranh về việc tranh ngôi vua đất Bretagne (Bờ-rơ-tan). Về đời Đế-chính thứ nhất (*Premier Empire*) [3], có ba ông Guynemer (Ghi-nơ-me) là ba anh em cùng theo quân : một người làm quan thủy nhân bị thương ở Trafalgar (Tờ-la-phan-ga) mà chết ; người thứ hai bị giết ở Vilna (Vin-na) ; người thứ ba nhập-ngũ tự mười sáu tuổi, có theo đánh các trận Tây-ban-nha (*guerres d'Espagne*), hai mươi mốt tuổi được thưởng-thụ Bắc-đẩu-bội-tinh vì đã có chiến-công hồi chầy quân qua sông Bidassoa (Bi-đa-soa). Đến ông thân-sinh ra thày Georges Guynemer (Ghi-nơ-me) ngày nay thì nguyên xuất-thân ở trường Saint-Cyr (Sanh-xia), đã từng làm quan bộ-binh trong mười năm.

Đã ba lần thày xin tình-nguyện đầu-binh — một lần ở Compiègne (Công-biên) là nơi họ Guynemer có nhà ở, hai lần ở Bayonne (Bay-ôn), — ba lần các quan tuyển linh và các quan thày thuốc trông thấy dáng thày yếu-ớt quá đều hoãn lại không nhận. Lại cố xin một lần nữa ở Bayonne (Bay-ôn) : lần này thì đi cùng với ông thân-sinh, thày nằn-nì xin ông cố nói để người ta nhận cho. Ông vào nói ; viên quan binh chỉ vào thày mà bảo ông rằng : « Ngài đã tòng-sự nghề binh thì ngài biết ; một cậu tí-hon như thế này mà bảo đem ra làm linh kỵ-binh hay bộ-binh thì thể sao được ? » Ông biết con lần này lại chượt nữa thì buồn-bực không biết dường nào, nghĩ cũng phiền lòng, nhưng sự hiển-nhiên như thế không biết làm sao được.

Thày vốn người chí-khí mạnh lắm, ông thân lại khéo dạy-dỗ, từ thủa mới khôn lớn đã đãi ra cách người trượng-phu, nên tuy vậy mà thày không hề ngã lòng.

Thày lại xin được một cái thư giới-thiệu cho quan Ba Bernard-Thierry (Bê-na Ti-ê-li), coi trường máy bay ở thành Pau (Bô), bèn đến tiếp mặt ngài,

---

(1) **Lịch-đại** 歷代 — Qua đời nọ sang đời kia, từng trải nhiều đời. AU COURS DES AGES.

(2) Đất-thánh là ở đất Tiểu-Á-tè á (Asie mineure) có thành Jérusalem ở đấy có mộ đức Gia-tô. Đất ấy bị giống Thổ-nhĩ-kỳ (*Turcs*) theo đạo Hồi vào khoảng thế-kỷ thứ 10 đến xâm-chiếm. Các dân theo đạo Thiên-chúa ở Âu-châu cất quân sang đánh để thu-phục lấy thánh-mộ. Mấy trận ấy gọi là « Thập-tự-chiến-tranh » (*les Croisades*).

(3) Tức là đời vua Napoléon thứ I ; Đế-chính thứ nhì (*Second Empire*) là đời vua Napoléon thứ III.

kêu với ngài rằng : « Xin đại-úy [1] cứ nhận con, dùng cho con làm được việc gì có ích ». Quan ba đáp rằng : « Ta khuyết một chân học-trò cầm máy, anh có thuận không ? Nhưng anh đã nhập-ngũ chưa ? » Thày nói : « Bẩm chưa, con chủ-ý đến xin ngài giúp cho con được nhập-ngũ. Ngài làm ơn cho con mấy chữ cho quan tuyển linh ở Bayonne (Bay-ôn) ».

Sau đến ngày 23 tháng 11 năm 1914, thày mới được phép ký giấy tình-nguyện đầu-binh, cho đến mãn-hạn chiến-tranh. Thế là cái lòng sở-nguyện đã thành vậy. Thày được làm lính từ đây : khoái-lạc thay !

Trong khi đóng ở thành Pau (Bô), phải làm-lụng khó-nhọc, ngày làm việc « cỏ-vê » (*corvées*), tối nằm ngủ trên đất, dù nhọc-nhằn đê-tiện đến thế nào cũng vui lòng mà làm, không có nề-hà, không mấy lâu được làm phụ máy (*élève mécanicien*), đã tỏ ngay là người chăm làm và khéo tay. Tự thủa nhỏ thày vẫn hay chơi đùa làm máy móc ; có cái tài biến-báo chế-tạo, như ai cho cái đồ chơi làm theo kiểu máy hơi nước hay là máy điện-khí thì biết đem dùng ra nhiều cách lắm. Đã lâu nay thày vẫn chủ-ý về nghề tàu bay, và cái thuật bay bổng trên không thày vẫn lấy làm một điều khoái-trí lắm. Tự khi còn ở trường trung-học Stanislas (Sơ-ta-ni-la) hồi nước Pháp thi tàu bay chạy vòng-quanh Âu-châu (*le Circuit Européen*), một hôm có cái tàu bay bay sát ngay vào mái nhà trường. Từ đó thày đã nghiễm-nhiên mê về nghề bay rồi.

Đến ngày vào làm việc ở trong trường máy bay thành Pau (Bô), thì cảm cái khí-vị chốn ấy, mà cái lòng hăm-hở cũ lại dấy lên bời-bời, như khi còn nhỏ nghe những công-truyện tài của các nhà máy bay giỏi vậy. Tự nghĩ trong bụng rằng Có lẽ đâu mình lại suốt đời làm anh phụ-máy như thế này ? Có lẽ đâu mình lại không được cá ivẻ-vang cưỡi những con chim lớn cánh trắng kia mà ra xông-pha nơi chiến-trận ? Bèn cố nài ông thân vận-động [1] trong bọn anh em bạn học cũ của ông ở trường Saint-Cyr (Xanh-xia), ngày nay đã lên hàng tướng cả, để cố xin cho được một chân tập cầm máy (*élève-pilote*). Ngày 25 tháng giêng năm 1915, được y sở-nguyện, mới bắt đầu tập-luyện. Tháng ba đi ra trại Avord (A-vo), có ông quản Deroze (Đờ-lô) dạy, thày coi ông như bậc sư-phạm, nhờ ông mà sau này thày mới nổi tài như vậy. Thày học tốt-nghiệp ở đấy, tháng tư được bằng cầm máy, mồng 8 tháng năm được thăng cai. Qua ít lâu ở trại Bourget (Bua-giê), ở « Xưởng Chánh tàu bay » (*Réserve générale d'aviation*), rồi ngày 8 tháng sáu được sung-bổ vào đội « Con-Hạc »

(1) Ta gọi các quan binh cứ theo số khoanh mà gọi : quan một, quan hai, v. v. Trong khi nói thường thì tiện, nhưng muốn xưng-hô cho tôn-trọng thì nôm-na quá, như nói : « Thưa quan ba..., bẩm quan tư..», nghe sao được ? Vậy các chức quan binh phải có tên chữ mà gọi mới được. Nay cứ theo quân-chế của Nhật-bản và của Tàu thì đại-khái có những chức như sau này, các tên xét ra cũng giản-dị, ta có thể mượn mà dùng được : 1· Đại-tướng 大將 = Général commandant de corps d'armée ; 2· Trung-tướng 中將 = Général de division ; 3· Thiếu-tướng 少將 = Général de brigade ; 4· Đại-tá 大佐 = Colonel ; 5· Trung-tá 中佐 = Lieutenant-colonel ; 6· Thiếu-tá 少佐 = Commandant ; 7· Đại-úy 大尉 = Capitaine ; 8· Trung-úy 中尉 = Lieutenant ; 9· Thiếu-úy 少尉 = Sous-lieutenant.

(2) **Vận-động** 運動 — Chữ này dùng đây là lấy nghĩa bóng, chỉ cái việc chạy chột, cầu-cạnh, nhờ người nọ nói người kia cho được một việc gì. — Faire des démarches, faire agir les influences.

(*escadrille des Cigognes*). Vào đó thì không phải cái lối tập-luyện theo phép-tắc như ở nhà trường nữa ; từ nay sẽ ra xung mưa vượt gió, bay-bổng trên hàng quân địch, giao-chiến trong giữa từng mây, liều mình trong sự bất-kỳ, sự may rủi. Nào là trời u-ám, nào là gió thổi ngược, nào là giông-tố, nào là bão-táp, người cầm máy phải có sức mạo-hiểm trong những lúc không-khí bất-thường ấy mới được. VÉDRINES (Vê-đờ-lin) xét thấy tuy còn trẻ bé như vậy, mà đã đoán biết cái khí-diễm hăng-hái, cái nghị-lực cương-cường là dường nào, muốn dạy cho thầy tập quen cái tính mạo-hiểm, vì muốn ra chiến-đấu trên không phải không sợ gì gió bão mới được.

Một hôm về chiều trời giở cơn, bắt thầy phải lên máy : cái máy bay bị đánh bẹt xuống đất. Tuy gió bão mặc lòng, mà làm đi làm lại đến năm lần, mỗi lần đợi xuống VÉDRINES (Vê-đờ-lin) lại chỉ dẫn cho mà biết.

Trong đội thường gọi đùa thầy là « anh nhỏ ». Vậy dần-dần mà « anh nhỏ » ta thành ra bạo-gian lạ thường, gan-góc có một. Sau khi vào đội « Con Hạc » được ít lâu, thầy được lệnh đưa quan ba COLCOMB (Côn-công) đi làu bay lên trên đường pháo-binh của quân Đức để trinh-sát và chụp ảnh. Từ đầu chí cuối thầy cứ bay dung-dị như thường, không phải quặt vào đâu, không phải quay lên lượn xuống như các nhà cầm máy khác để tránh quân địch bắn. Trong một giờ ruỡi đồng-hồ, thầy liệng ngay trên đầu pháo-đội Đức, bị đến hơn một nghìn phát đại-bác bắn, nhiều mảnh trúng vào máy bay. Quan ba COLCOMB (Côn-công) về sau thuật lại truyện hôm ấy cho ông thân thầy nghe có nói rằng : « Bấy giờ tôi đã thấy mỏi gân, tôi bảo cậu con ngài rằng : « Thôi xong rồi, ta về đi. » Nhưng cậu ta cứ điềm-nhiên như không mà đáp : « Xin đại-úy làm ơn chụp ảnh lấy cả những mảnh đạn họ bắn mình đây ».

Khi trở về trại, quan ba COLCOMB (Côn-công) nói với quan ba BROCARD (Bờ-rô-ca) rằng :

— Ngài có anh cầm máy cứng tuyệt-phẩm.

Quan ba BROCARD (Bờ-rô-ca) đáp :
— Tôi vẫn biết !

Song những thủ-đoạn như vậy thầy chưa lấy làm mãn-nguyện. Thầy chỉ mộng-tưởng một sự, hết sức mong-mỏi, là được giao-chiến với quân địch ở trên cao kia, trong khoảng không vô-hạn. Thầy thường nói : « Tôi muốn nắm được thằng « Bác-thỉ » [1] (*Boche*) mới nghe ». Đêm đêm dậy từ hai giờ sáng, lại gần cái xưởng để máy, rồi nhìn lên trên trời, xem xét kỹ lắm. Anh em trông cái bộ dạng chăm-chút, người trẻ như thế mà có ý nghiêm-cẩn như vậy, có người cũng hơi buồn cười, nhưng gọi là cười đùa một chút mà thôi, chớ tính thầy không có chịu để cho người ngoài nhạo-báng mình. Người ta thường hỏi đùa thầy rằng : « Thế nào, « anh nhỏ » làm chi đấy ? Anh đứng đợi thằng Bác-thỉ, đấy à ? — Thầy đáp : Phải, tôi đợi đây, quyết phải được mới nghe ».

Sớm ngày 19 tháng 7, thầy nhìn trên không có một nét chấm đen đương chuyển-động : Chính là một chiếc tàu

(1) **Bác-thỉ** 博豕 — Con lợn hay chữ. Chữ này tiếng Tàu đọc là *p'ouo-che* (giọng quan-hoại) người Tàu dịch âm tiếng *Boche* là tiếng người Pháp gọi khinh-bỉ người Đức. Tuy là dịch âm mà cũng hợp nghĩa, vì người Pháp thường chê người Đức là có học mà thô-bỉ, tức như con lợn hay chữ vậy.

bay của địch. Thày bèn bảo người vặn máy của thày bấy giờ tên là GUERDER (Ghê-đe) : « Anh Ghê-đe, anh nhảy mau vào máy, có thằng Bác-thỉ kia ». GUERDER (Ghê-đe) lúc ấy hãy còn bận quần áo buổi sớm, quần bằng sợi với áo cánh ngỏ khuy, vội vàng theo lời, nhảy vào một cái máy có hai chỗ ngồi, hình cái lọng (*biplace parasol*). Hai người bay thẳng về hướng cái tàu bay Đức. Nhưng cái tàu Đức quay bánh lại chạy trốn. Chán thay, thày đã sắp sửa bắt máy về, chợt lại thấy xuất-hiện một cái chấm đen nữa đương chuyển-động : tức là một thằng « Bác-thỉ » khác đương tiến gần lại hàng quân Pháp. Thày vặn máy đuổi theo, gặp nhau ở trên thành Soissons (Soa-sông), hai cái dừng cách xa mười lăm thước, bắt đầu giao-chiến. Đánh nhau trong mười phút đồng-hồ. GUERDER (Ghê-đe) đương vặn cái súng cối-xay (*mitrailleuse*), bị một viên đạn vào tay, lại một viên nữa sướt qua đầu đứt cái mũ đương đội. Súng cối-xay vẫn cứ bắn luôn, cho đến viên đạn thứ một trăm mười lăm thì trúng vào người cầm máy bên Đức chết. Người trinh-sát [1] (*observateur*) Đức thì đứng dựng lên, dơ cánh tay xin hàng, coi bộ thảm lắm ; cái máy Đức bị đâm nhào xuống, lửa cháy ngùn-ngụt.

Hai thày thắng trận khải-hoàn, về đỗ ở sau hàng quân Pháp, giữa nơi có một đội binh địa-phương (*territorial*) canh giữ. Quân lính vẫn đã nhìn hai bên giao chiến từ đầu, được tiếp hai người, vui mừng khôn xiết kể. Ai nấy nhảy ra ngoài hầm-hố, dơ súng lên chào : thậm-chí các quan phải cầm vặt áo kéo mới chịu về chỗ nấp. Ngày mai thày cai GUYNEMER (Ghi-ne-me) được thăng đội, được tuyên-công (*citation*) lần thứ nhất và thưởng-thụ quân-công-bội-tinh (*médaille militaire*). Trận đó là trận thứ nhất của thày, thày viết thơ thuật về cho ông thân biết, lời vắn-tắt như lời điện-báo, cứ từng câu nho-nhỏ chấm dời nhau, đó tức là cái lối văn riêng của thày. Cả cái thơ tóm-tắt trong một câu rằng : « Buổi đó con không có cái cảm-giác [2] gì cả, duy chỉ thấy trong mình như người muốn ham biết cái gì mà đã được biết lấy làm thỏa bụng vậy ».

Trong mùa hạ năm 1915, thày được đặc-phái [3] hai việc rất khó-khăn và rất nguy-hiểm. Mỗi lần quan trên cho hỏi ai muốn tình-nguyện đi, thì lần nào cũng thấy một « anh nhỏ » đó ra xin đi, càng nhìn lại càng thấy nhỏ lạ, mà quả-quyết biết bao. Ai trông thấy cũng phải nói : « Lại anh ư ! — Thày điềm-nhiên đáp : Phải, lại tôi đây. »

Lần thứ nhất về, ông thân bỏi thày có phải định chuyên riêng về những việc như vậy không, thì thày đáp : « Thưa cha không, con cũng không lấy làm thích lắm, nhưng muốn cho thạo nghề thì phải mạo-hiểm đủ đường mới được ».

Ấy cả cái tâm-lý của GUYNEMER (Ghi-ne-me) là ở trong một câu trả lời đó, coi đó thì đủ biết tính người hiếu-thắng, ham sự danh-dự, có cái chí cứng như sắt đá, muốn tìm sự trở-ngại mà phá cho được mới nghe.

---

(1) **Trinh-sát** 偵察 — Người do xét. Trong một cái tàu bay ít ra cũng phải có một người cầm máy và một người « trinh-sát » *observateur* để khi bay tới hàng quân địch dò xét cái trận-thế của địch mà về báo cho quân mình.

(2) **Cảm-giác** 感覺 — Cảm biết, nhân việc gì ở ngoài mà cảm vào trong mình ; việc ngoài cảm vào trong ý-tưởng mình thế nào. — RESSENTIR UNE IMPRESSION ; IMPRESSION RESSENTIE.

(3) **Đặc-phái** 特派 — Sai riêng, ủy riêng cho việc gì quan-trọng hay là bí-mật. — CHARGER D'UNE MISSION SPÉCIALE.

Lần đặc-phái thứ hai quan-trọng lắm mà lại nguy-hiểm hơn lần thứ nhất nhiều. Đi mà không chắc có thể đỗ tàu vào chỗ nào được. Nên khi đi quan trên đã dặn rằng: « Hễ thấy xem chừng không thể làm được thì về, chớ đừng để cho nó bắt mất, nhé ! » Tuy vậy mà cứ vững lòng đi, mà bữa đó trời lại gió bão ! Cất cánh bay chưa đầy năm phút đồng-hồ thì có « phản-lệnh » (1) (*contre-ordre*) bằng máy nói đến bảo thôi đừng đi nữa. Chắc quan trên nghĩ lại việc nguy-hiểm quá mới truyền như vậy. Nhưng cái máy bay của thày Guynemer (Ghi-ne-me) bấy giờ đã lên tít trên mấy từng mây rồi, trông chỉ còn thấy một cái vết nhỏ đen đen mà thôi.

Tuy khó-khăn như vậy, tưởng sức người không tài nào làm nổi, mà anh « thần-đồng » đó làm được. Khó nhất là tìm được nơi nào để đỗ tàu, thì nhờ có con mắt tinh, nhờ có cái trí quả-quyết mau, chọn ngay được chỗ tốt mà đỗ, bánh máy bay dừng giữa bên bờ con đường xẻ lũng, thành ra khi bay lên cứ đẩy xô cái máy xuống dưới lũng là tự khắc bồng lên (2).

Rồi tự đó hết trận ấy sang trận khác, lũ-chiến lũ-thắng. (3) Cái máy bay của thày, thày đặt tên là « Vieux Charles » (Lão Sá-lị), trên ván có vẽ hình con hạc dương cánh bay, tức là cái biểu-hiệu của hạm-đội. Ngày mồng 5 tháng 12, cưỡi máy đó bay trên rừng Ourscamps (Ua-sơ-căng), đánh đổ được một cái máy bay Đức ; lại ngày mồng 8 tháng 12, bay cao 1.500 thước, đánh đổ được cái máy Đức nữa. tức cả thảy là ba cái từ đầu tới đó.

Ngày 14 tháng 12 đương khi phóng-pháo (4) vào xưởng tàu bay Hervilly (E-vi-li) phải giao-chiến với một cái máy Đức kiểu *Fokker* (Phốc-cơ) ; hai bên áp-đảo bắn nhau bằng súng cối-xay, xuýt nữa thì đâm lồng cái máy nọ vào cái kia, hai cái cứ quay lộn xung-quanh nhau. Lại ngày mồng 3 tháng 2 năm 1916, một mình xông vào đánh ba cái máy Đức một lúc, đánh đổ được hai chiếc, còn một chiếc đuổi chạy.

Một hôm chiến-thắng về, đỗ tàu ở gần một pháo-đội Pháp. Lính pháo-binh trông thấy mừng quá, ai nấy bỏ súng chạy ồ lại để hoan-nghênh và khiêng về (5). Quan coi pháo-đội bèn họp cả quân-lính đứng trước mặt bảo đặt thày bên cạnh mình, rồi bóc khoanh trên mũ đưa cho thày mà nói rằng : « Thầy đội, mai thày sắp được thăng quan, tôi tặng thày mấy cái khoanh này, xin thày hứa với tôi thày sẽ dùng để làm khoanh mũ thày. » Nói rồi truyền cho pháo-binh nổi một hồi súng mừng Guynemer (Ghi-ne-me), ai nấy vui lòng tuân lệnh ngay.

Ngày 14 tháng 12 năm 1915 — chính là ngày thày vừa đúng hai mươi mốt tuổi — Guynemer (Ghi-ne-me) được thưởng-thụ Bắc-đẩu-bội-tinh hạng năm, ngày mồng 4 tháng 3, được tạm lĩnh khoanh quan một.

Tự ngày đầu mới ra hàng trận, đã tỏ ra là người can-đảm, nhưng rồi

---

(1) **Phản-lệnh** 反令 — Lệnh sau phản lời lệnh trước, như trước có lệnh truyền làm việc gì, sau lệnh đến bảo thôi. — Contre-ordre.

(2) Lẽ tàu bay đứng chỗ đất bằng không thể bay lên được, phải có một chỗ bờ cao, khi ra bay phải tự trên cao xô xuống dưới thấp, rồi cái máy mới bồng lên được. Cho nên trong các xưởng tàu bay phải bắc những gác sân cao làm bến tàu.

(3) Chữ này đã thích-nghĩa trong số 17, trang 249.

(4) **Phóng-pháo** 放砲 — Bắn đạn lớn vào một tỉnh-thành hay một nơi sở nào. — Bombarder, bombardement.

(5) Lệ đời xưa các tướng đánh giặc giỏi nhân dân khi đón về đặt lên vai khiêng.

càng đi trận cái can-đảm, cái mạo-hiểm ấy lại thêm có lịch-luyện, có khôn-khéo, có thông-thạo hơn mãi lên. Trong khoảng tám tháng, tự tháng 6 năm 1915 đến cuối tháng 8 năm 1916 đánh hai mươi mốt trận trên không, đánh đổ được tám cái máy của quân địch. Từ đó rồi cái điệu chiến-thắng càng ngày càng mau mãi lên ; hết trận nọ đến trận kia, liên-tiếp nhau luôn, như xô nhau mà xua đẩy người anh-hùng vào cõi quang-vinh.

Tháng 5 năm 1916, GUYNEMER (Ghi-ne-me) chuyển sang quân-đoàn thành Verdun (Ve-đon) ; rồi đến tháng 6 ra đánh ở hàng trận sông Somme (Som), vẫn thuộc về đội « Con Hạc », từ đó đổi tên là hạm-đội số **N. 3**.

Đến tháng chín thì đã đứng bậc toàn-tài rồi. Ngày 22 tháng chín, bay cao 3000 thước, đánh ba cái máy bay của quân địch : 11 giờ 22 phút đánh đổ cái thứ nhất ; 11 giờ 22 phút 30 giây đánh đổ cái thứ nhì ; 11 giờ 25 phút đánh đuổi chạy cái thứ ba. Ở dưới thì pháo-binh của quân địch bắn lên, bị một viên đạn lớn sướt qua mình. Cái máy thiên-vãn trong tàu vỡ tan ra, mảnh bắn vào đầu gối bị thương, máy bay thì nhào xuống đất.

Ngày 31 tháng chạp năm 1916, được thăng thực-thụ quan hai. Kịp đến năm 1917, tòeo-quân ở sông Somme (Som) và ở đất Lorraine (Lô-liên), lại lũ-chiến lũ-thắng một hồi nữa. Trong ba ngày, từ ngày 23 đến ngày 26 tháng giêng, đánh được năm trận. Ngày mồng 6 tháng hai đánh nhau với một cái máy địch có ba chỗ ngồi (*triplace*) và ba chiếc súng cối xay, bắt quân địch phải đỗ ngay trong hàng trận quân ta. Nhân cái chiến-tích đó mà được thăng thưởng chức quan ba giữa ngày mồng 8 tháng hai, hấy giờ mới có hai-mươi-hai tuổi.

Tự đó về sau hậu một ít lâu để sửa-soạn một thứ máy mới sáng-nghĩ ra, rồi lại ra tiền-quân để theo đánh trận công-thế (*offensive*) mùa xuân. Ngày 25 tháng năm, thu được cái chiến-tích hiển-hách hơn cả từ trước : trong một ngày đánh đổ được bốn cái tàu bay Đức. Cái chiến-tích đó thật trong lịch-sử nghề tàu bay dùng về việc binh mới có một, không có hai ; nhân đó được thưởng-thụ Bắc-đẩu-bội-tinh hạng tư.

Kể đến ngày 30 tháng tám năm 1917, trong hành-trạng quan ba GUYNEMER (Ghi-ne-me) biên đánh đổ được cả thảy 53 chiếc tàu bay Đức, được 25 lần tuyên-công cho toàn-quân và phải hai lần bị thương. Cứ thực thì cái số chiến-thắng còn nhiều hơn cái số trong hành-trạng nhiều, và chắc được đến ngót một trăm vậy. Đối với quân-lính quan ba GUYNEMER (Ghi-ne-me) có cái oai lạ. Cứ cái gương công-trạng của ông, có khi ông cứ xuất-hiện ra thôi, cũng đủ làm cho quân-lính phải phục-tòng. Hễ trông thấy mặt ông là quân-lính dũng-dược [1] cổ-võ [2] vô-cùng. Hồi những trận công-kích [3] lớn, ông cưỡi lên máy, bay thâm-thấp tiến vào hàng trận Đức, đi tiên-phong cho các lớp bộ-binh (*vagues d'infanterie*) tràn theo sau.

---

(1) **Dũng-dược**, 踴 躍 — Nhảy-nhót, vui mừng, sướng lắm. — TRANSPORTÉ D'ENTHOUSIASME.

(2) **Cổ-võ** 鼓 舞 — Đánh trống và múa, vui mừng quá. — MANIFESTER SA JOIE, SON ENTHOUSIASME, ÉLAN D'ENTHOUSIASME.

(3) **Công-kích** 攻 擊 — Xông vào đánh, tiến lên đánh. — ATTAQUER ; ATTAQUE.

Tuy cái sức sinh-hoạt của ông mạnh-mẽ lạ lùng, cái sức nhẫn-nại[1] cường-cường có một, trông hình-dạng bề ngoài yếu ớt tưởng không được đâu như thế, mà hơn hai năm ở trận-tiền, hằng ngày bay trên không đến bảy giờ mười giờ đồng-hồ, sức mạnh đến đâu mà lại được. Dẫu cái phách-lực[2] vẫn nguyên-vẹn mà cái thể-lực[3] đã suy-mòn. Người nhà có xin với quan tư Brocard (Bờ-rô-ca) nên để ông nghỉ ít lâu dưỡng sức, quan tư trả lời: « Không thể sao được ! Trong quân phải cần đến ông lắm, ông khuyến-kích quân lính giỏi quá ! »

Mỗi một cái chiến-tích của ông, tức là một sự khinh-mạo cái chết. Tám lần ông bị quay lông-lốc dơi tự trên không xuống đất, vào sau hàng trận Pháp. Ngày 13 tháng 3 năm 1916, bị quân địch bắn như mưa, phải hai viên đạn vào cánh tay trái, còn cái máy của ông thì tan-tành ra từng mảnh, đập tứ tung vào mặt.

Ông khinh-mạo sự nguy-hiểm đã lắm, người ngoài tưởng ông không khi nào bị hại được. Tự hạ-tuần tháng bảy năm 1917, ông tòng-quân ở đất Flandres (Phờ-lăng) để theo đánh công-thế với quân Pháp-Anh (*offensive franco-britannique*). Ngày mồng 6 tháng chín, đánh đổ được cái tàu bay Đức thứ 54, tức là cái chiến-tích[4] sau cùng của ông. Ngày 11 tháng chín, buổi sớm, ông đi tuần-sát. Cứ như lời quan hai Bozon-Verduraz (Bô-dông-Ve đu-lát) bữa đó cùng đi tuần với ông, thì ước vào khoảng 9 giờ 35 phút, ông trông thấy một cái máy bay của quân địch, bèn đâm thẳng vào đánh, hăng-hái như thường. Vụt chốc thấy trong đám sương mù có mấy cái máy bay Đức khác đâm xổ ra chạy lại cứu cái máy của anh em bạn bị đánh. Quan hai Bozon-Verduraz (Bô-dông Ve-đu-lát) biết sự nguy-hiểm cho Guynemer (Ghi-nơ-me) đâm thẳng vào công-kích mấy quân địch mới ấy, đuổi được tan. Xong rồi quay về đi tìm bạn mình, chạy ngược chạy xuôi trong cái bể mây vô-hạn, nhìn đằng trước nhận đằng sau, không thấy đâu cả, thì ra Guynemer (Ghi-nơ-me) cả người cả máy đã biến đi đâu mất rồi. Một người bạn võ-sĩ với ông là ông Renaud de la Frégeolière (Rơ-nô-đờ-la-Phờ-lê-giô-li-e) tả cái chết li-kỳ ấy đã có câu rằng: « Bình-sinh ông đã được cái thần Vinh-dự chiều-chuộng tới thế, đến lúc cùng-tận chết một cách u-ám huyền-bí như vậy, cái thần Vinh-dự cũng không bỏ và muốn cắp vào cánh mang đi cho xa. Trời kia mênh-mông như mặt bể, có cái thú lạ thường, làm cho ông bềnh-bồng trong bấy nhiêu lâu, nay lại đem cái sóng sương-mù mà cuốn ông lại, trôi chảy đi đâu, hình như không muốn trả lại cái đất kia đứa con yêu quí của mình... »

Ấy sự-nghiệp ông Guynemer (Ghi-nơ-me) cùng-tận như vậy, như rực-rỡ những vẻ thanh-xuân, thơm-tho những mùi chính-khí, một đời kết-cục trong một cuộc chiến-đấu trên không. Oanh-liệt thay !

Phạm Quỳnh *dịch sách tây*

---

(1) **Nhẫn-nại** 忍 耐 — Kiên nhẫn chịu được lao khổ. — Endurance.

(2) **Phách-lực** 魄 力 — Sức mạnh vô-hình, sức mạnh của tâm-hồn. — Energie, vigueur morale.

(3) **Thể-lực** 體 力 — Sức mạnh của thân-thể. — Forces physiques, vigueur du corps.

(4) **Chiến-tích** 戰 績 — Công đánh trận giỏi đánh trận được thành công. — Exploit, succès guerrier.

NAM-ÂM THI-VĂN KHẢO-BIỆN

Văn-chương quốc-âm nước ta, tuy bắt chước Tàu mà làm ra cũng nhiều lối, nhưng có lối riêng hẳn của ta là lối *thượng lục hạ bát* (1), đó mới thực là thơ quốc-phong (2) của tổ-quốc ta truyền lại đã từ mấy ngàn năm nay.

Hoặc có kẻ bảo là bắt chước những câu trong kinh truyện sử Tàu mà đặt ra, như kinh Dịch : « Lục tam hàm chương khả trinh 六三含章可貞, hoặc tùng vương sự vô thành hữu chung 或從王事無成有終 »; Truyện Trung-dung : « Phù thủy nhất thược chi đa 夫水勺之多, cập kỳ bất trắc ngoan đà giao long 及其不測鼃鼉蛟龍 »; Tống-sử : « Đế dĩ Sái-Sác hữu công 帝以蔡確有功, Sử chi tùng tự Thần-tôn miếu đình 使之從祀神尊廟庭。»

Người ta viện-dẫn (3) những câu đó bảo là lối *lục-bát* bắt chước từ đó mà làm ra. Nhưng cũng là viện-dẫn vơ-váo, chớ không dám chắc.

Lối *lục-bát* này hiệp theo vần bằng, có *yếu-vận* là vần ở lưng chừng câu dưới chữ thứ sáu ; có *cước-vận* là vần ở chân hai câu, âm-hưởng (4) cực kỳ tự-nhiên, không thể đặt ép được. xem như các câu ca-dao thì biết.

I

Ca-dao có câu :

Nhiều điều bọc lấy giá gương,
Người trong một nước (5) phải thương [nhau cùng.

Tương-truyền câu nay xuất-hiện từ đời bà Trưng-vương tuyên-bá (6) ra để khuyên bảo người trong một nước. Tuy không lấy gì làm chắc, nhưng xem như hai bà Trưng-vương mà đánh đuổi được Tô Định là quan Tàu tàn-bạo, đối địch được với Mã Viện là tướng Tàu quắc-thước (7) ; thế thì biết cái dải nhiễu điều của nòi Hồng-Lạc ta, thực là dải đồng-tâm tương-thân tương-ái mà lại là một cái gương để một nước soi chung. Vậy thì cho câu ấy xuất-hiện ra từ thời ấy cũng là phải.

II

Tay cầm bán-nguyệt xênh-xang,
Muốn nghìn cây cỏ lai hàng làm tôi.

Câu này tương-truyền là của bà Lê-hoàng-hậu vợ vua Lý Thánh-tôn. Bà người làng Thổ-lỗi (8) huyện Văn-giang, khi còn hàn-vi (9) đi sang thành Thăng-long cắt cỏ, gặp khi vua Thánh-tôn vi-hành (10) nghe

(1) Thượng lục hạ bát 上六下八, là đặt câu trên sáu chữ, câu dưới tám chữ.

(2) Quốc-phong 國風, là thơ ca trong nước, mà tỏ bày được phong-tục trong một nước.

(3) Viện dẫn 援引, nghĩa là viu lấy những câu văn cũ, điển-tích cũ, mà dẫn làm chứng cớ.

(4) Âm hưởng 音響, là tiếng vang, tiếng ngâm đọc vang lên, không có chúc chắc.

(5) Có người đọc là « một họ ».

(6) Tuyên bá 宣布, nghĩa là đem bá-cáo cho rõ rệt, cho ai cũng được biết.

(7) Quắc-thước 矍鑠, là khỏe mạnh, vua Quang-Vũ khen Mã-Viện là : *Quắc-thước tai thị ông* 矍鑠哉是翁, nghĩa là ông già mà còn khỏe.

(8) Bây giờ là làng Thổ-khối 土塊 thuộc Bắc-ninh.

(9) Hàn vi 寒微, là khi còn hèn hạ nhỏ mọn.

(10) Vi-hành 微行, là đi kết lẻn bận quần áo thường mà đi không cho ai biết là vua.

tiếng bà hát câu ấy lấy làm lạ, bèn vời vào cung gọi là « ỷ-lan phu-nhân » 倚蘭夫人 (1) sau lập làm Hoàng-hậu. Thế thì bà hát câu ấy thực là khẩu-khí (2) lạ thường, *Người xinh thì tiếng cũng thanh, chuông kêu đánh ở góc thành cũng kêu*, ai bảo không phải khí-tượng bà mẫu-hậu.

Nhưng lại có người truyền câu ấy là của bà chúa người Xuân-tảo phủ Hoài-Đức 懷德 hoặc bảo là của bà chúa Mía người Sơn-tây. Song xét trong tập *Hải-dương-địa-chí* 海陽地志, từ khi nha Kinh-lược sức cho các phủ huyện kê-khai, thì truyền là của bà Nguyễn-Dung, người làng An-đ.êm huyện Cẩm-giang, sau lấy chúa Trịnh, hơn 10 năm, không có sinh-dục gì, được tứ hiệu (3) là Xuân-dung, tặng cho 200 mẫu lộc-điền (4) và chuẩn cho hồi-quán Trong *Địa-chí* lại chép đủ cả câu hát ấy như sau này :

Ta cầm bán nguyệt xênh xang,
Muốn cây nghìn cỗ lại hàng tận tay.
Giang sơn một gánh chất đầy,
Đường-Ngu thảo mộc tới ngay đến nhà.

Xem thế thì các câu ca giao truyền tụng, mỗi người truyền một khác ; muốn xét cho biết đích-sác thuộc về đời nào, vì làm sao mà có câu ấy, thì cũng chưa có thể biết hết cho đích-sác được.

Nay tôi xin xét từ đời Trần trở xuống, đại khái trình-độ văn quốc-âm khá lược chia làm ba thời-đại :

1° Phôi-thai thời-đại (5),
2° Phát-đạt thờ-đại (6),
3° Toàn-thịnh thời đại (7).

sẽ lần lượt kể ra sau này.

Ông Hàn Thuyên 韓詮 ở về đời Trần Nhân-tôn (1255) có làm bài văn tế cá-sấu ở sông Phú lương (8) thì lối văn *Hàn-luật* (9) mới khởi-điểm ra từ đó, mà lối thơ phú sau ông Hàn lại có ông Nguyễn Sĩ-Cố 阮士固 (10) lại càng xướng-phát thêm cho lối quốc-âm ta.

Vậy thì trước khi chưa có *Hàn-luật* chỉ có những câu ca-dao, mới thật là tiếng hoàng-chung đại-lã riêng một giọng thơ thiên-nhiên của nước Nam ta. Sau khi đã đã có *Hán-luật* thì mới có những luật *ngũ ngôn thất ngôn*, câu thơ câu phú là lối bắt chước tự văn Tàu.

---

(1) Xét trong sử thì nói bà hái dâu, đứng trong bụi cỏ lan nên mới gọi là « Ỷ lan phu-nhơn ». Tương truyền bà chính là cô Tấm, tường ở truyện Tấm Cám

(2) Khẩu-khí 口氣 là khí phách nói ra miệng.

(3) Tứ-hiệu 賜號 là vua đặt tên hiệu ban cho.

(4) Lộc-điền 祿田 là ruộng vua ban cho để làm bổng lộc riêng của mình.

(5) Phôi thai thời đại 胚胎辰代 là lúc mới phôi phác thành thai chửa được phát-đạt lắm.

(6) Phát đạt thời đại 發達辰代 là lúc mở mang rộng thêm ra.

(7) Toàn thịnh thời đại 全盛辰代 là lúc đã thịnh vượng toàn vẹn.

(8) Tức là sông Nhị-hà.

(9) Hàn-luật 韓律 là luật văn thơ của họ Hàn. Vì ông Nguyễn-Thuyên 阮詮 làm văn nôm để tế cá sấu, cũng giống như truyện ông Hàn-Dũ ở đời Đường, vua Nhân-tôn mới cho đổi theo họ Hàn Nước ta làm văn nôm từ ông Hàn-Thuyên trước nhất., nên sau này ai làm văn nôm cũng gọi là Hàn luật.

(10) Ông ở về đời Trần Anh-tôn 陳英尊, tài làm văn thơ nôm.

(11) Hoàng-chung đại lã 黃鐘大呂 là tên hai ống luật lã, phát ra thanh-âm bởi hai ống ấy trước

Nhưng tiếc thay văn-chương quốc-âm các đời truyền lại rất là mô-hồ (1), hoặc có câu mới nghe thấy đồ hàng Gai ngâm lỏi mà đã truyền là của cụ Thượng Trứ; hoặc có câu vừa thấy chị ả hàng Thao bỡn cợt mà đã bảo là của cô Hồ Xuân-Hương; sự vừa mới đây còn như thế, huống chi những câu văn tự mấy trăm năm về trước, còn biết đâu mà xét ro là Trần-văn, Lý-văn hay là Lê-văn.

III

Xét trong Trần-sử, ông Trần Khánh-Dư 陳慶餘 là tôn-thất nhà Trần, phong tước Nhân-huệ-vương, vì phải cách chức, ra ở Trí-linh (2) đốt củi bán than, thường ngâm câu rằng :

Một gánh kiền khôn quẩy xuống ngàn,
Hỏi chi bán đấy gửi rằng than.
Ít nhiều miễn được đồng tiền tốt,
Hơn thiệt nài bao gốc củi tàn.
Ở với lửa hương cho vẹn kiếp,
Thử xem đá sắt có bền gan.
Nghĩ mình điên đảo toan nghề khác,
Nhưng lẹ trời kia lắm kẻ hàn.

Khi ấy có giặc Nguyên sang xâm, các vương-hầu hội cả ở Lục-đầu-giang (3) bàn định việc binh, ông nhân chở thuyền than qua dưới bến sông, vua Nhân-tôn cho gọi lại dự bàn việc binh, bèn phục chức cho ra giữ Vân-đồn (4). Ông phục binh đánh cướp được thuyền lương của Trương Văn-Hổ, quân Nguyên hết lương, vì thế Hưng-đạo-vương mới đánh tan được.

Xem thế thì ông không những là một tay tướng giỏi, mà lại là một tay văn hay, có khí-phách, có can-đảm.

Nhưng vị-tất bài thơ trên này đã hẳn là khởi-xướng ra trước khi chữa có Hàn-luật, nếu vậy thì thực là một bài thơ tối-cổ tự đời Trần. Nếu mới phụ-họa (5) ra sau khi đã có Hàn-luật rồi, thì phải nhường cụ Hàn-Thuyên là tị-tổ (6) văn quốc-âm ; mà đời Trần Nhân-tôn chính là lúc thơ phú *bằng quốc âm thuộc về phôi-thai thời-đại vậy.*

IV

Trần-Lý trở về trước ta không thể xét cho rõ được, nhưng về phần văn Lê truyền lại thì còn có thể xét mà biết được. Như những câu ca-dao nói về việc khuyên chồng học-hành thi-cử tương-truyền là tự Lê.

Canh một dọn cửa dọn nhà,
Canh hai dệt cửi canh ba đi nằm.
Canh tư bước sang canh năm,
Trình anh giậy học chớ nằm làm chi!
Nữa mai chúa mở khoa thi,
Bảng vàng rỡ rỡ kia đề tên anh.
Bố công cha mẹ sắm sanh,
Tiền lưng gạo túi cho anh vào trường.
Nghi-vệ (7) đóng hải bên đàng,
Võng anh đi trước võng nàng đi sau.
Kẻ chiêng người trống đua nhau,
Tiếng khoan rộn rịp tiếng mau rập rình.
Rước vinh-qui về bái-tổ (8),
Ngả trâu bò làm lễ tế thần.
Đề cho bảy huyện nhơn dân,
No say được đội hoàng-ân từ rầy.

---

(1) Mô hồ 摸糊 là hàm hồ mô phỏng không biết đích sác.

(2) Tên huyện, thuộc Hải-dương.

(3) Thuộc Phả-lại tỉnh Hải-dương.

(4) Bây giờ sáp nhập vào huyện Hoanh-bồ, thuộc Quảng-yên.

(5) Phụ họa 附和 là xướng họa phụ thêm vào.

(6) Tị tổ 鼻祖 là ông tổ đầu, người xướng ra đầu tiên.

(7) Nghi vệ 儀衛 là uy nghi hộ vệ đi theo hầu.

(8) Vinh qui 榮歸 là khi đỗ được đón rước về quê nhà vẻ vang lắm. Bái tổ 拜祖 là làm lễ cúng tế tổ tiên.

Xem những câu ấy thì biết đích rằng văn về thời Lê đương khi sùng-bái (1) sự học khoa cử rất thịnh.

Lại như câu nói về việc canh-nông :

Tháng giêng là tháng ăn chơi,
Tháng hai giồng đậu giồng khoai giồng cà.
Tháng ba thì đậu đã già,
Ta đi ra hái về nhà phơi khô.
Tháng tư đi tậu trâu bò,
Để cho ta lại làm mùa tháng năm.
Sớm ngày đem lúa ra ngâm.
Bao giờ mọc mầm ta sẽ nhổ ra.
Gánh đi ra ném ruộng ta,
Đến khi nên mạ thì ta rỗ về.
Lấy tiền mượn kẻ cấy thuê,
Cấy xong rồi mới giở về nghỉ ngơi.
Cỏ lúa làm đã sạch rồi,
Nước ruộng vơi mười còn độ một hai.
Cao thời đóng một gầu giai,
Lúa thấp thời lại đóng hai gầu sòng.
Để cho lúa có đòng đòng,
Bấy giờ ta sẽ trả công cho người.
Bao giờ cho đến tháng mười,
Ta đem liềm hái ra ngoài ruộng ta.

Xem đó thì biết nước ta là một nước canh-nông, xưa nay chỉ chăm chủ về việc nông-gia cần-khổ, lời văn rất là thật thà hồn hậu, rõ tả ra tư-cách nhà nông-dân.

Những câu ca-dao ấy mới thực là tự ống thiên-lải-phát-thanh (2), mà thành ra một giọng thanh-âm Nam-Việt.

V

Sau đời Trần-mạt sang đời Lê-sơ, thì có cụ Nguyễn Trãi 阮廌, hiệu là Ức-trai-tiên-sinh theo vua Lê Thái-tổ giúp việc quân-trung từ-mệnh (3) rất có công to. Cụ có theo lối ca-dao lục bát mà đặt ra nhiều bài ca rất là có ích, như bài cha dạy con :

Ở cho phải có nhân-nghi,
Thơm danh và lại làm bia miệng người.

Bài vợ khuyên chồng :

Thiếp xin chàng chớ đam dâm,
Những nơi cờ bạc chớ lăm làm gì.

Bài thầy khuyên trò :

Học cho hi thánh hi hiền (4),
Việc gì thông biết phải phiền lụy ai.

Đó là lược-trích những câu ở trong tập *Nguyễn-Trãi gia-huấn*, thì biết rằng cụ thực lưu-tâm về việc diễn ca quốc-âm để khuyên bảo đàn bà trẻ con cho ai nấy cũng dễ hiểu. Tập *Gia-huấn ca* ấy lời rất bình-dị, thật là có bổ-ích về đường phong-hóa nước ta.

Còn như tục truyền khi cụ đi chầu về gặp nàng Thị-Lộ, cụ đọc câu thơ mà hỏi rằng :

Á ở đâu nay bán chiếu gon ?
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn ?
Xuân thu nay độ bao nhiêu tuổi ?
Đã có chồng chưa, được mấy con ?

Thị-Lộ đáp rằng :

Tôi ở Tây-hồ bán chiếu gon,
Nỗi chi ông hỏi hết hay còn ?
Xuân-thu nay mới trăng tròn lẻ,
Chồng còn chưa có, hỏi chi con.

---

(1) Sùng bái 崇拜 là tôn trọng qui hóa.

(2) Thiên lải phát thanh 天籟發聲 ; là cái ống sao trời, khi gió thì phát tiếng ra, đó là tiếng tự nhiên.

3) Quân trung từ mệnh 軍中詞命 là những tờ bồi mệnh linh về việc quân.

4) Hi thánh hi hiền 希聖希賢 là học bắt chước mong bằng ông thanh ông hiền.

Thiết-tưởng những sự huyền-hoặc (1), những câu thơ du-hí (2) ấy, chẳng qua là những nhà hiếu-sự phụ-họa bịa đặt thêm ra, chớ không nên chấp chềnh những câu ấy mà vu cho các bậc tiền-bối (3).

VI

Sự văn-chương nước ta đến đời vua Lê Thánh-tôn (1460-1497) là thời văn-chương cực thịnh, nào la lập ra « tao-đàn-nguyên-súy » (4), nào là chế ra « quỳnh-uyển-cửu-ca » (5), lúc rỗi ngài lại thường ngâm-vịnh văn thơ, có chép thành ra tập *Thiên-nam dư-hạ* (6), nay xin trích một vài bài truyền tụng như sau này :

1° Tiễn sứ-thần

Danh thơm lương-sứ (7) *nẻo xưa còn,*
Cừu-đái (8) *nay nên tạc tấc son.*
Khiển-quyền (9) *tư-ân lòng thế-thái,*
Ân-cần công-nghĩa đạo tôi con.
Phượng-tiên (10) *năm nẳm niềm khuya sớm,*
Long-tiết (11) *chăm chăm trải nước non.*
Tế-sự một mai ca Tứ-mẫu (12),
Công-danh hai chữ vẹn vuông tròn.

Bài này lời lẽ trang-nghiêm, rõ ra văn cẩm-tú (13), giọng ti-luân (14); lại hay thể-tất (15) bụng kẻ sứ-thần, khác nào ngâm câu Hoàng-hoa (16) mà tiễn đưa người muôn dặm.

2 Dệt vải

Thấy dân rét mướt nghĩ mà thương,
Vậy phải lên ngôi gỡ mối giường.
Tay ngọc lần đưa thoi nhật nguyệt,
Gót vàng giặm đạp máy âm dương.

Bài này thật tả ra một vị quân-vương có lòng đại-độ thương dân.

3 Con cóc

Bác mẹ sanh ra vốn ở chồi,
Chốn nghiêm thăm thẳm một mình ngồi.
Tép miệng năm ba con kiến gió,
Nghiến răng chuyển động bốn phương trời.

Thử đọc bốn câu thơ này thì rõ ra khí-tượng một vị thái-bình-thiên-tử, ngồi rủ áo xiêm ở chốn thâm-cung mà uy-quyền lừng lẫy cả bốn bể.

Thi ca quốc-âm ta, đến đời vua Lê Thánh-tôn xem thế thì tưởng đã phát-đạt nhiều lắm, tuy từ lúc Lê mới khai-sáng, mở ra nền Lê-văn đã có cụ Nguyễn-Trãi, rồi lại có vua Thánh-tôn, trong bốn mươi

---

(1) Huyền-hoặc 玄惑 là mờ mịt nghi hoặc không chắc tin

(2) Du-hí 遊戲 là chơi bời nhảm nhí.

(3) Tiền-bối 前輩 là lũ trước, các bậc hiền-giả đời trước.

(4) Tao-đàn nguyên súy 騷壇元帥 là một ông chủ tọa ở trong đám làm văn thơ ; tức là vua Thánh-tôn.

(5) Quỳnh-uyển cửu ca 瓊苑九歌 là chín bài ca ở chốn Quỳnh-uyển.

(6) Thiên-nam dư hạ 天南餘暇 là tên một quyển sách chép văn thơ của vua Thánh-tôn.

(7) Lương-sứ 良使 là một người đi sứ giỏi.

(8) Cừu-đái 裘帶 là áo cừu và đai mãng. Ông Công-Tây-Xích khi xưa mặc áo khinh-cừu đeo mãng đi xứ nước Tề.

(9) Khiển-quyền 繾綣 nghĩa là quấn quít, vấn vương.

(10) Phượng-tiên 鳳箋 là tờ chiếu vẽ con phượng.

(11) Long-tiết 龍節 là cờ tiết-mao của vua ban cho sứ-thần.

(12) Tế-sự 濟事 là giúp nên việc. Tứ mẫu 四牡 là thơ ở kinh Thi, lời vua úy-lạo kẻ sứ-thần

(13) Cẩm-tú 錦繡 là gấm vóc.

(14) Ti luân 絲綸 là tơ sợi, ví lời chiếu dụ của vua, nói nhỏ như tơ, rồi to ra như sợi.

(15) Thể-tất 體悉 là thể biết cái tình riêng của sứ-thần, mà xử thật chu-tất.

(16) Hoàng-hoa 皇華 là thơ ở kinh Thi, lời vua tiễn kẻ sứ-thần.

năm trời (1428-1470), nào là câu ngâm-vịnh chốn nho-lâm (1), nào là câu ca-dao ngoài thảo-dã (2), không thể nào khảo-cứu cho hết được, nhưng từ lúc ấy đã đắp thành cái nền ca-đàn thi-xã (3) văn quốc-âm.

VII

Kế sau vua Lê Thánh-tôn, thì có cụ Trạng Trình là Nguyễn Bỉnh-Khiêm 阮秉謙 tiên-sinh xuất-thế. Cụ sinh năm Lê Hồng-đức (1492), đỗ năm Mạc Đại-chính (1536), hiệu là Bạch-vân-cư-sĩ, tinh thông lý-học (4), thường hay đi du-lãm (5), ngâm vịnh rất nhiều, phàm những câu sấm câu thơ nhiều câu toàn dụng quốc-âm cả, nay hãy còn truyền lại bộ *Bạch-vân thi-tập* (6).

Khi cụ về trí-sĩ ở Bạch-vân-am (7), thường hay ngâm vịnh cảnh nhàn, nay hãy lục ra một vài bài như sau này :

1

Lần lữa ngày qua lại tháng qua,
Một phen xuân tới một phen già,
Ai-ưu vẳng vặc trăng in nước,
Danh-lợi lâng lâng gió thổi hoa.
Án sách vẫn còn án sách cũ,
Nước non bạn với nước non nhà.

2

Được thua thấy đã rất nhiều phen,
Để xẻ công danh đổi lấy nhàn.
Am Bạch-vân rồi nhàn-hứng,
Dặm hồng-trần vẳng ngại chen.
Ngày chầy họp mặt hoa là khách,
Đêm vắng hay lòng nguyệt ấy đèn.
Chớ chớ thờ ơ nhìn mới biết,
Đỏ thời son đỏ mực thời đen.

3

Chửa dễ ai là bụt Thích-ca,
Mọi niềm nhơn ngã (8) nhẫn thời qua.
Lòng vô-sự trăng in nước,
Của thảng-lai (9) gió thổi hoa.
Kìa khách xuân xanh khi trẻ,
Mấy người đầu bạc tuổi già.
Thanh-nhàn ấy ắt là tiên-khách,
Được thú ta đà có thú ta.

Những bài thơ trên này có bài chỉ có sáu câu, có câu theo lối lục-ngôn chỉ đặt có sáu chữ, mà từ-điệu bình-dị (10), phong-thú cao-thượng (11), không khác gì giọng thơ cụ Đào-Tiềm, câu ngâm ông Thiệu-tử. Thế thì cụ không những là một nhà lý-học, mà lại là một cái nêu xích-xí (12) chốn văn-đàn (13), để làm tiêu-biểu (14) cho văn Lê thời cực-thịnh.

VIII

Kế đến thời nhà Mạc trong năm Quang-bảo (1554) có ông Trạng-nguyên Phạm-Trấn 范鎮, Bảng-nhãn Đỗ-Uông, hai ông cùng đỗ một khoa. khi về vinh-qui, Trạng Bảng cùng về một đường, đi qua cầu

(1) Nho-lâm 儒林, là chỗ nhiều người văn nho đông như rừng.
(2) Thảo-dã 草野, là chốn đồng cỏ, chốn nhà quê.
(3) Ca đàn thi xã 歌壇詩社, là chốn đàn vịnh ca, chốn họp nhau lại để ngâm thi ca.
(4) Lý-học 理學, là học về lý số.
(5) Du-lãm 遊覽, là đi chơi xem các nơi danh thắng.
(6) Bạch-vân thi-tập 白雲詩集, là một bộ thơ quốc-âm của cụ thường ngâm vịnh cảnh nhàn, ước độ 100 bài, đã sao lục ra rồi, nhưng nguyên bản chữ nôm còn sai lầm chửa hiểu hết, sẽ khảo cứu in lần theo sau.
(7) Bạch-vân-am 白雲庵, là nơi nhà riêng của cụ ở quê nhà.
(8) Nhơn-ngã 人我, là người với ta, là lòng tư túi phân biệt người với ta.
(9) Thảng-lai 倘來, là lai thoảng một lát rồi lại như không, là không phải của của mình.
(10) Từ điệu bình dị 辭調平易, là lời thơ điệu thơ dễ dàng.
(11) Phong thú cao thượng 風趣高尚, là lý thú trong bài thơ, có ý cao xa hơn người.
(12) Xích-xí 赤幟, là ngọn cờ đỏ.
(13) Văn-đàn 文壇, là đám họp nhau làm văn thơ.
(14) Tiêu-biểu 標表, là cái nêu dựng cao.

Cốc, làng Đoàn-làm (1), trong cầu có cô con gái tên là Loan ngồi bán hàng. Trạng Bảng mới đố nhau làm bài thơ : « *Cô Loan bán hàng cầu Cốc* », hạn mỗi câu phải hai tiếng thuộc về giống cầm ; hễ ai qua cầu đọc xong trước, thì nhường đi trước. Phạm Trấn ngâm xong trước, thơ rằng :

Quai vạc *đôi bên cánh* phụng *phong*,
Giỏ giang *bán chắc tựa đồ* công
Xanh le *mở khép nem* hồng *mới*,
Bạc ác *phô phang rượu* vịt *nồng*.
vân vân...(2)

Xem đó thì văn-chương thời bấy giờ đã điêu-luyện tinh-sảo (3) lắm, nào le nào vịt, nào phụng nào hồng, chọi chát nhau từng chữ, thực đã đưa lối quốc-văn vào đường vẽ rồng chạm phụng, chẳng khác gì lối Hán-văn khắc-triện điêu-trùng (4).

IX

Nói về ông Lê Qui-Đôn 黎貴敦, quê ở làng Diên-hà, phủ Thái-bình (bây giờ đặt thành tỉnh). Khi nhỏ thông minh khác thường, mới sáu bảy tuổi đã biết làm thơ làm văn. Một hôm có một ông quan đến chơi nhà ông Trung-hiếu-công là ông thân-sinh ra Qui-Đôn, thấy Qui Đôn nghịch ngợm, bèn quở mắng rằng : « Mày là thằng rắn đầu rắn cổ, phải làm bài thơ tự trách mình, nếu không làm được thì phải đòn ».

Qui-Đôn vâng lời làm một bài rằng :

Chẳng phải liu điu *vẫn giống nhà*,
Rắn mà chẳng học chẳng ai tha.
Thẹn đèn hồ lửa *đau lòng mẹ*,
Nay thét mai gầm *rát cổ cha*.
Chém mép chỉ quen tuồng nói dối,
Lăn lưng cam chịu tiếng roi tra.
Từ rày Châu Lỗ (5) *chăm nghề học*,
Chớ để người ta (6) *tiếng thế-gia*.

Ông quan thấy Qui-Đôn còn ít tuổi mà văn chương tài-hoa, khen nức nở mãi. Sau Qui-Đôn 18 tuổi thi đỗ Thủ-khoa, rồi thi đình đỗ Bảng-nhãn trong năm Cảnh-hưng thứ mười ba (1752). Ông có làm ra nhiều sách, như là : *Thánh-mô-hiền-phạm-lục*, *Kim-kinh-lục-chú*, *Hoàng-Việt-văn-hải*, *Vân-đài-loại-ngữ*, *Kiến-văn-tiểu-lục*, *Thái-ất-quái-vận*, *Lục-nhâm-hội-thông*, *Kim-cương-kinh-chú-giải*, *Quần-thư-khảo-biện*, vân vân... Còn về phần văn quốc-âm thì tương-truyền ông có soạn ra bài tình nghĩa : « Tất kính tất giới, vô vi phu-tử (7) », bài văn sách hỏi về mục : « Lấy chồng cho đáng tấm chồng, bõ công trang điểm má hồng răng đen. » Những bài này tôi đã biên tập ra quyển *Cổ-xúy-nguyên-âm* (8) thứ hai, xem ra lời lẽ rất hay, tuy theo thể cách văn Tàu, mà dùng toàn câu phương-ngôn tục-ngữ, đặt ra thành văn, cũng chẳng kém gì văn Hán tự, xem thế thì biết rằng tiếng quốc-âm ta muốn làm theo lối văn nào cũng được mà cũng hay ; lại đủ chứng rằng văn thời Lê đến đấy chính là lúc *văn quốc-âm phát-đạt thời-đại*.

X

Đến đời cuối Lê, Tây-sơn ra tàn phá thành Thăng-long, vua Lê không có quyền-

(1) Bây giờ thuộc huyện Thanh-miện tỉnh Hải-dương.

(2) Bài thơ đủ 8 câu, nhưng còn truyền lại 4 câu.

(3) Điêu-luyện tinh-sảo 雕鍊精巧 là chạm kẻ, rèn đúc, mài tinh mài khéo.

(4) Khắc triện điêu trùng 刻篆雕虫, nghĩa là khắc ra mấy chữ triện, chạm ra hình con xâu, là nói làm văn dụng công lỉ mỹ.

(5) Châu 鄒 là chỗ ông Mạnh-Tử ở, Lỗ 魯 là nước quê hương ông Khổng-Tử.

(6) Chữ *ta* hoặc là *chê*.

(7) Là lời mẹ răn con gái : phải nên kính răn, không nên trái ý chồng.

(8) Quyển này đã in ra bản chữ Quốc-ngữ, bán tại hiệu Đông kinh ấn-quán số 16 hàng Bông Hà-nội.

bình gì nữa. Nên ông PHẠM-THẤU 范湊 đi qua cửa Ngũ-môn (1), trông thấy con rồng đá, cảm-hứng mà ngâm rằng :

Chợt qua năm cửa động lòng thơ,
Rồng đá sao rầy gọi biếng thưa?
Nền-nếp vẫn còn nền nếp-cũ,
Lễ-văn sao khác lễ-văn xưa?
Ý nhàn thiên-tử thôi chầu sớm,
Hay bởi đình-thần mới thức trưa?
Nào kẻ mây mưa duyên khế trước,
Tôn Chu (2) nghĩa cả khéo thờ ơ.

Đó là bài thơ hoài-cổ (3), lời lẽ mát mẻ, ý tứ âu sầu, xem đó thì biết vận nhà Lê đã gần ngày kết-cục. Vậy xem giọng văn khi buồn, khi tẻ, khi vui, khi cười, cũng đủ biết được vận nước suy hay là thịnh, ai bảo rằng nôm na mách quế, không có quan-hệ gì hay sao ?

Nói tóm lại thì ở về đời Lê-quí(4) cũng nhiều người văn-nhân học-sĩ tài văn quốc-âm, như về đời Vĩnh-khánh (1731) có ông NGUYỄN BÁ-LÂN 阮伯璘 người Cổ-đô Sơn-tây làm ra bài phú *Trương-lưu-hầu* ; ở về đời Long-đức (1732), thì có ông Thái-học-sinh ĐẶNG TRẦN-CÔN 鄧陳琨 người Nhân-mục Hà-nội, làm ra bài *Chinh-phụ-ngâm*, mà bà NGUYỄN THỊ-ĐIỂM 阮氏點 thì diễn thành ca quốc-âm ; ở về đời Cảnh-hưng 景興 (1769) thì có ông NGUYỄN ĐÌNH-TỐ 阮廷傚 người Bình-dâu Hải-dương, làm ra bài tán ông Tiến-sĩ, cùng là ông NGUYỄN HỮU-CHỈNH 阮有整 làm ra thơ *Cung-oán*, phú Quách-tử-Nghi, Trương-vĩnh-Hầu làm ra phú *Tây-hồ*. Kể biết bao nhiêu người tài giỏi văn quốc-âm, mà biết bao bài văn quốc-âm truyền tụng, không thể sao kể cho xiết được. Nhưng sau này hãy kể lược một vài bài có thể giúp về đường khảo-cứu (5) được thì cũng hay.

XI

Nay xin lược-trích bài văn tán ông Tiến-sĩ rằng :

Khi ra đường thì : Lọng rập-rình đôi, võng dan-díu bầy.
Gậy xừng hươu vác trước nghênh-ngang, giáo cồ ngỗng xua nhau lập-lấy.
Trống tiểu-cồ tung-tưng lừng giọng hát, trời nghiêng một góc tưng-bừng.
Quân tiền-hô chánh-chánh thẻ ra oai, người dẹp đôi bên thây thầy.
Kẻ đi đường phải nghiêng nón dạo quanh, người ngồi quán phải nép lưng đứng dậy.

Khi vào chầu thì : Nghiêm-trang mới dám, uy-vệ càng gia.
Đai mặt ngọc sáng lừng đủng-đỉnh, ủng mũi ngao cong vắt nhởn-nhơ.
Đầu đội mũ đồng-cân, phảng phất ngắm hình khác nào bụt hiện.
Lưng đeo tấm bố-tử, thướt-tha xem nhường quá ngỡ tiên sa.

Khi ra, vâng chịu mạnh vua, sửa sang việc nước.
Kinh luân mặc sức đảm đang, khôn khéo ra tay mực thước.
Thét một tiếng gian tà co cổ, ai nào dám he.
Quát một điều nha-dịch cau mày, người nào dám lược.

Bài này của ông Nguyễn Đình-Tố rõ tả ra cái tư-cách cái uy-vọng (6) các cụ nghè đời Cố-Lê, cũng đủ làm một bài kê-cứu lịch-sử tiến-sĩ về triều Lê-quí.

---

(1) Ngũ-môn 五門 là năm cửa ở trước nhà Kính-thiên kinh thành Thang-long, chỗ các quan vào chầu vua khi xưa.
(2) Tôn-Chu 尊周 là tôn phù nhà Chu, tỉ như là tôn nhà Lê.
(3) Hoài-cổ 懷古 là ý nhớ đời xưa, thương cảnh cũ.
(4) Lê-quí 黎季 là cuối đời Lê.
(5) Khảo-cứu 攷究 là tra xét, kê-cứu sự tích cũ.
(6) Uy-vọng 威望 là uy nghi trông rất trọng vọng.

XII

Tây-hồ là nơi thắng-cảnh thành Thăng-long, xưa nay văn-nhân tài-tử đề vịnh biết bao nhiêu là văn thơ tức cảnh, nay xin lược trích bài phú tả cảnh Tây-hồ như sau này :

Xinh thay cảnh Tây-hồ, lạ thay cảnh Tây-hồ ! Dám nhớ thủa đất chia chín cõi, nghe rằng đây đã mọc một khu.

Trước bạch-hồ (1) *ở đấy làm hang, Long-quân* (2) *gây nên vùng đại-trạch* (3).

Sau kim-ngưu (4) *chạy về đây hóa vực, Cao-vương* (5) *dầm thấm mạch hoàng-đồ* (6),

Tên nghe gọi rằng đầm Lãng-bạc(7) *cảnh ngẫm in tinh-chử băng-hồ* (8)

Sắc rờn rờn nhuộm thức lam xanh, ngỡ động bích chầy lên dòng leo-lẻo.

Hình rợn rợn uốn vòng câu bạc, tưởng-vừng ngân rơi xuống mảnh từ-từ

Hơn nghìn mẫu nước trời lẫn sắc, trải bốn bên hoa cỏ quen mùa.

Vừng đất giỗ mỏ phượng còn in, kể rằng đài « Thượng-nguyệt »(9)

Bóng nước vắt hàm rồng chẳng cạn người gọi chén « trung-tô » (10).

Tòa thạch-tháp(11) *nọ, nơi tiên để bán, chốn thổ-đôi* (12) *kia lễ khách chôn bùa*

Đền Mục-lang (13) *hương khói chẳng dời, tay lưới pháp hãy ghi công bắt hổ.*

Quán Trấn-võ (14) *nắng sương nào chuyển, lưỡi gươm thần còn để dấu chém rùa.*

Kia quán Thiên-niên dặm-dắp, kia ghềnh Vạn-bảo nhấp-nhô.

Trông mơ-màng nhường lĩnh Thứu (15) *nơi kia, ba tổ thước* (16) *cuối làng kêu chíp-chíp.*

Nghe phảng-phất ngỡ động hoa mái nọ, mấy tiếng gà trong trại gáy o-o.

Bài này là của ông Trương-vĩnh-hầu 張永侯 làm ra từ đời Tây-sơn Bảo-hưng (1801), đến bây giờ xem đi xem lại, chẳng khác gì một bức tranh thủy-mạc họa cảnh Tây-hồ. trăm năm nét mực như in, dẫu trải qua mấy cuộc tang-thương, mà cảnh-tượng cựu-thời, dấu hồ-sơn vẫn còn in trên nền trắng.

---

(1) Bạch-hồ 白狐 là con cáo trắng. Tục truyền trước là một cái núi đá, có con cáo trắng ở.

(2) Long-quân 龍君 là vua thủy tề, dâng nước lên bắt cáo, thì núi đá ấy sụp xuống thành đầm.

(3) Đại trạch 大澤 là đầm lớn.

(4) Kim ngưu 金牛 là trâu vàng. Tục truyền có con trâu vàng tự bên Tàu chạy sang lặn dưới vực sâu

(5) Cao-Vương 高王 là Cao-Biền, khen Tây-hồ có kiểu đất.

(6) Hoàng-đồ 皇都 là chốn kinh-đô nhà vua.

(7) Lãng-bạc 浪泊 là một tên cũ Tây-hồ.

(8) Tinh-chử băng-hồ 星渚冰壺 là bến sao hồ băng ; là nơi cảnh đẹp nước trong.

(9) Một chỗ đất giồ ra như mỏ phượng, ở đây gọi là cái đài để lên trông trăng.

(10) Nước hồ không bao giờ cạn, người ta gọi kiểu đất ấy tỉ như là cái chén đựng rượu.

(11) Thạch-tháp 石塔 là cây tháp bằng đá.

(12) Thổ-đôi 土堆 là cái gò đất.

(13) Mục-lang là Mục-Thận 穆愼, khi xưa tung lưới bắt được Lê Văn-Thịnh hóa hổ để dọa vua ; sau được lập đền thờ ở đấy.

(14) Quán Trấn võ thờ đức thánh Huyền-thiên-chấn-võ đại-đế 玄天眞武大帝, có tượng đồng cầm gươm để trấn Yêu tinh là loài rắn.

(15) Thứu 鷲 là tên núi chỗ Phật ở, nghĩa bóng là tỏ cái chùa.

(16) Thước 鵲 là chim bồ các.

Nói tóm lại thì văn-chương thời Lê-quí tuy đã phát-đạt nhiều lắm, nhưng kể về đường hùng-văn kiệt-tác (1) còn phải đợi đến Nguyễn-triều ta.

Trời mở vận trung-hưng, đến quốc-triều ta văn-vận (2) lại càng thịnh-vượng. Khi đức Cao-hoàng ta mới ra khai sáng, hễ gặp thời-tiết nam-phong, ngài liền đem thủy-quân ra cửa bể Thi-nại đánh giết quân Tây-sơn, khi trở gió lại trở về. Vậy lúc ấy có câu rằng :

Lạy trời cho cả gió nồm,
Để cho chúa Nguyễn thẳng buồm giong ra.

Xem câu ca ấy thì biết nhân-tâm tư Nguyễn (3) dẫu đương lúc đức Cao-hoàng bôn-ba phiêu-lãng (4), mà dân chỉ ngóng trông chiều gió, mong ngài ra thì dân mới được gội nhuần ơn mưa móc. Khát khao thay Nam-phong ! Mong mỏi thay Nam-phong ! Nghe câu ca giọng hát chốn dân-gian, mà biết lòng dân mong cựu-chúa.

Đương lúc ấy có ông Hoàng-Quang 黃光, người làng Thai-dương, huyện Hương-trà, phủ Thừa-thiên hiệu là Thai-dương-xử-sĩ, thông-minh hay chữ, có lòng trung-nghĩa, thấy khi ấy nhân-dân cực khổ, mới làm bài « Hoài-nam-ca », kể công-nghiệp liệt-thánh triều Nguyễn ta, trước từ đời đức Gia-giụ đến đức Hiếu-võ, trải tám đời khai-thác gian-nan, (5) nhân ơn thiếp-hợp ; (6) sau đến đức Hiếu-định nối ngôi, Trương Phúc-Loan chuyên quyền, nên đến nỗi Tây-sơn dấy loạn, Bắc-hà cấu binh (7), dân-tình thời ấy rất là thảm-trạng ; lúc thì kể tội kẻ quyền-thần, lúc thì thống-hận (8 ; kể ngụy-tặc. Lời ca rất bi-ai hùng-tráng (9). Khi ấy có bà Ngọc-huyên công-chúa 玉瑄公主 là con đức Hiếu-võ sao được bài ca ấy gửi về cho đức Cao-hoàng ở trong Gia-định. Ngài tuyên-bá (10) cho chư quân nghe, thì nhiều người rơi lụy. Đức Cao-hoàng có nói rằng : « Xưa kia nhân-tâm nhớ nhà Hán, Quang-vũ mới trung-hưng lên được ; nhân-tâm nhớ nhà Đường, Túc-tôn mới tái-tạo (11) lại được, nay xem nhân-tình nghe bài ca mà cảm-động như thế thì quân nghịch-tặc kia, chẳng bao lâu cũng giẹp được hết. »

Ấy đấy ! Một bài ca quốc-âm, mà biểu-dương (12) được công-nghiệp Hoàng-triều như thế đấy, mà kể hết được dân-tình quốc-biến (13) như thế đấy, mà cảm-động được lòng hoài-nam như thế đấy. « *Ăn cơm mới, nhắc truyện cũ* » đến bây giờ ngâm đi ngâm lại, còn khiến cho ta « *thương Nguyễn-chúa, nhớ Tiên-vương,* » dẫu trăm nghìn năm, vẫn một niềm tôn Chu, phù Hán (14). Văn chương như thế, mới thực là một thiên đại-trước-tác (15), sau này sẽ lục đăng toàn-thiên,

---

(1) Hùng văn kiệt tác 雄文傑作, là lời văn hùng-dũng, bài văn hay hơn cả.

(2) Văn vận 文運 là vận-hội văn-chương.

(3) Nhân tâm tư nguyễn 人心思阮, là lòng người nhớ Triều Nguyễn.

(4) Bôn ba phiêu lãng 奔波飄浪 là chạy chọt xiêu rạt trong cơn sóng gió.

(5) Khai-thác gian nan 開拓艱難 là mở mang khó nhọc.

(6) Nhơn ơn thiếp hợp 仁恩浹洽 là ơn đức thấm thía.

(7) Bắc hà cấu binh 北河搆兵 là ngoài Bắc kỳ có họ Trịnh lại gây việc binh đao đem quân vào đánh trong nam.

(8) Thống hận 痛恨 là căm giận.

(9) Bi ai hùng tráng 悲哀雄壯 là lời bi thảm, lời hùng dũng, mạnh mẽ.

(10) Tuyên bá 宣播 là làm cho rõ rệt khắp ra mọi nơi.

(11) Tái-tạo 再造 là lại gây dựng lên được

(12) Biểu-dương 表揚 là làm cho tiêu biểu-rõ rệt ra.

(13) Dân tình quốc biến 民情國變 là tình trong dân, việc biến cố trong nước.

(14) Tôn Chu phù Hán 尊周扶漢 là tôn nhà Chu, giúp nhà Hán, ví như tôn triều Nguyễn ta.

(15) Đại trước tác 大著作 là một bài văn ý tứ làm rộng rãi lớn lao rất hay.

không những để ghi được tên ông Hoàng-Quang mà lại in vào trong óc người ta được hai chữ «*Hoài-Nam*» thiên-vạn-cổ.

Đương lúc Quốc-triều ta trung-hưng là về cuối đời thập-bát và đầu đời thập-cửu thế-kỷ, lúc ấy càng ngày càng xuất-hiện nhiều người hay nôm. Xem như bài ca Hoài-Nam trên này đã cảm-động như thế, mà sau lại có bài văn của quan Tiền-quân Nguyễn Văn-Thành 前軍阮文誠 tế trận-vong tướng-sĩ, lời rất ai-cảm (1), « *Dầu biết rằng anh-hùng thời chẳng quản, trăm trận một trường oanh-liệt, cái sinh không, cái tử cũng là không! Nhưng tiếc cho tạo-hóa khéo vô-tình, nghìn năm một hội tao-phùng, phận thủy có, phận chung sao chẳng có?* » Nên mới tả hết cảm-tình ra bài văn này (2), đọc lên ai cũng phải cảm-động. Thế mới biết văn-chương quốc-âm ta như bài đó, có thể sánh được với văn Tây văn Tàu cũng không kém, mà lại có thể làm được một bài giảng-nghĩa về khoa quốc-văn.

Tuy thời ấy còn nhiều bậc hay nôm, như: ông Đào Duy-Từ 陶惟慈 diễn bài ca « Ngọa-long-cương » (3), ông Nguyễn Cư-Trinh 阮居貞 làm ra bài thơ « Sãi-vãi »(4); quan Lễ-bộ Thượng-thư Đặng Đức-Siêu 鄧德超 làm bài văn tế ông Võ-Tính ông Ngô Tùng-Chu và bài « Hồi-loan khải-ca » để tán-dương khi đức Cao-hoàng bình định Bắc-hà rồi hồi-loan về Kinh; ông Lễ-bộ Tham-tri Nguyễn-Du 阮攸 làm ra truyện « Kim Vân-Kiều »; ông Nguyễn Huy-Tự 阮輝似 làm ra truyện « Hoa-tiên » mà nhuận-sắc (5) lại là ông Nguyễn-Thiện 阮儃; đó đều là những văn truyện-tụng thời Nguyễn-sơ. Nhưng rút lại thì đời bấy giờ có bài « Hoài-Nam-ca » và bài tế « trận-vong-tướng-sĩ » thực là văn-chương đại-bút (6); mà truyện Kiều là khúc đoạn-trường tân-thanh (7) trong nhạc-phủ, cũng xuất-hiện ra lúc bấy giờ. Thế thì đương lúc Nguyễn-sơ chính là lúc *quốc-văn toàn-thịnh thời-đại*.

XIV

Lại xét văn-chương quốc-âm ta phần nhiều là dùng tiếng Bắc-kỳ mà xướng-phát (8) ra lại phần nhiều là người Trung-kỳ như ông Nguyễn-Du là người Tiên-điền làm ra truyện *Kiều*, mà ông Nguyễn Huy-Tự người La-sơn, ông Nguyễn-Thiện người Tiên-điền thì làm ra truyện *Hoa-tiên*; còn các ông khác nữa cũng phần nhiều ở về Trung-kỳ dĩ nam (9) cả.

Xem thế thì thanh-âm ngoài Bắc, chính là một thứ tiếng phổ-thông (10) hơn; mà các cụ trong Nam lại hay luyện-tập đường thanh-âm đủ giọng.

Nhưng còn lịch-sử cụ Nguyễn Huy-Tự tiên-sinh, và Nguyễn-Thiện tiên-sinh chúng tôi chưa xét được rõ, mà cũng không biết rõ truyện *Hoa-tiên* xuất-hiện ra trước truyện *Kiều* hay là sau? Đến năm Minh-mệnh kỷ-sửu (1823) lại có cụ Võ Đãi-Văn

---

(1) Ai-cảm 哀感 là cảm động thương xót.

(2) Bài văn tế tướng sĩ trận vong này đã in ra mục Văn-uyển kỳ báo số 13.

(3) Bài ca « Ngọa-long-cương » nguyên chữ nho của ông Gia-cát-Lượng, ông Đào Duy-Từ diễn ca nôm để tự tỉ vào mình. Nhưng chưa lục thấy, xin các ngài biết thì bảo cho.

(4) Bài thơ « Sãi vãi » này cũng chưa lục thấy, xin các ngài biết thì bảo cho.

(5) Nhuận sắc 潤色, là sửa lại cho nhuần nhã tốt đẹp.

(6) Đại bút 大筆, là bài văn hay, của tay bút người giỏi viết ra.

(7) Đoạn trường tân thanh 斷腸新聲, là khúc hát mới não nùng làm cho đứt từng khúc ruột

(8) Xướng-phát 唱發, là xuống lên, khai phát lên trước.

(9) Trung-kỳ dĩ Nam 中圻以南 là từ Trung-kỳ trở vào trong Nam.

(10) Phổ-thông 普通, là thông xuốt rộng khắp cả

武侍問 người Đường-hào (1) sửa lại truyện *Hoa-tiên* từ hồi thứ 24 trở xuống. Năm Thiệu-trị quí-mão (1843) ông Cao Chu-Thần 高周臣 có phê-bình truyện ấy và đề tựa nói rằng : « Truyện Hoa-tiên là « cảnh-thế-ngữ » nghĩa là lời nói khuyên răn thói đời; truyện *Kiều* là « thiệp-thế-ngữ » nghĩa là « lời nói lịch-thiệp đã trải hết thói đời. » Lời phê bình ấy rất là sác đáng (2).

Nay xét trong truyện *Kiều*, lúc Kim-Trọng từ biệt Thúy-Kiều có dặn rằng :

Gìn vàng giữ ngọc cho hay,
Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời.

Lời nói ấy rõ ra một chàng thâm-ư-tình (3), mà lại còn có ý nghi-tình, e có khi làm cho kẻ má đào cũng ngậm ngùi; mà ân hận. So với câu trong *Hoa-tiên* lúc Lương-Sinh từ biệt nàng Dương. Dao-Tiên có câu rằng :

Sớm khuya gác gấm buồng thêu,
Ngọc vàng mình phải nâng niu lấy mình.

Câu này lời tuy thực-thà, nhưng rõ ra một người trung-hậu-quân-tử. Tiếc thay chưa biết đích hai câu trên này lời nào là cổ hơn.

Xét trong truyện *Kiều* lại có câu :

Sống làm vợ khắp người ta.
Hại thay thác xuống làm ma không chồng.

Câu này là đặt theo ý câu thơ chữ nho : « Sinh vi vạn nhân thê, tử tác vô phu quỉ »

Truyền rằng đức Dực-Tôn có đối là :

Sống thời tình chẳng riêng ai,
Khéo thay thác xuống là người tình không.

Đối lại như thế cũng thanh-tao, nhưng đặt như trên mới thực là đúng nghĩa.

Xem thế thì truyện *Kiều* thật hay đủ giọng, giá người ta muốn tả sự gì, vịnh vật gì, có thể mượn câu trong truyện Kiều mà tập thành ngay được. Như vịnh hoa thủy-tiên thì tập rằng :

Than ôi sắc nước hương trời,
Chơi hoa dã dễ mấy người biết hoa.
Rõ ràng trong ngọc trắng ngà,
Đào nguyên lạc lối đâu mà đến đây.

Truyện *Kiều* thực là tả hết được nhân-tình vật-lý (4) trong thế-gian, tuy đặt câu có dùng điển-tích mà hóa hết cả điển-tích, chẳng khác gì câu ca-dao âm-hưởng tự-nhiên. Ông Dương Qui-Sơn 楊龜山 có câu rằng : « Tự tùng san hậu cánh vô thi ». Nghĩa là từ khi đức Khổng-tử sửa lại kinh Thi rồi, thì không còn có thơ nào nữa. Vậy ta cũng nói rằng từ khi ông Nguyễn-Du 阮攸 làm ra truyện Kiều rồi, chưa thấy có ai đặt ra truyện gì hay hơn nữa.

XV

Kể về đời Minh-mệnh, Tự-đức cũng nhiều cụ hay nôm như cụ Lý Văn-Phức 李文馥 Nguyễn-công-Chứ, 阮公著 Đặng Huy-Trứ 鄧輝著 (5) Cao Bá-Quát 高伯适 vân vân, không thể sao kể xiết được. Khi ấy các quan Sử-quán có phụng-chỉ soạn ra bộ *Nam-sử-diễn-ca*, kể từ đời Hồng-bàng cho đến đời Lê-mạt Nguyễn-Sơ, lời lẽ bình-dị, mà mạch-lạc cũng phân-minh. Truyền rằng nguyên-bản trước của ông cử-nhân Ngô-Cát 吳吉 người huyện Chương-đức, diễn đoạn lịch-sử bà Triệu-Ẩu có mấy câu rằng :

(1) Đường-hào thuộc Hải dương, nhưng còn lịch-sử cụ Võ Đãi Văn cũng chưa xét rõ.

(2) Sác-đáng 確當 là đích-sác chính-đáng

(3) Thâm ư tình 深於情 là người trung tình đằm thắm.

(4) Nhân-tình vật-lý 人情物理 là tả được hết tình mọi người; lẽ muôn vật.

(5) Ông người Thừa-thiên, con quan Thượng-thư Đặng Văn-Hòa 鄧文和 thi đỗ Cử-nhân, thi hội được trúng cách, phải bai văn thi đình có một câu phạm trường-qui, bị cách tuột. Sau lại thi đỗ Giải-nguyên, làm đến chức Bình-chuẩn, đi buôn các nước, có qua Tầu qua Nhật, lại có lấy vợ ở ngoại-quốc. Ông có tập văn Hoàng-Trung 黃中.

Vú dài ba thước giắt lưng,
Cưỡi voi đánh trống trong rừng kéo ra.
Cũng toan gánh vác sơn hà,
Cho Ngô biết mặt đàn bà nước Nam

Đức Dực-tôn có phê rằng : « Đặt như thế thì ra nước Nam không còn có đàn ông nữa hay sao ? » Nhưng ngài cũng dụ khen là « có tài », thưởng cho ông hai đồng kim tiền và một tấm lụa. Ông Ngô-Cát 吳吉 có vịnh câu :

Vua khen thằng Cát có tài,
Thưởng cho tấm lụa với hai đồng tiền.

Thế thì ông Ngô-Cát cũng là một tay tài nôm ở thời ấy.

Đoạn diễn-ca trên này, sau ông Đặng-huy-Trứ có sửa lại như sau này :

Cửu-chân có ả Triệu-kiều, (1)
Vú dài ba thước tài kiêu muôn người.
Gặp cơn thảo-muội (2) *cơ trời,*
Đem thân bồ-liễu thay loài bồng-tang.
Đầu voi phất ngọn cờ vàng,
Sơn-thôn mấy cõi chiến-tràng xông pha.
Chông gai một cuộc quan-hà,
Đến khi chiến-tử còn là hiển-linh.
vân vân. . .

Vậy thì cái bản « Quốc-sử-diễn-ca » mà phường-bản (3) bây giờ đã in ra đó, là bản của ông Đặng Huy-Trứ đã hiệu-chính (4) lại rồi.

Vả lại lối văn sử-bút rất là khó, mà bà Trưng và bà Triệu là hai bà nữ anh-hùng (5) nước Nam ta, vậy hoặc diễn ca, hoặc vịnh thơ, đều phải châm-chước (6) từng chữ, phải có lời phán-đoán (7) cho chính-đại-quang-minh (8), mới là vịnh-sử (9) mới là thơ văn vịnh-sử ; để cho ai đọc đến cũng phải khởi kính, khởi trọng (10), mà ghi nhớ lấy huân-nghiệp (11) các bậc nữ-anh-hùng ; chớ không phải chỉ đặt nhảm những câu : « *má hồng má phấn, một có hai có* » mà cũng gọi là vịnh-sử được. Đó chẳng qua là thói đồi-bại (12) trong văn giới (13), làm cho mất cả giá-trị các nhà đại-thi-gia (14), thành ra đem lối vịnh-sử mà làm một lối thơ nhảm-nhí, khá chẳng nên tuyển-trạch (15) lắm ru ?

XVI

Nói tóm lại thì văn-chương quốc-âm ta phôi-thai tự đời Trần, phát-đạt từ đời Lê, mà đến triều Nguyễn ta mới thực là toàn-thịnh. Nhưng kể về đường vận-văn, (16) biền-ngẫu-văn (17) thì hay thực, toàn-thịnh thực, còn như tản văn (18) thì chưa thấy có mấy bài. Vì khi trước chỉ chuyên học Hán-văn nên lối tản-văn quốc-ngữ không mấy khi dùng đến. Nhưng đến bây giờ chính là thời phải nên luyện-tập

(1) Cửu-chân 九眞 là Thanh-hóa, là nơi bà Triệu-ẩu ở.
(2) Thảo-muội 草昧 là mờ tối rậm rạp, là nói lúc loạn lạc.
(3) Phường bản 坊本 là bản khắc bằng ván in bán tại các phố.
(3) Hiệu chính 較正 là sửa lại cho đúng.
(5) Nữ-anh-hùng 女英雄 là người đàn bà anh hùng.
(6) Châm-chước 斟酌 là san sẻ, so sánh cho phải.
(7) Phán đoán 判斷 là phán-quyết mà đoán-định ngay một lời.
(8) Chính đại quang minh 正大光明 là ngay thẳng, lớn lao, rành mạch rõ ràng.
(9) Vịnh-sử 詠史 là vịnh những sự tích và các người danh nhơn trong lịch-sử, làm thành ra thơ.
(10) Khởi kính khởi trọng 起敬起重 là làm cho nức lòng kính trọng.
(11) Huân nghiệp 勳業 là công nghiệp đã lập thanh.
(12) Đồi bại 頹敗 là đổ nát hư hỏng.
(13) Văn-giới 文界 là trong nghề làm văn, trong một đám văn-chương.
(14) Đại-thi-gia 大詩家 là nhà làm thơ hay hơn cả, nhiều hơn cả.
(15) Tuyển-trạch 選擇 là kén chọn, so sánh.
(16) Vận văn 韻文 là lối văn có vần, như lối thơ ca lục bát
(17) Biền-ngẫu-văn 駢偶文 là lối văn đối nhau từng câu, như lối phú.
(18) Tản-văn 散文 là văn xuôi, khác lối vận văn.

quốc-văn, phải nên trắc-trọng (1) quốc-văn, phải làm thế nào cho lối tản-văn càng ngày càng phát-đạt lên mới thực là thiết-yếu ; chớ không phải chỉ ngâm nga câu cựu-sáo (2) nũu-nát (3), giọng tân-thanh, hết giở ngón lẳng-lơ ghẹo khách, lại pha câu ai-oán trêu ngươi, không những là làm cho người ta gợn sóng tình trong *bể thảm*, mà lại làm cho người ta thêm nỗi thảm về *khối tình*, sợ rồi thành ra một thói lưu-đãng (4) trong văn-giới, thành ra một thói khinh-bạc trong văn-giới. Than ôi thương thay ! than-ôi thương thay ! Câu ca câu lý giọng Chiêm-thành thì khác gì khúc « Hậu-đình-hoa » của Trần hậu-chúa (5), câu hát trống quân trống quýt trong trại lính Tây-sơn khi ở Bắc-hà, thì khác gì thơ Trịnh Vệ (6). Thế mà còn dắt nhau lên rừng mà xướng họa, xuống bể mà ngâm-nga, thế mà còn góp truyện mua vui ở trong đám ca-lâu tửu-quán (7), lên câu văn-chương mãi như thế, sợ rằng làm cho xã-hội chỉ say mê về câu tình giọng lẳng, khác gì một cái tệ chỉ mê xem những truyện « Đại-thánh, Phong-thần ».

Than ôi ! Mầm quốc-văn đã nẩy-nở từ bao giờ, mà đến giờ lại suy đi ư ? Nguồn quốc-văn đã lai-láng tự bao giờ, mà đến giờ lại cạn đi ư ? Nhưng có lẽ nào lại suy lại cạn đi được, chỉ vì những thói văn-lưu-đãng, chưa có người kiểu-chính (8) đó mà thôi ; thế tất cũng có người ra đứng làm chỉ-trụ (9) cho quốc-văn, ở trong buổi đổi-ba (10) này, gia công mà vun trồng cho cỗi rễ quốc-văn, hết sức mà mở mang cho nguồn biển quốc-văn, phàm những câu văn bã-mía, giọng hát hoa-tình, đều đem cái ngọn bút phẩm-bình mà gia công phủ-chính (11), trước là chính lại những lối từ phú thi ca, cho khỏi lưu về đường dâm-đãng (12) rồi lại cổ lệ (13) cho lối tản-văn như lối minh-ký luận-thuyết (14), làm sao cho mở mang phát-đạt thêm ra. Hoặc theo lối Tây văn, thì phải luyện lấy tính-chất (15) Tây-văn, hoặc theo lối Hán-văn thì phải in lấy chế độ (16) Hán-văn, làm sao cho khởi-suy tế-nịch (17) được như văn ông Hàn,

---

(1) Trắc trọng 側 重 là trọng lệch về một bên.

(2) Cựu-sáo 舊 套 là lối cũ đã có thành sáo

(3) Nũu nát 扭 捏 là bịa đặt, nắn nót, tỉa tót từng tí.

(4) Lưu đãng 流 蕩 là trôi rạt phóng đãng không có giới hạn gì cả.

(5) Hậu đình hoa 後 廷 花 là tên khúc nhạc-phủ của Trần Hậu-chúa 陳 後 主。Hậu chúa mê chơi, khi quân Tùy đến vây, hãy còn mê hát khúc Hậu-đình-hoa, có câu rằng : « Yêu người má phấn trong cung, như hoa sắp nở mầu hồng ngậm hương. Hậu-đình dồn kiệu quân-vương, trông ra lá ngọc cành vàng sáng trưng ».

(6) Thơ Trịnh 鄭 Vệ 衛 kinh Thi, nhiều thơ dâm phong.

(7) Ca-lâu tửu quán 歌 樓 酒 舘 là nhà lầu hát xướng hàng quán bán rượu.

(8) Kiểu chính 矯 正 là uốn cho ngay, sửa lại cho chính đáng.

(9) Chỉ trụ 砥 柱 là cột đá, nghĩa bóng là để làm cái cột chống vững lại.

(10) Đổi ba 頹 波 là chỗ đầu ngọn sóng vỡ lở.

(11) Phủ chính 斧 正 là sửa đẽo cho ngay.

(12) Dâm đãng 淫 蕩 là hoang dâm, phóng đãng.

(13) Cổ lệ 鼓 勵 là giòng-giả khuyên gắng.

(14) Minh 銘 là bài văn khắc vào bia, hay là vào cái đồ vật gì có ý khuyên răn ; Ký 記 là bài văn ký-sự. Luận thuyết 論 說 là bài văn nghị luận trang thiên.

(15) Tính chất 性 質 là cái tính tự nhiên, cái chất sẵn có.

(16) Chế độ 制 度 là khuôn phép.

(17) Khởi suy tế nịch 起 衰 濟 溺 là làm hưng khởi được văn lúc đời suy, cứu vớt được buổi lòng người đắm đuối. Người ta khen ông Hàn-Dũ đời Đường, có câu : « Văn khởi bát đại chi suy 文 起 八 代 之 衰 đạo tế thiên-hạ chi nịch 道 濟 天 下 之 溺 » vân vân.

hành-vân lưu-thủy (1) được như văn ông Tô, thì mới khỏi thẹn với các nhà Hán-văn đại-bút. Lại làm sao cho biểu-dương được sự nghiệp anh-hùng như văn ông Hà-mã (Homère); lịch tự (2) được tình trạng nông-công (3) như văn ông Hi-tiết-Đức (Hésiode); thì mới không thẹn với các nhà Tây-học văn-hào. (4) Trong một bài văn hoặc lúc thì đường-đột như núi như non, lúc thì bát-ngát như mây như gió, hoặc nói cho linh-động như chớp giật, như sấm vang, lời lẽ cho thâm-trầm hùng-tráng, như tràng-giang đại-hải (5), mông mông mênh mênh không biết đâu là bờ là bến; như thế mới gọi là văn có hồn, như thế mới gọi là văn có khí. Chớ không phải chỉ chắp-chảnh đầu Ngô mình Sở, râu ông nọ cằm cằm bà kia; chỉ vơ vét những câu bè ngô bè rừa, lại pha thêm giọng phò giọng phỉnh, giọng tán-tỉnh như đàn ngọt hát hay, mà cũng gọi là văn đâu. Như thế gọi là văn vô-hồn, gọi là văn vô-khí, có khác gì những bức tranh tố-nữ tay thợ vẽ hàng Trống, những câu đối tết của các thày khóa viết bán tại hàng Bồ, xem đến cũng không ai buồn đọc, Thế cũng gọi là văn! Thế cũng gọi là tranh với đối!

Tôi vốn vụng văn nôm, mà lại thích văn nôm, muốn học làm văn nôm mà không được, tôi mới kê-cứu lịch-sử quốc-văn, để xét xem trình-độ quốc-văn, cũng gọi là gắng cái tài học thô-thiển của mình, gặp đâu nói đấy, biết đâu sao ra đấy, chớ chắc đâu đã tường-tận đích-đáng, mà dám phẩm-bình nghĩ nghị (6) điều gì. Những điều nói trên này là chúng tôi chỉ theo lời dạy bảo của các bậc tiền-bối, mà ghi chép lại đây để tự mình noi theo mà học tập, may mà dò biết được bờ bến quốc-văn chăng? Ngóng trông tiền-đồ (7) quốc-văn, tôi càng mong cho hậu-vận quốc-văn lắm

(*Còn nữa*).

Tú-tài NGUYỄN HỮU-TIẾN.

---

(1) Hành vân lưu thủy 行雲流水, là vẩn ông Tô-Thức như mây đi nước chảy.
(2) Lịch tự 歷敘 là giãi bày.
(3) Nông công 農功 là công việc nhà làm ruộng.
(4) Tây học văn hào 西學文豪 là người tài giỏi văn hay.
(5) Tràng giang đại hải 長江大海 là sông dài biển lớn.
(6) Phẩm bình nghĩ nghị 品評擬議 là bàn luận so sánh.
(7) Tiền đồ 前途 là con đường trước mặt sắp đi đến, là trỏ sự về sau.

Tư-tưởng đẹp, lời văn hay

La culture n'est pas et ne peut jamais être une qualité inhérente particulière à une nation ou à une langue déterminée. C'est l'héritage de toute la race humaine, l'héritage chéri, accru et transmis d'une génération à l'autre, d'un coin de la terre à l'autre. Les langages humains sont les vaisseaux qui renferment la culture. Aucun langage n'a été des son origine un langage de culture et aucun n'est incapable de le devenir à la fin.

DAVID JAYNE HILL.

Cái văn-hóa không phải là cái của riêng của một dân một nước nào, hay là của một thứ tiếng nào. Nó là cái hương-hỏa chung của cả loài người, cái hương-hỏa qui-báu, mỗi đời lại tăng thêm lên mà đời nọ truyền cho đời kia, xứ nọ truyền sang xứ kia mãi mãi. Các tiếng nói của người ta là những cái thuyền để chở cái văn-hóa, không có tiếng nào ngay tự đầu đã là tiếng riêng của văn-hóa, mà không có tiếng nào đến sau lại không trở nên một cái tiếng của văn-hóa được.

MỘT LỐI VĂN MỚI

SỐNG CHẾT MẶC BAY!

Trong học-giới báo-giới ta, chắc ai cũng đã biết tên ông Phạm Duy-Tốn. *Ông là một người rất nhiệt-thành với văn quốc-ngữ, và đã biệt-lập ra một lối văn riêng lấy sự tả-chân làm cốt. Mỗi bài văn của ông như một tấm ảnh phản-chiếu cái chân-tướng như hệt.*

Ông tin rằng phàm văn-chương đã tả được hết cái cảnh thực, là tự-khắc có cái sức cảm-động vô-cùng, không cần phải nghị-luận xa-xôi:

Văn-chương ta xưa nay thường lấy sự mập-mờ phảng-phất làm hay, càng phiếu-diểu bao nhiêu càng huyền-diệu bấy nhiêu, nên ít dụng lối tả-thực, coi là tầm-thường. Nay xét ra văn-học họa-học của Thái-Tây, phần nhiều lại trọng lối tả thực hơn là lối phá-bút. Quốc-văn ta sau này tất chịu ảnh-hưởng văn Tây nhiều, lối tả-thực rồi tất mỗi ngày một thịnh-hành. Như bài văn ông Phạm Duy-Tốn *sau này cũng khá gọi là một bài tả-thực tuyệt khéo : đối hai cái cảnh trái ngược nhau, như bầy hai bức tranh trước mặt người ta, mà tự-khắc nẩy ra một cái cảm-giác, một cái tư-tưởng tự người đọc biết, không cần phải diễn-giải ra, là cái cảm-giác tức-giận, cái tư-tưởng thống-mạ kẻ « chễm-chện » này không biết thương lũ « lấm-láp » kia. Văn tả-thực mà được như vậy cũng đã khéo thay. Bản-báo đăng bài này mà có lời khen ông* Phạm Duy-Tốn *đã có công với quốc-văn.*

Ph. Q.

Gần một giờ đêm. Trời mưa tầm-tã. Nước sông Nhị-Hà lên to quá ; khúc đê làng ***, thuộc phủ ***, xem chừng núng thế lắm : hai ba đoạn đã thẩm lậu rồi, không khéo thì vỡ mất.

Dân-phu kể hàng trăm nghìn con người, từ chiều đến giờ, hết sức giữ-gìn ; kẻ thì thuổng, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cừ, bì-bõm dưới bùn lầy, ngập quá khỏi chân, người nào người nấy, lướt-thướt như chuột lột. Tình-cảnh trông thật là thảm.

Tuy trống đánh liên-thanh, ốc thổi vô-hồi, tiếng người xao-xác, gọi nhau sang-hộ, nhưng xem chừng ai-ai cũng đã mệt lử cả rồi. Ấy vậy mà trên trời thời mưa vẫn tầm-tã trút xuống, dưới sông thời nước cứ cuồn-cuộn bốc lên. Than ôi! Sức người khó lòng địch nổi với sức trời! Thế đê không sao cự lại với thế nước! Lo thay! Nguy thay! Khúc đê này hỏng mất!.....

Ấy, lũ con-dân đang chân lấm tay bùn, trăm lo nghìn sợ, đem thân hèn yếu mà đối sức với mưa to nước lớn, để bảo-thủ lấy tánh-mạng gia-tài; thế thời nào quan cha-mẹ ở đâu?

Thưa rằng: Đang ở trong đình kia, cách đó chừng bốn năm trăm thước. Đình ấy cũng ở trên mặt đê, nhưng cao mà vững-chãi, dẫu nước to thế nữa, cũng không việc gì.

Trong đình, đèn thắp sáng chưng ; nha-lệ lính-tráng, kẻ hầu người hạ, đi lại rộn-ràng. Trên sập, mới kê ở gian giữa, có một mình Quan phụ-mẫu, uy-nghi chễm-chện ngồi. Tay trái dựa gối xếp, chân phải ruỗi thẳng ra, để

cho một tên người nhà quì ở dưới đất mà gãi. Một tên lính-lệ đứng bên, cầm cái quạt lông, chốc-chốc sẽ phẩy. Tên nữa đứng khoanh tay, chực hầu điếu đóm. Bên cạnh ngài, mé tay trái, bát yến hấp đường phèn, để trong khay khảm, khói bay nghi-ngút ; tráp đồi-mồi chữ nhật để mở, trong ngăn bạc đầy những trầu vàng, cau đậu, rễ tía, hai bên nào ống thuốc bạc, nào đồng hồ vàng, nào dao chuôi ngà, nào ống vôi chạm, ngoáy tai, vỉ thuốc, quản bút, tăm bông, trông mà thích mắt. Chung-quanh sập, bắc bốn ghế mây, bắt đầu từ phía hữu Quan, thì có thầy Đề, rồi lần-lượt đến thầy Đội-nhất, thầy Thông nhì ; sau hết giáp phía tay tả ngài, thì đến Chánh-tổng sở-tại, cùng ngồi hầu bài.

Ngoài kia, tuy mưa gió ầm-ầm, dân phu rối-rít ; nhưng trong này xem chừng tĩnh-mịch nghiêm-trang lắm : trừ Quan phụ-mẫu ra, mọi người không ai dám to tiếng. So với cái cảnh trăm họ đang vất-vả lấm-láp, gội gió tắm mưa, như đoàn sâu lũ kiến ở trên đê, thời ở trong Đình rất là nhàn-nhã, đường-bệ, nguy-nga : nào quan ngồi trên, nào nha ngồi dưới ; người nhà, lính-lệ khoanh tay sắp hàng, nghi-vệ tôn-nghiêm, như thần như thánh. Thỉnh-thoảng nghe tiếng Quan phụ-mẫu gọi : « Điếu, mày ! », tiếng tên lính thưa : « Dạ » ; tiếng thầy Đề hỏi : « Bầm, bốc ? », tiếng Quan-Lớn truyền : « Ử. » Kẻ này : « Bát-Xách ! . . . Ăn. », người kia : « Thất Văn ! . . . Phỗng », lúc mau, lúc khoan, ung-dung êm-ái ; khi cười, khi nói, vui-vẻ dịu-dàng. Thật là tôn-kính, xứng-đáng với một vì Phúc-tinh . . .

Ấy đó, Quan phụ-mẫu cùng với nha-lại, đương vui cuộc tổ-tôm ở trong Đình ấy. Ngài mà còn dở ván bài, hoặc chưa hết hội, thì dầu trời long đất lở, đê vỡ dân trôi, ngài cũng thây kệ.

Ôi ! Trăm hai mươi lá bài đen đỏ, có cái ma-lực gì mà giun-giủi cho Quan mê được như thế ?... Này, này, đê vỡ mặc đê, nước sông dầu nguy, không bằng nước bài cao thấp. Đứng trên đê, mà đốc kẻ cắm cừ, người đồ đất, lắm nỗi lầm-than ; sao bằng ngồi trong đình, đã sẵn kẻ bốc nọc, người chia bài, nhiều đường thú-vị !

Than ôi ! Cứ như cách Quan ngồi ung-dung như vậy, mà hai bên tả-hữu, nha lại nghiêm-trang, lính hầu rậm-rập, thì đố ai dám bảo rằng : gần đó có sự nguy-hiểm to, sắp sinh ra một cảnh nghìn sầu muôn thảm, trừ những kẻ lòng lang dạ thú, còn ai nghĩ đến, mà chẳng động tâm, thương-xót đồng-bào huyết-mạch !...

Mặc ! dân, chẳng dân, thời chớ ! Con bài ngon, há nỡ bỏ hoài ru ! Quan-lớn ngài ăn, ngài đánh ; người hầu kẻ dạ, kẻ vâng. Sướng bao nhiêu, thích bao nhiêu ! Lúc quan hạ bài ù, ai-ai là người chẳng ngợi khen tấm-tắc ! Một nước bài cao, bằng mấy mươi đê lở, ruộng ngập ! Vậy mà không hiểu, thời thật là phàm !

Quan-lớn ù thông. Người đầu cánh, kẻ cuối tay, tranh nhau phô bài để Quan-lớn rõ, rằng : « Mình vào được, nhưng không dám cố ăn kìm ! » ; rằng : « Mình có đôi, mà không dám phỗng qua mặt ! » Hèn chi mà Quan chẳng ù luôn ! Quan ù, ấy là hạnh-phúc !...

Khi đó, ván bài Quan đã chờ rồi. Ngài xơi bát yến vừa xong, ngồi khểnh vuốt râu, rung đùi, mắt đang mải trông đĩa nọc, bỗng nghe ngoài xa, tiếng kêu vang trời dậy đất. Mọi người đều giật nảy mình, duy Quan vẫn điềm-nhiên, chỉ lăm-le chực người ta bốc trúng quân mình chờ mà hạ. Vì ngài sắp ù to.

Có người khẽ nói :

— Bầm, dễ có khi đê vỡ !

Ngài cau mặt, gắt rằng :

— Mặc kệ !

Rồi ngài xếp bài lại, quay gối dựa sang bên tay phải, nghiêng mình, bảo thầy Đề-lại :

— Có ăn không thì bốc chứ !

Thầy Đề vội vàng :

— Dạ, bẩm, bốc.

Vừa lúc đó, thì tiếng người kêu rầm-rĩ, càng nghe càng lớn. Lại có tiếng ào-ào như thác chảy xiết ; rồi lại có tiếng gà, chó, trâu, bò, kêu vang tứ phía.

Bấy giờ ai nấy ở trong đình, đều nôn-nao sợ hãi. Thốt-nhiên một người nhà quê, mình mẩy lấm-láp, quần áo ướt đầm, tất-tả chạy xông vào, thở không ra lời :

— Bẩm... Quan-lớn,... đê vỡ mất rồi !

Quan-lớn đỏ mặt, tía tai, quay ra, quát rằng :

— Đê vỡ rồi !... Đê vỡ rồi, thời ông cách cổ chúng mày, thời ông bỏ tù chúng mày ! Có biết không ?... Lính đâu ? Sao bay dám để cho nó chạy xồng-xộc vào đây như vậy ? Không còn có phép-tắc gì nữa, à ?

— Dạ, bẩm . . .

— Đuổi cổ nó ra !

Ngài quay mặt vào, lại hỏi thầy Đề :

— Thầy bốc quân gì thế ?

— Dạ, bẩm, con chưa bốc.

— Thì bốc đi, chứ !

Thầy Đề tay run cầm-cập, thò vào đĩa nọc, rút một con bài, lật ngửa, xướng rằng :

— Chi-chi !

Quan-lớn vỗ tay xuống sập, kêu to :

-- Đây rồi ! ... Thế chứ lại !

Rồi ngài vội-vàng xóc bài, miệng vừa cười, vừa nói :

— Ù ! Thông tôm, chi-chi nầy ! ... Điếu, mày ! ...

. . . . . .

Ấy, trong khi Quan-lớn ù ván bài to như thế, thì khắp mọi nơi miền đó, nước tran lênh-láng, soáy thành vực xâu, nhà cửa trôi bằng, lúa má ngập hết ; kẻ sống không chỗ ở, kẻ chết không nơi chôn, lênh-đênh mặt nước, chiếc bóng bơ-vơ, tình-cảnh thảm sầu, kể sao cho xiết !

Làm ngày tháng Juillet 1918

PHẠM DUY-TỐN

Tư-tưởng đẹp, lời văn hay

Hymne à l'Aurore

Suivant les pas des Aurores passées, tu es l'aînée des Aurores futures. Viens ranimer ce qui est vivant, Aurore, viens vivifier ce qui est mort.

Depuis combien de temps, l'Aurore vient-elle nous visiter ?... Ils sont morts les humains qui voyaient l'éclat de l'antique aurore ; nous aurons leur sort, nous qui voyons celle d'aujourd'hui ; ils mourront aussi ceux qui verront les aurores futures...

(*Rig-Yedo*, trad-LANGLOIS)

Ca ngợi vừng-đông

Ơi hỡi ! vừng đông ! ngươi nối gót những vừng đông đã qua, ngươi mở đường cho vừng đông sắp tới. Hãy đến mà tỉnh-thức kẻ sống, hãy đến mà phục-hồi kẻ chết.

Ôi ! vừng đông đến thăm ta tự bao lâu ? Những người trần được trông cái ánh sáng vừng đông thủa trước đã chết cả rồi, ta đây đương trông cái ánh sáng vừng đông ngày nay rồi cũng chết như người ; mà những người đến sau ta trông cái vừng đông sau này rồi cũng chết như ta vậy...

NAM - ÂM THI THOẠI

Trước tôi đã chép câu thơ ngự-chế của đức Dực-tôn [1], nay mới được y cả bài ; đầu bài là « khóc Bằng-phi ». Kính-lục ra sau này :

Ớ thị Bằng ơi ! đã mất rồi !
Ớ tình, ớ nghĩa, ớ duyên ôi !
Mưa hè nắng chái oanh ăn nói,
Sớm ngõ trưa sân liễu đứng ngồi.
Đập cỗ-kính ra, tìm lấy bóng,
Xếp tàn-y lại, để dành hơi.
Mối tình muốn dứt càng thêm bận,
Mãi mãi theo hoài cứ chẳng thôi.

***

Cụ Phan Thanh-Giản đỗ tiến-sĩ, làm quan đến nhứt-phẩm, là một vị đại-thần có tài có đức mà cũng là nhà văn-học có tiếng thứ nhứt trong Nam-kỳ ngày xưa. Thi văn bằng chữ Hán của ngài đã in thành tập gọi là « tập Lương-khê ». Nay tôi có được một bài « Giã vợ nhà đi làm quan » của ngài, xin lục ra đây, để ai nấy cùng giữ lấy làm một vật báu :

Từ thủa vương xe mối chỉ hồng,
Lòng này ghi tạc, có non sông !
Đàng mây, cưỡi tớ ham dong-ruổi,
Trướng liễu, thương ai chịu lạnh-lùng.
Ơn nước, nợ trai đành nỗi bận,
Cha già, nhà khó cậy nhau cùng !
Mấy lời dặn bảo cơn lâm-biệt,
Rằng nhớ, rằng quên, lòng hỡi lòng !

Lời là lời nói với vợ, cái cảm-tình đối với vợ phải nặng, cố-nhiên ; mà cái cảm-tình đối với nước, với nhà, với cha và với mình cũng lại càng thêm nặng nữa ! Cái giọng thơ ấy, đời bây giờ cũng khó mà tìm thấy được ! Than thay !

***

Ông Ông-Ích-Khiêm người Quảng-nam ; về đời Tự-đức, tầng mấy phen ra dẹp giặc ở Bắc-kỳ, cái tướng-tài cùng cái uy-vọng của ngài, không mấy người là không biết, nhưng cái nghề thơ của ngài thì dễ thường ít ai biết đến. Nguyên trước ngài đã làm Tham-tán đại-thần coi quân-vụ các tỉnh Bắc-kỳ, thì bấy giờ ông Tôn-thất Thuyết quan còn nhỏ hơn ngài ; sau ngài về bộ, bị cách, lại trở ra làm huy-hạ ông Thuyết. Mà ông Khiêm người vẫn quá ngạo, nên ông Thuyết giận, kiếm cớ mà xiềng lại và hạ ngục tại Lạng-sơn. Ngài ở trong ngục, có ba bài thơ, hay lắm, mà cũng vẫn là ngạo. Nhưng tiếc vì tôi nghe câu được câu mất, một bài được sáu câu :

Uả uả nhơn sao đến nỗi này ?
Ờ ! đây danh-lợi buộc mình đây !
Bên vai rồn-rảng dường đeo ngọc,
Dưới bụng xênh-xoang tợ thắt đai.
Cái tháp Trần-phồn ngồi bén đít,
Khúc đờn Dũ-lý khảy theo tai.

Một bài được hai câu 1-2 :

Ba bốn dinh kia đã trải rồi,
Còn dinh nầy nữa, khắp thời thôi.

Một bài được một câu :

Giã mầy ở lại, để ông ra.

Bài thứ nhất câu 5-6 cần phải chú thích : Nguyên ông Khiêm ra lần này là ra mà lấy công chuộc tội, phải chịu ở dưới quyền phép ông Thuyết. Nhưng lúc ngài mới đến thì ông Thuyết đãi nhau như anh em, cho ngồi chung một chiếu, chưa được bao lâu, thì khóa cổ lại mà bỏ vào ngục, cho nên nói thế. Câu trong bài thứ ba là khi đã ra ngục, lời từ-giã kẻ ngục-tốt.

(1) Xem Nam-phong số 8.

Sau khi đức Dực-tôn thăng-hà, trong triều rối loạn, ông Khiêm bấy giờ cũng là một tay cừ trong đám rối loạn ấy. Nhưng mà vì cái tài của ngài làm cho ông Tường ông Thuyết phải kỵ, mới xiểng một lần nữa mà đày vào Bình-thuận. Đi dọc đàng, ngài có bài thơ rằng :

Mình ốc mang rêu rửa sạch ai ?
Quen thói rung cây nhát khỉ hoài !
Mèo quào phên đất chi khờn sức,
Sứa nhảy qua đăng mới gọi tài !
.....
..... (1)
Truông qua chưa khỏi đừng khinh khái (2)
Chim sẩy lồng ra, đề đó coi !

Nghe nói vì bài thơ ấy mà cụ Ông Ích-Khiêm là một người có thao-lược, có khi-khái, có văn-chương, phải chết đói trong ngục tỉnh Bình-thuận ! — Lúc ngài đỗ cử-nhân rồi, mới ra làm huấn-đạo ở Thanh-hóa. Có giản câu-đối ở trường huấn rằng :

Nhà dột đôi ba gian, một thầy, một cô, một chó cái.
Học trò năm bảy đứa, nửa người, nửa ngợm, nửa lười-ươi,

Có cái tài đề-binh khiển-tướng, đánh bắc dẹp đông mà bảo đi gõ đầu trẻ, thì còn ai gõ được mà chẳng hóa ra bực mình !

***

Có người ở Nam-kỳ gởi thư cho tôi, nói : « Câu thơ của ông Tôn Thọ-Thương (3) :

Ngảnh lại lầu xanh thương những trẻ.

chữ *trẻ* chớ không phải chữ *kẻ* ». Thưa phải, chữ trẻ thì hay hơn. Ông lại có gởi cho tôi một bài cũng đề ấy mà bớt đi một chữ là « đĩ đi tu », của ông Hoàng Mẫn-Đạt Tuần-phủ Hà-tiên, người đồng-thời với ông Tôn. Tôi xin tạ lòng ông mà chép ra đây để ai nấy biết cái nền văn-chương của Nam-kỳ ta đời trước, Thơ rằng :

Lầu xanh thảnh-thót tiếng chuông truyền,
Tỉnh giấc cao-đường lúc ngửa nghiêng.
Mượn chiếc thoàn (4) tịnh qua biển ái,
Đưa con sóng sắc đến rừng thuyền.
Trông gương trí-tuệ lau lòng tục,
Lần chuỗi bồ-đề kết trái duyên.
Mát-mẻ cửa không trăng gió sẵn,
Dầu chưa nên phật, cũng nên tiên.

***

Hôm nọ, ngồi nói chuyện gẫu với mấy cụ tú già. Một cụ đọc câu thơ của anh cùng-sĩ kia tả cái bộ tướng nhà nho bị đói bị lạnh, câu rằng :

Một mồi đẳng hít, đờn môi gảy.
Ba chén cay đưa, trống bụng reo.

Đã lạnh, đã đói mà còn đờn, còn trống, thật là cái thói nhà nho ta ! Tôi bèn nói : ông đồ này cũng gàn quá ! lạnh, hút thuốc đủ ấm thì thôi, lại còn uống rượu nữa cho rỗng bụng, chớ có phải đói đâu. Nếu đã chịu đói, thì tiền đâu mà uống rượu ?

Chương-Dân

(1) Bài này cũng lại mất hai câu nữa, cùng mấy bài trên kia, ông nào biết thì gởi cho.
(2) Khái là cọp.
(3) Xem Nam-phong số 8.
(4) Nam-kỳ gọi thuyền là thoàn.

BÌNH-PHẨM THƠ VĂN CÙNG SÁCH MỚI

Quyển **Mối-sầu-Trung** (*vận-văn*) của HOÀNG THANG

I

Mới nhìn ba chữ *Mối-sầu-Trung* đã tưởng soạn-giả nhầm *ch* sang *tr*, mà quyển sách này tất khiến kẻ đọc đến lâm-li giọt lệ, lai-láng mạch sầu, cái sầu này tất là một cái sầu nhà triết-học theo cái chủ-nghĩa « yếm-thế » mà than-thở nỗi đời, bồn-chồn cái đau-đớn của loài người ta nổi nổi chìm chìm trong bể khổ. Ai ngờ một quyển sách của một cậu học-trò mới *non hai mươi tuổi*, cũng có cái khẩu-tài, cái khiếu thông, mà không có tư-tưởng, lại chửa biết làm văn, chỉ vẩn đâu nói đấy, bạ cái gì cũng ngâm, vớ cái gì cũng vịnh, xuốt 50 trang giấy chừng được một vài câu lỏi là có ý-vị mà thôi, ôi ! giấy trắng mực đen « hồn chữ » có khi đến phải khóc thực.

Phong-dạo đâu lại có :

Chồng em chồng giỏ chồng gàn,
Hơn ai vì nỗi Annam là chồng.
Chồng em chồng bướng chồng ngông,
Hơn ai vì nỗi là chồng Annam.

Ai xui em có má hồng,
Để người quân-tử chưa trông đã thèm.
Hễ trông thời mới tòm-tem,
Vì bằng mó đến nhọ-nhem còn gì.

Ấy câu nào cũng đại-để vô-nghĩa-lý, vô-tư-tưởng đến như thế cả !

Thơ mà đến thơ « cự giới », thơ « ghẹo phố Hàng gà » ; mà « gửi cho bạn » đến rằng :

Hai đầu, một bụng, tám tay chân.

Cùng là

Đã trót mang thân cự với đời,
Mình còn chẳng sợ sợ chi ai ?
Anh em đâu đó khi ta thác,
Xin cứ chôn ta đứng dữa trời.

Vậy thời biết chôn vào chỗ nào được ? Mà cự sao nổi được đời ? Ai có bắt mình phải sợ mà không sợ ? Bốn câu ấy thật chẳng ăn đâu vào đâu cả !

Thơ yết-hậu thời đặt phần nhiều bài vô lối, còn thơ tứ-tuyệt được bài « hoa sen giấy » bài « chổi », thơ bát-cú được bài « chơi diều » bài « lạc đêm » bài « gửi thăm bạn » bài « dĩ già đêm thu » hơi thông ; thế mà thôi ! Còn văn xuôi thời không được lấy một nửa câu, bài tựa tán ba chữ « mối sầu trung » là cái sầu vào quãng nửa đời nửa đoạn, lại ngô-nghê lắm ! Rồi bài « mối sầu trung » cùng bài « chôn tài » lại vô-nghĩa mà không rõ ý muốn nói cái gì ? !

Than ôi ! « xuất-bản tự-do » đã hay rằng thế ; tấp-tểnh muốn bước chân vào văn-xã, sao không học nghề làm văn trước đi ? Nếu quốc-văn ta mà từ nay trở đi chỉ sinh-xuất ra được những tay văn-tài như người soạn « Mối sầu Trung » này thời đáng buồn thay cho cái hậu-vận văn ta.

Đây là nhiệt-thành mà nói, xin soạn-giả đừng vội giận, lại xem một bài lai-cảo cho bản-chí đăng theo dưới đây, rồi chịu khó mang sách đi hỏi các người thân-thích biết quốc-văn nhờ người ta dạy bảo cho, chắc đã có khiếu thế thời sau này sẽ nên một tay làm văn giỏi được, tôi mong cho soạn-giả lắm. Xin cố đi « có công mài sắt có ngày nên kim » đừng thấy người chê mà vội nản.

NGUYỄN MẠNH-BỒNG

II

Báo *Nam-phong* nay mở rộng đường ngôn-luận cho quốc-dân, tôi đây cũng là một kẻ quốc-dân, sách có chữ « thất-phu hữu-trách » vậy kỳ trước tôi vì nhiệt-thành với quốc-văn mà đáp thơ thầy Ng. H. V. kỳ này muốn nhân đó mà bàn cách làm văn. Nhè đâu lại gặp ngay quyển « Mối sầu trung » của thầy Hoàng-Thăng xuất-bản, cái tức mình lại càng giống khi xem cái thơ của thầy Ng. H. V. Nam-kỳ ! Bởi vậy lại phải bớt công việc mình ra mà thảo một bài lai-cảo gửi vào ngọn gió Nam yêu quí của quốc-dân.

Ôi ! Văn « mối sầu trung » với văn Ng. H. V. cùng nhau một lớp một hội, một bên thời rất lông-bông, một bên thời rất thô-bỉ, một bên riêng mặn dám « khâu đầm », một bên riêng căm dám « chẹt khách ». Cái văn Ng. H. V. gàn thế nào, nát thế nào, đã bàn qua, và đã được người bàn rõ-ràng đủ lẽ rồi nay dám xin bình-phẩm văn « Mối sầu trung » và bàn qua qua về cách viết văn một chút vậy.

Văn thơ có đầu bài thật là « voi chói bỏ bị », không thời thành « chó chạy ruộng khoai », không phải kể : chi như đặt phong-dao dù *phú* (nói thực), dù *tỉ* (ví xánh cái nọ ra cái kia), dù *hứng* (nhân đối cảnh này mà nhớ đến truyện khác), thời đều cốt cho tỏ giải được chân-tình, có thể chỉnh-đốn được phong-hóa. Bởi vậy kinh *Thi* (là một quyển phong-dao xưa của nước Tàu) đức Khổng phu-tử phải san.

Nay cứ đếm chữ thành câu, đủ câu thành bài, nhiều bài thành sách, sách mách-qué sao gọi được là « Mối sầu trung » (chung) ? Suốt quyển toàn như chim không đắt mà sầu !

Xa nghe rứu rít (1) còi tàu,
Nhớ ai Hà-nội nửa sầu nửa lo.
Lo vì việc chửa xuôi cho,
Sầu vì chửa được truyện-trò cùng nhau.

Thi không đỗ mà sầu !

Ai xui con mèo bắt chuột,
Ai xui thầy khóa đi thi.
Thế-gian lắm sự cũng kỳ,
Bỏ chồng bỏ vợ cũng vì khoa-danh.

Ghen vợ chồng người mà sầu !

Khen ai mới khỏe thức đêm,
Mắt không cay mắt lòng êm tấc lòng.
Tưởng rằng có một mình không,
Hóa ra lại có anh chồng kề bên.

Hám tiền của đời mà sầu !

Ông Tiên ông Tiền (2) ông Tiên,
Ba ông cũng có thế-quyền hơn anh.
Dù anh lên đám mây xanh,
Ba ông cũng kéo cổ anh lôi về.

Ôi ! có bởi những sự đó mà sầu chẳng nữa, thời nên gượng sầu làm vui..

« Mối sầu trung » (Chung) ba chữ hay ! Giả-thử văn cũng suýt-soát rứa-rứa vậy thời nói chi ! Song tiếc cho ! Ba chữ ấy theo nghĩa người làm sách thời lại là « Cái sầu lẫn ở khúc dữa đời, ở khoảng xuân xanh » thời chữ *trung* lại vô-nghĩa rất vậy !

Vô-nghĩa hay thế nào, tôi không phải ở phải tiếu-mạ dỗi công chỉ-trích mà làm chi ? Chỉ vì nỗi hiện-thân này đối với vận-hội văn-chương quốc-âm nhà đã không được cái công viết lắm bài, nhiều lối, lại không có sùy ra một quyển sách nào, công kia việc nọ tùng-bạng bên mình không được theo riêng nghề bút mực, có nhiệt-thành với quốc-văn há lại chẳng nhân đó mà bàn cách viết văn, thời chẳng hóa ra không nhiệt-thành, quên nghĩa-vụ lắm ru ? Cái nhiệt-thành giục phải nói, cái nghĩa-vụ ép phải nói :

Phàm viết văn nên dàn từng thế, sửa từng câu, cân từng chữ, cái đó ai cũng biết, cốt nhất lại là văn có tư-tưởng ý-kiến mới được. Nhất là phong

(1) Còi tàu không bao giờ rứu-rít.
(2) Ông gì là ông Tiền ? Trong quyển này *tr*, *ch*, *x*, *s* cũng không được phân-minh (Nùng).

dao như đã nói ở trên, cốt để tả nhân-tình, chỉnh phong-hóa, càng phải có tư-tưởng hay, ý-kiến đặc-biệt lắm. Song phải theo cái phương-diện chung mà làm hoặc thể *hứng*, thể *phú* thể *tỉ* mặc lòng.

Nay tôi kể mấy câu khá nhất trong «Mối sầu Trung» mà bàn cách làm văn :

Lạy trời thổi gió lung-tung,
Để cho thục-nữ anh-hùng gặp nhau.
Lạy trời thổi quả địa-cầu,
Để cho ta được bạn-bầu với trăng.

Bốn câu ấy không biết dàn thế ! « thổi gió *lung-tung* » thế nào mà để « gặp nhau » được ? « Thổi quả địa-cầu thế nào cho với trăng bạn bầu » được ? Vả « bạn bầu với trăng » là *huyền-tưởng*, « anh-hùng thục-nữ gặp nhau » là *chân-ý*. Nên dàn cho cái huyền-tưởng đi trước mà dữ lại cái chân-ý chặn sau.

Chiều chiều lượn mát dưới trăng,
Trông lên chỉ thấy chị Hằng ở trong.

Câu ấy không sửa câu, nên thành ra « cuội » cả. Ai trông thấy « chị Hằng ở trong cung trăng » bao giờ !

Trời đông ai *thổi* lạnh-lùng.

Ai thổi được trời ? trời thổi được chi ? Sao không đặt là

Gió đông ai thổi lạnh-lùng.

Thế nhưng mà *gió đông* thời về xuân cũng chẳng lấy gì làm *lạnh-lùng* cho lắm (1)

Trông non mà lại nhớ nhời non sông.

Chữ *sông* vào cuối không đắt ! Sao không lấy mầu mà đặt rằng :

Trông non mà lại nhớ nhời thề non.

Ôi ! văn-chương là một việc thốn-tâm thiên-cổ, có phải dễ đâu ? Xem mấy câu đó đủ biết soạn-giả không biết dàn thế, nên những đoạn lộn-sộn đầy trong trang giấy ; không biết sửa câu, nên những câu rơm-rác đầy trong quyển văn ; chẳng biết cân chữ, nên lắm đoạn hồ-đồ ! Người làm văn phải có biết *dàn thế*, *sửa câu*, *cân chữ* thời mới đủ truyền-bá được một bài văn, điều hay đủ cho người học, điều giở đủ cho người chừa ; rồi mượn truyện này mà tả ý-kiến kia, đem cảnh này mà tả truyền ra tư-tưởng khác, tha-hồ nói tình, xong mượn tình mà biểu ra một cái thế-giới ngoài cõi tình, hay để tình mà luyện trong cõi tình thời phải cho chung-tình, chính-tình, chân-tình, chứ có đâu cái lối tang-gian như là

Em là con gái hái dâu,
Thấy anh mũ trắng trên cầu giong chơi.
Ước gì anh biết đến tôi,
Cùng nhau ta rủ nhau ngồi trong dâu.

Ôi ! rất là khả-ố cho đứa con gái nào lại lẳng quá thế vậy.

Cứ bảo văn vần để nói tình nói cảnh, (là nhầm), gặp cái gì nói cái ấy, trông vật gì làm văn ấy, thấy người nào hát người ấy :

Văn-minh khắp cả hoàn-cầu,
Ông sư cũng húi cái đầu năm xu.

Cố làm ra điệu tự-nhiên, làm ra có tài ứng-khẩu mà đến :

Cái áo khách trắng,
Cái quần lĩnh thâm,
Ai xui con cóc nghiến răng, (2)
Trời cho tí nữa hóa ông hầm (3)

Thế thời mấy nào in cho kịp sách, kho sách nào chứa cho hết sách, đất đâu mà cắm nhà cho các bực văn-nhân! Văn thế thời vô-cùng-tận được, tôi đây không có tài giỏi cũng có thể kéo luôn :

Cái bìa sách vàng ! !
Cái chữ đề đỏ ! !
Ai xui người nào làm sách đó ! !
Trời cho tí nữa hóa ông hổ ! !

Hữu-Tô PHẠM XUÂN-NỮNG.

(1) Gió Bắc và gió Thu thời mới lạnh-lùng, thổi gió *lung-tung* cũng vô-nghĩa.
(2) Giở lên 3 câu phong-dao ở trong Mối-sầu-Trung.
(3) Câu này ở bài Từ-khúc điệu *song-khai* để ảnh vợ chồng cậu X*** của soạn-giả.

Sách NGỌN ĐÈN KHUYA của ông MÀN-CHÂU NGUYỄN MẠNH-BỒNG

In tại nhà in Ngô-Tử-Hạ, mới xuất-bản tháng Janvier này giá mỗi quyển 0 $25

Dưới ngọn đèn xanh, một mình canh khuya, bâng-khuâng, bâng-khuâng, nghĩ hết truyện mình lại đến truyện đời, tưởng hết việc này lại đến việc khác. Người ta phần nhiều ai cũng như vậy. Nhất là những khách đa-sầu đa-cảm (1), hoặc nhân cái lúc ấy mà đem cái u tình (2) phát ra nhời văn, hoặc ngâm lại câu văn mà nhớ lại sự cảm phát ngày trước. Câu văn thêm cái cảm tình, cảm tình lại thêm câu văn, vậy thời « ngọn đèn canh khuya » chính là lúc sinh cái sầu cảm, mà cũng được tả cái sầu cảm.....

Thế nhưng mà : vẫn-vơ trông bóng một mình, dễ ai thấu cái u-tình cho ai ? !

Vậy nên đã nhờ cảnh « đèn khuya » mà gây nên cái tình văn-chương, thời lại phải đem văn chương mà công-bố ra, làm một cái kỷ-niệm « những lúc đèn khuya » cho mọi người cùng biết.

Quyển *Ngọn đèn khuya* này xuất-bản, có lẽ là vì thế chăng ?

MÀN-CHÂU NGUYỄN-quân vốn là một người thư si (3), tình-si, chứa sẵn cái lòng đa sầu đa cảm : « Ngọn đèn xanh ngắt, thư-phòng một ai » 4) kể đã lắm lúc « lòng chẳng đốt mà bừng, ruột chẳng nung mà nóng » (5), ấy cũng là vì cái văn chương mà buộc mối sầu cảm ! Vậy những khi hạ-bút (6), những lúc ngâm-nga, thuần là tình ý chứa-chan, sầu-bi déo-dắt cả.... Nhưng hẳn cũng tự-nghĩ : Cái thân mình đã « mắc vào vòng đào-chú » âu cũng phải « theo thời mà giả nợ đi cho xong ». Nên trong khi án sách ngọn đèn : sầu riêng một mình vui riêng một mình vui là vui với văn chương thời lại phải tìm bạn văn-chương cùng vui .... Quá nửa cái cảm-tình chia ra cùng bạn văn-chương, cũng là vì thế. — Non một nửa cái tình riêng thời thuần những giọng nhớ thương, những tình ai oán, đem nhời đồng-tâm làm câu kỷ niệm ; đối với cái tình người bạn văn chương tuy có khác, những rút lại cũng vì cái cảm tình mà ra. « Cánh hồng bay *bổng*, chim *yến* lạc đàn, nhớ ai không cánh bay tìm được, tương tư một gánh.... 7 Hồi-tưởng 8) đến bao nhiêu tin nhạn thư hồng ngày trước lại bâng-khuâng thêm nhớ đến miền Sông Bo 9) ! .... Ấy thời chiếc bóng canh tàn sầu cũng là phải ; mà chỗ đó cũng là thêm vị cho câu văn « đèn khuya », vì văn có tình thời thường dễ cảm. Ôi ! kẻ nghe văn còn cảm, thời cái người chung mối cảm tình ấy tấc lòng làm sao ? .....

Thôi cái chân tình (10) của người làm văn chỉ nên bàn qua cái văn người làm nên bàn kỹ.

Tôi may được NGUYỄN-quân quá yêu, cho xem tập văn này, nhưng tự-lượng học thức còn hẹp dâu dám vội dự, phẩm bình luận. Vậy chỉ xin lấy tình người bạn thân yêu mà trích bàn vài câu.

---

(1) **Đa-sầu đa-cảm** 多愁多感 = Sầu nhiều cảm lắm, ý nói hay buồn hay cảm, lắm khi sầu, thấy cảnh nọ tình kia hay sinh cảm sinh sầu.

(2) **U-tình** 幽情, cái tình riêng của mình, một mình mình biết, một mình mình hay.

(3) **Thư-si,** 書癡 = là kẻ ham mải sánh vở, chính là ngây về sách.

(4-5) Trích ở bài « Ghi lời chị Nguyện » đăng báo Nam-phong kỳ 14 trong bài này chỗ nào có dấu « » thời là trích ở vận ông BỒNG.

(6) **Hạ-bút** 下筆 = Đạt bút xuống viết, làm văn.

(7) Cũng ở bài « Ghi lời chị Nguyệt » cả

(8) **Hồi-tưởng** 回想, Tưởng giở lại, nghĩ về trước.

(9) Sông Bo là tục-danh của Sông Bồ thuộc về tỉnh Thái-bình (chỗ mà hiện bây giờ nhà bình-phẩm này đương ở)

(10) **Chân-tình** 眞情 = Cái tình thực-thà không phải là cái tình giả-giối.

Đại-khái Mâu-châu Nguyễn-quân có tài lưu-hoạt, phàm hạ bút là viết ngay, không chịu lỉ-mỉ nắn-nót cho nhời văn tiêm-sảo, vậy cứ nói cho công-bằng thời văn-vần này cũng chưa dám quá khen, nhưng đang khen vì lắm câu êm ái mà tả được cái chân-tình, lắm câu déo-dắt mà khiến người cảm động. Phàm lối vận-văn nếu đã gò-gẫm từng chữ thời thường dằm bớt phần tự-nhiên, mà không tả hết được cái chân-tình vậy.

Đã chán phong-trần với tuyết sương,
Đông qua rồi lại bóng xuân-quang.
Ai về nhắn-nhủ người tri-kỷ,
Chờ gió Nam sang sẽ đá vàng.

Ấy là những câu tự nhiên mà dễ nghe.

Trăm mối tơ vương mấy đoạn sầu,
Ngọn đèn hưu-hắt chốn thư-lâu.
Xem thơ Lục Phóng-Ông (1) *mà thẹn,*
Cảm cảnh giời thu lại nhớ nhau.

Thời là những câu não-nùng mà dễ cảm. Những « câu hát vặt » thời rất êm tai, như :

Gió thu sơ-sác hồ sen,
Kẻ về Hà-nội người lên tỉnh Bờ.
Sông Bờ nước chảy lờ-đờ,
Đôi ta thương nhớ bao giờ cho nguôi,

Câu văn tình ấy, thế mới là chính-tình.

Em ôm bó mạ xuống đồng,
Miệng ca tay cấy mà lòng nhớ ai.
Ngửng lên em lại trông giời,
Bóng chiều đã sế mà người chưa sang.

Thời cũng ra nhời phong-dao (2) lắm. Các bài sắm cũng êm mà mới cả.

Bài « nhời-oanh » thời văn vui mà ý rất cao.

Song đó là xin trích bàn qua, còn các lối thơ ca, các từ-khúc mới, thời còn nhiều Xin nhường các ngài xem sách bình-phẩm.

Nói rút lại thời Nguyễn-quân là một tay làm báo, nguyên là chuyên nghề văn xuôi. lối vận văn phần nhiều chỉ chuộng về tự-nhiên mà tả cho được hết cái tình-tứ. Đương buổi quốc-văn còn mở rộng, chắc rằng : Nguyễn-quân đã chịu khó lưu-tâm thời ít nữa hẳn cũng có buổi hoàn-toàn.

Tôi nhân lượng biết cái lòng Nguyễn-quân, « Ngọn đèn khuya » đây mới là ghi cái cảm-tình về trước ; non nước còn dài, cái xuân còn trẻ, còn lúc canh khuya tựa án, khêu ngọn đèn cao, thời lửa lòng còn bốc, mà duyên văn ran-rứu sau này này còn lâu

Tôi cũng được lạm-dự vào làng văn, cũng từng đã được nhiều phen cùng với Nguyễn-quân « đèn khuya chung bóng » chung cái tình văn, chung mối sầu-cảm, vậy xem tập văn này cũng phải chia cái cảm-tình cùng ai....

Đêm khuya gió lọt mái ngoài,
Ngọn đèn xanh ngắt canh dài buồn.
Xem văn riêng nghĩ một mình, [tênh.
Khiến người trăm mối tơ tình vẩn-[vơ (3).

Nhân lại sực nghĩ mấy câu đó của tôi ; Dưới đèn khuya cầm bút viết bài dự bàn vào quyển « Ngọn đèn khuya » của Nguyễn-quân.

Cử-nhan Trịnh-đình-rư Thái-bình

---

(1) **Lục Phóng-Ông** 陸放翁 — Là một nhà thi-nhân Tàu, làm thơ không hề than cái tuổi mình già, cái phận mình thấp, như các lời của những nhà thi-sĩ khác ở Tàu. Mà thơ lại có cái tình-thần thượng-võ.

(2) **Phong-dao** 風謠 = Câu hát của dân-sự xứ nào tả cái thói hay thói giở của xứ ấy, tự-nhiên không có nói bông-lông mà theo cái thú của người xứ ấy, cái tình của người xứ ấy, như những bài thơ **Quốc-phong** 國風, trong kinh **Thi** 詩 là một tập góp các câu hát của 15 nước ở Trung-quốc ngày xưa, và những câu hát của ta.

(3) Bốn câu này đã đăng trong *Nữ-giới-chung* bây giờ đổi làm báo « Đèn-nhà-nam » (Rư).

VĂN - UYỂN

THƠ CA CỔ

HÁT NÓI

Nhớ chinh-phu

Trước lầu thú-phụ mưa hoàng-diệp, đầu ngựa hành-nhân gió tịch-dương. Khách thiếu-niên vò-võ đôi phương, trướng gấm sẽ chạnh lòng nơi ải tuyết. *Vọng Trường-an phiến nguyệt, tắc châm viễn-tái chi hàn-y* (1) *Kiến phế-mạch thùy-dương, tắc động thú-lâu chi hà-tưởng* (2) ; ngày lần lữa thoi đưa bóng thoáng, khúc tương-tư ai đặt nên lời. Vừng trăng ai xẻ làm đôi?

Cáo quan về nhà

Tiết-Phùng hưu ca lão khứ giả (3), *Đào-Tiềm dĩ phú qui lai hề* (4). Chỉ vân-sơn nhận lấy đường về, đừng theo đuổi phong-trần chi mãi mãi. Trời đất nề-nang người khí-khái, nước non bênh vị mặt tài-tình. Đạo-Trích lợi Bá-Di danh(5), Thú-lĩnh Đông-lăng (6)ai phải chẳng ? Thử nhắc đồng cân xem nhẹ nặng, chén bây giờ còn e tiếng mai sau. Dẫu người đá cũng gật đầu.

Hợp thiểu ly đa

Nhân thế hãn phùng khai khẩu tiếu (7), khách giang-hồ thường hợp thiểu ly đa (8).Nay bắc nam xum-họp một nhà, gần đủ cả thắng-cảnh, lương-thời, thưởng-tâm, lạc-sự. *Hào trúc ai ti dư túy hĩ,* (9) *thê phong lãnh nguyệt dạ như hà* (10), thú nguyệt-hoa là nợ sẵn với cầm-thư, cuộc thi-tửu dễ riêng người phong-nhã. *Quân bất kiến hoa lạc hoa khai xuân khứ giả,* (11)hãy chơi cho lăn-lóc đá kẻo hoài. Kìa kìa hải-giác thiên-nhai (12).

Cuộc công-danh

Cuộc công-danh không không có có, có rằng không, không có cũng ừ. Nào ai hay trời đất những bao giờ, mà đã chắc non sông là mấy tuổi. *Hồn hồn nhất đại khối, diễu diễu như nghĩ quần* (13); lọt lòng ra ai cũng có quân thân, mang lấy nợ lẽ lần khân không trả. Cuộc kim-cổ bày thôi lại xóa, cái râu mày nào biết dại hay khôn, trăm năm cũng một tiếng đồn.

ĐÔNG-CHÂU *sao-lục*

---

(1) Trông thấy bóng mặt trăng ở Trường-an, thời nên vải để may quần áo rét đưa ra ngoài cửa ải. — (2) Trông thấy cây dương liễu rủ ở bến dương, thời đòng lòng nhớ chồng đi lính đóng ở ngoài thú lâu. — (3) Tiết-Phùng làm bài hát kể tinh cảnh mình đã già. — (4) Đào Tiềm khi cáo quan về, làm bài phú *Qui khứ lai từ*. (5) Đạo Trích là tên đứa ăn trộm, chỉ ham lấy lợi, Bá-Di là người đi ẩn, không thèm ra làm quan với nhà Châu (6) Thú là núi Thú-dương, chỗ ông Bá Di ở ẩn Đông-lăng là tên đất, là nơi Đào-Trích ở. (7-8 Trong đời ít gặp người thường được tươi cười vì khi xum họp thì ít khi biệt ly thì nhiều. — (9) Lúc tiếng trúc rèn rĩ, tiếng tơ ai oán ta đã say lắm rồi. — (10) Gió lạnh trăng xuông đêm nay ra làm sao. — (11) Chẳng không xem hoa nở rồi lại rụng thì là mùa xuân đã qua rồi. — (12) Kìa xem như người ở góc bể, người ở chân giời ly biệt nhau xa biết chừng nào. — (13) Trời đất tí như một khối lớn, người ta nhỏ như một đàn kiến.

Cảnh già

Giật mình nay đã chẵn năm mươi,
Lần-thần nào hay tuổi tác rồi.
Mái tuyết phất-phơ già dễ tới,
Đàng mây khất-khoải bước khôn lui.
Lá thâu tan tác thương bè bạn.
Nghành gấm đua chen thẹn trẻ trai.
Vườn cũ lần về thăm cụm cúc,
Vài thằng cháu trẻ lượm hoa rơi.

Vô tình tiễn biệt

Sách có chữ *vô tình tiễn biệt*. Khách với mình xưa quen biết chi nhau. Quê quán đâu nhà cửa đâu? Chán vì nỗi nước lã ao bèo thêm dềnh-đoảng. Dưới nguyệt chén quỳnh khi thẳng thưởng. Tôi hát chơi mà khách cũng nghe chơi. Thảm-thiết chi mà giọt ngọc tuôn rơi. Mai đã ngược xuôi người một xứ. *Có nhạn nam phi, vân bắc khứ, Hành-nhân Tây vãng thủy Đông lưu.* Khách về đã có bạn khâm trù. Vui-vẻ đêm thu cùng mở tiệc. Dây cũng ôm cầm theo liễu-mạch. Thú cầm ca, còn lắm khách vui chơi. Kìa kìa cả nước chim trời!

Linh-Giang

Bước tới Linh-giang bóng đã chiều,
Linh giang phong-cảnh biết bao nhiêu.
Miền nghè lúp-xúp nhà quanh núi,
Hàng quán lao-xao chợ dưới đèo.
Ngoài biển lắng tai con sóng vỗ,
Trong mây đắp-dương tiếng chuông reo.
Ơi đồng! ta hỏi sư đâu vắng,
Rằng mới chơi đâu đã mấy chiều.

Quan Thượng Võ-Khoa

THƠ CA LAI-CẢO

Dịch Đường-thi

I

春思

草色青青柳色黃
桃花帶雨濃如牀
東風不爲吹愁去
春日偏能惹恨長

Tứ Xuân

Ngàn dâu sắc cỏ xanh vàng,
Bóng hoa man-mác đưa hương dặm [trường.
Gió đông chẳng cởi niềm thương,
Ngày xuân đằng-đẵng như nhường [trêu ai.

II

送李侍郎赴常州

楚水吳山道路長
今朝相送須盡醉
明日君憶北風寒
晴花散雪難漫

Đưa Lý Thị-lang đi Thường-châu

Chiều mây ngọn gió pha-phôi,
Sông Ngô núi Sở mấy hồi chia tay.
Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
Đường [illegible] nghĩ nỗi sau này mà kinh.

III

	苜	胡	閨	不
苜	蓿	蘆	中	見
蓿	峯	河	只	沙
峯	邊	上	是	場
寄	逢	淚	空	愁
家	立	沾	相	殺
人	春	巾	憶	人

Gửi thăm nhà

Ngày xuân chiếc bóng quan-thành,
Trên sông sa giọt lệ tình thương ai.
Buồng trong riêng những ngậm-ngùi,
Sa-trường khuất nẻo xót người tương-tư.

IV

	中	冷	今	不
十	廷	露	夜	知
五	地	無	月	秋
夜	白	聲	明	思
望	樹	濕	人	在
月	棲	桂	盡	誰
	鴉	花	望	家

Đêm rằm trông trăng [illegible]

Trời hôm chim gọi đầu hè,
Hơi sương canh vắng đầm-đì[illegible] hoa.
Đêm thâu chung bóng t[illegible]à,
Mà riêng thu-tứ mặn mà v[illegible]

Cao-bằng N[illegible] KIỂM.

Thú vui làm ruộ[illegible]
(Lối thơ thất-ngôn cổ-phó[illegible])

Nhớ xưa học sách có chữ rằng:
« *Nông-giả thiên-hạ chi dạ[illegible]n* ».
Lại rằng « *dân dĩ thực vi thiện* ».
Đọc hai câu ấy không biết chán.
Bây giờ học hành đã giở-giang,
Mà việc công thương mình cũng nản.
Mình muốn quay về việc nông tang,
Tay làm hàm nhai chẳng ai oán.
Độ năm ba mẫu ruộng ngoài đồng.
Lại năm ba mẫu vườn trên cạn.
Ruộng thì cấy lúa lấy gạo ăn,
Vườn thì trồng cây lấy lợi bán.
Các thứ hoa mầu ngô, dậu, khoai,
Các cây ăn quả hồng, thị, nhãn.
Trâu chăn bò giắt năm bảy con,
Cào, cuốc, cầy, bừa ấy là bạn.
Thầy tớ làm ăn một thú vui,
Vợ con khó nhọc không ta-thán.
Thức khuya dậy sớm cũng chẳng nề,
Tay lấm chân bùn cũng chẳng quản.
Nước cầy lửa cỏ không ngã lòng,
Nón lá áo tơi chẳng ngao-ngán.
Khấn trời gió thuận lại mưa hòa,
Không phải thủy tai không hạn-hán (1).
Ngoài ruộng thì lúa chín đỏ hoe,
Trong vườn thì cây quả nhan-nhản.
Lại thêm trồng được mươi mẫu dâu,
Dâu tốt chăn tằm để lấy kén.
Đã có tơ rồi ta dệt hàng,
Vải the hàng tấm kể từng kiện.
Đồ mặc đồ ăn đã đủ rồi,
Đoạn mùa nhàn hạ ta ăn chơi.
Cá mè rau rút mà phong-vận,
Cơm trắng rượu nồng một thú vui.
Lô-hoắc ngon mùi thanh-đạm đó,
Cao-lương cũng chỉ thế mà thôi.
Câu thơ Thất-nguyệt (2 dưới bịch thóc,
Chén trà đồng-ẩm mùi hồng-mai.
Bên đống lúa rơm cơn gió mát,
Ngoài vườn hoa quả bóng trăng soi.
Khấn trời năm năm được phong-lẫm,
Chúc Vua muôn tuổi trường-trị ngôi.
Lương thuế bao giờ cũng nộp đủ,
Chăm nghề dá-sắt để sinh nuôi.

Kỳ-hoa-tử ĐẶNG BÁ-DỴ

---

(1) Hạn-hán = Nắng mãi [illegible] mùa.
(2) Thất nguyệt Thơ Thất[illegible] những công chuyện làm ruộng.

Địa-cầu tổng-ca

Tròn vành-vạnh quanh theo mặt nhật,
Trái Địa cầu là chất Hoàng-tinh.
Ngày đêm một giạo lật mình,
Một năm vừa giáp một vành Thái-dương.
Đất năm giải chia Hàn, Ôn, Nhiệt,
Cùng bốn phương Nam, Bắc, Tây, Đông.
Năm bể lớn rộng mênh-mông,
Nước ba đất một vốn không đổi dời.
Năm châu lớn chia đôi thế-giới :
Á, Âu, Phi. một cõi đất liền.
Mĩ-châu nam, bắc nằm riêng,
Úc-châu kia góp những miền cù-lao.
Người khắp ở châu nào cũng có,
Bốn mầu da đen, dỏ, trắng. vàng.
Đỏ đen dân trí tầm-thường.
Âu-châu da trắng nên trang anh hùng.
Da vàng ta ở Á-đông.

Đốc-học Hà tĩnh TÔN-THẤT PHÁN

Mừng ông Bạch-Thái-Bưởi

Buôn bán như ông nhất nước nhà,
Tiếng tăm lừng-lẫy khắp gần xa.
Cờ vàng gió phất miền Nam-hải,
Hiệu Bạch son in cõi Bắc-hà.
Âu học ba con vừa tiệp báo (1),
Kim-tiền một sắc đã ban ra.
Công ti thịnh-vượng trăm năm mãi,
Quyền-lợi ta cầm lấy của ta

Đông-giang PHẠM ĐÌNH-TRẠC

Chết cho nước
(Dịch thơ Tây)

— Cha đi đâu đấy cha ơi ?
— Cha đi lấy súng, ra nơi chiến-trường.
— Không, cha xưa lúc tráng-cường,
Cha đà nhập-ngũ, nay đương được nào !
Cuộc này là cuộc binh-đao,
Ba con xin quyết xem sao phen này !
— Thêm cha là bốn càng hay !
— Thằng em tử trận vừa rồi,
Bội-tình gắn ngực, cha ôi, xem này.
Xin cha hãy cứ về ngay,
Kẻo đêm rét mướt kẻo ngày xông-pha.
Tình cốt-nhục, nghĩa quốc-gia,
Hai con xin quyết đi ra phục-thù !
— Thêm cha vào nữa là ba !
— Cha ơi, số phận rủi kỳ,
Tử sinh, sinh tử ai thì vẹn hai !
Vừa rồi lại thác một người,
May còn một mống là tôi nối dòng.
Chữ rằng hồ thỉ tang-bồng,
Mình con xin quyết trả xong thù này.
— Thêm cha vào nữa là hai !
— Ba con nay bỏ chiến-trường,
Không săng không ván tuyết sương lạnh-lùng.
Nỗi này ai biết cho không ?
Vì chưng quốc biến phải cùng hi-sinh.
Tôi là tình nguyện cựu-binh,
Một mình xin quyết đinh-ninh báo-thù !
Sao cho trọn nghĩa thờ vua !

Giáo học trường Pháp-Việt NGUYỄN THẾ-ĐẠT

Khuyên các đứng nam nữ

Người sang trọng cõi doanh-hoàn,
Giữ-gìn phận-sự cho toàn mới hay.
Trai thì nắm giữ thảo ngay.
Ơn sâu phải tính ngãi dầy phải lo.
Đường quyền lợi rất cam go,
Chung nhau bồi đắp chớ cho ai dành.
Việc cơ xảo phải đua tranh,
Nghề nông, công, cổ, tập-tành cho xong.
Gái thì cầm giữ đức tòng,
Thờ cha kính mẹ khuyên chồng răn con.
Gá[illegible]ng ra sức chìu lòn,
Tề-gia [illegible]i-trợ vuông tròn trước sau.
Tảo-[illegible] là việc đứng đầu,
Thức k[illegible] dậy sớm lo âu mọi bề.
Còn [illegible]hững việc trăng huê,
Trai mê [illegible] đức, gái mê hư mình.
Nhớ l[illegible]ánh-huấn đinh-ninh,
Ghi tru[illegible]ong sách Thi-kinh để đời.
Trên [illegible]trong bộc mấy người,
Ngàn thu [illegible]ia để tiếng cười nhuốc-nha.
Chi bằ[illegible] mình phải lo xa,
Tránh đi [illegible] khỏi, mới là người ngoan.

(1) Ba con trai ông Bạch Thái-[illegible] trêu ai [illegible] Đường [illegible] Pháp.

Lời khuyên dỗ rất châu-toàn,
Khuyên ai có chí phải toan trau lòng.
Một mai tiết rạng danh trong,
Trai xong đạo cả, gái xong lẽ thường,
Tiếng khen bay khắp bốn phương,
Việt-Nam phong-hóa có nhường ai đâu.
Từ đây tấn-bộ dục mau,
Văn-minh là chỗ đua nhau vẫy-vùng.

MADEMOISELLE SƠN-ĐẠI
(Vĩnh-long)

VĂN XUÔI

Văn khóc cha

Ngày 24, tháng 10, năm *Mậu-ngọ*, niên-hiệu Khải-Định thứ 3, con bồ-côi LĂNG, phục trước linh-sàng phụ-thân khóc rằng :

Trời ơi ! Đất ơi ! Sao đất cùng trời chẳng xét soi ? Tôi có tội gì hỡi đất trời ? Núi Chay mây ám, sông Nhuệ nước trôi, ruộng dâu bãi bể, vật đổi sao dời, nông nỗi này gây dựng bởi vì ai ? Khốn-nạn thay cho tôi ! Ngửa cổ kêu trời, kêu không nên tiếng, cúi đầu khóc đất, khóc chẳng ra hơi, nức nức nở nở, xụt xụt xùi xùi, máu theo nước mắt, hai hàng tuôn dơi, tơ chia khúc ruột, chín đoạn tơi-bời. Sầu này dằng-dặc biết thủa nào nguôi ?

Khốn-nạn cha ôi ! Con nghĩ như cha, thật là vất-vả suốt một đời ! Nhớ cha thủa xưa, vốn là con nhà [illegible] dòng-dõi thư-hương. Vì đông [illegible] em, phải xuất-thân ra gánh [illegible] thủa mười tám tuổi, qu[illegible] bút nghiên mà theo việc nh[illegible], quên nhà vì nước, hết sức [illegible] binh-đinh mà ngũ-chưởng [illegible] thư-lại, ơn vua cũng chút giấy v[illegible] khi Cao-bằng, khi Lạng-sơn[illegible] Thái-nguyên, khi Tuyên-quang, [illegible] tỉnh Nghệ, khi đóng đồn Vàng, k[illegible] ru-ngũ, khi tải-lương, khi bàn toá[illegible] cầm tay mà tính-gỗ binh lương, kh[illegible] gọn bút gài tai mà dong-duổi lên [illegible] thời trèo đèo lặn xuối, lúc [illegible] dãi gió dầm sương, hai mươi năm lẻ, trải bao nhiêu độ lao-nhương !

Thế mà việc quan lao-lục, vẫn còn bức về sự học, tuy khi gối trống tựa yên, chẳng trễ tay kinh miệng đọc, chí dẫu chẳng thành, vui không biết nhọc.

Kịp khi con lên tám tuổi, cha đã ba mươi. Con còn thơ dại, đang độ ham chơi, cha rằng : « Đẻ con không dậy, lỗi ấy vì ai ? Cốt cho đi học, mới được nên người, ta đà thất học, lẽ dễ con lười ! » Đầu xuân năm ấy, dước thầy về nuôi, chiều thầy hết dạo, năm bảy năm trời. Con tuy ngu dốt, lòng cũng không nguôi. Có khi việc quan thư-thả, tạm được nghỉ-ngơi, thời cũng ngọn đèn cuốn sách, mở dọc làm vui, ngâm nga dóng-dả, khiến cho đua theo, mà khuya sớm mài dùi. Hiếu học như cha, con tưởng chẳng có mấy người !

Tuổi con mười hai, miệng chửa sạch hoi, khi ấy cha mừng trên có hai cụ toàn đôi, cha lấy làm một sự gia-đình rất vui, liền vì con mà kiếm chốn tìm nơi, khiến cho gia-thất sớm hài, để cho hai cụ hỉ-hả tươi cười. Con tưởng như cha vì con lo toan hết sức, vì con xếp đặt hẳn-hoi, thật là công-lênh bằng bể bằng trời !

Con mười bảy tuổi, chẳng may mẹ con lại sớm qua đời, cha thời gà sống nuôi [illegible] lòng đất gánh, con thời gà [illegible] còn [illegible] mẹ, thủa bé bồ côi, sự nhà sự

nước, việc trong việc ngoài, đổ rồn vào một mình cha gánh nặng đôi vai, phần thời lo trong gia-đạo, phần thời chạy việc quan sai, còn lấy ai mà đỡ đầu khuya sớm, còn có ai giùm-giúp hôm mai ?

Thế mà đang cơn sóng cả, tay lái tay bơi, trải bao biến-cố, cầm vững không dời. Một đường thời việc lớn việc nhỏ, hết sức trông coi, một đường thời con trai con gái, hết lòng chăn nuôi. Mong cho trai học nên tài, gái thành thân người, để trông cậy về buổi tương-lai, chút thỏa chí nguyện một đời.

Sau vài năm, cha nhân nỗi nhà bách-trách, nặng gánh một thân, chim bay mỏi cánh, ngựa chậy chồn chân, vả trên có mẹ già tựa cửa, dưới đàn con trẻ chờ ăn, vậy mà nguội lòng hồ-thỉ, nóng dạ tử-phần, gỡ dàm danh lợi, vui thú thiên-luân.

Khi bấy giờ con đã ngoài hai mươi tuổi, đang sức đua ganh, nghĩ đến cù-lao chín chữ, biết mấy công-trình. Rắp mong đền công mười năm đặng-hỏa, gọi là một chút công-danh, để cho cha được thỏa lòng hi-vọng, mà con được báo đức sinh-thành. Con không ngờ. trí con thiển, tài con hèn, phận con bạc, vận con đen, văn-chương xấu số, gặp-gỡ vô-duyên, kì-cục trong vòng khoa-cử, cả thảy ngót hai mươi niên, mười mong chẳng đậu, chín hẹn không nên ; khiến cho cha mất trông mất cậy, thêm lo thêm phiền, thành ra vận nhà ngày càng xa xút, lắm nỗi truân truyên, thiệt là tội con kể có muôn nghìn !

Khốn nạn ! Cha ôi ! không biết tội tình con nặng thế nào, mà trời đất ghét-ghen ? Thuyền đã chậm, lại gặp cơn gió ngược, nhà đã dọt, lại gặp độ mưa liền. Thương thay [illegible] trêu ai, già nhà nghèo, đã là thất-đảo [illegible]-điên, năm ba mươi sáu tuổi, lại vừa bị ách trung-niên : gia-tình như vậy, thân con ngồi đứng sao yên.

Cha ôi ! người ta bảo rằng : Trẻ cậy cha, già cậy con, như con nào có phải là thân gỗ đá ? nào há phải là giống côn trùng ? Lẽ nào mà chịu bó gối ngồi trông ? Huống là cha già con dại, lắm sự khốn-cùng, mà các em con, thời trai còn ít tuổi, gái về nhà chồng. Con nghĩ mình con thờ già nuôi trẻ, ngồi nhà lúng túng không xong. Vậy phải từ cha mà dấn thân xuất-ngoại, chạy bắc chạy đông, lúc buôn hàng gánh, lúc mộ đào sông, đâu dám tiếc hơi tiếc sức, đâu dám chơi dài chơi dông ; cũng toan chen vào chỗ chật, sô vào đám đông, mà tranh một đấu, mà cướp một đồng, gọi là rau cháo tiền công, để cho được thỏa tấm lòng.

Lại không giờ ! lòng người muốn vậy, trời cả không cùng, mắt xanh ít gặp, trâu trắng xuống đồng, nay đây mai đó, đất khách bềnh-bồng, chân không bén rễ, tay chẳng mẩy lông, đồng quà chẳng có, tấm bánh thời không, làm cho cha già đỏ mắt trông mong ; khốn-nạn thân con thiệt là cơ-cực long-đong !

Nhưng con vẫn ngõi ! cha còn trường cử[illegible]n một vài xuân, họa là trời kia [illegible]ửa, đất nọ xoay vần, cho con được [illegible] tầm, trả nợ trần, vai đeo b[illegible]ạc [illegible]ay đùm thức ăn, tự ngoài nghìn [illegible] về hiến trước sân, mà xum vầy d[illegible]i, mà quanh-quẩn bên chân, một n[illegible]áo đức, lấc cỏ đền ân, thời dã[illegible] gội mưa tắm gió, nay Sở mai [illegible] lòng con cũng chẳng ăn-năn !

Con [illegible] không giờ ! hóa-nhi quá độc, nỡ phụ [illegible] người, giữa ngày hai mươi tháng [illegible], con vừa được tin tới nơi, [illegible]ếu nặng, tay chân con bỗng rụng d[illegible]n vội-vàng hốt-hoảng chạy

về, chưa kịp than-thở đôi-hồi, mà ngày hai mươi hai, cha đã vội đi chầu Phật chầu Trời!

Hỡi cha ơi! hỡi Trời ơi! Trời sao nỡ hẹp hòi? Cha tôi xuân này, mới tới tuần bảy mươi, trời có hiếm gì một tuổi, để cho cha con tôi sẽ được xum họp, vui rốn một hồi, mà nỡ lòng chia rẽ làm đôi!

Đã hay rằng! đạo trời sinh sinh hóa hóa, sống gởi thác về, chẳng ai qua khỏi, trong vòng hóa-cơ. Cha đà tới cõi, còn có ngõi chi? Nhưng con trách duyên tủi phận, chẳng được ra gì, chẳng biết lấy gì báo hiếu, chẳng biết lấy gì đền nghì, mà cha đã vội, cha bỏ cha đi, thiệt là trăm năm bức-tức, muôn kiếp thảm-bi!

Khốn-nan cha ơi, cha sinh ra chúng con, từ khi bỏ máu cho chí bây giờ, tuổi ngót năm mươi, biết bao công trình khó nhọc, biết bao ân đức tái bồi, mà con thời nghèo hèn khốn-khó, bôn-tẩu lôi-thôi, chưa có lúc nào lòng con được hả, chửa có lúc nào bụng cha được vui! Lúc sống con đã chẳng có gì quà bánh dưỡng nuôi, lúc bệnh lại không được thang thuốc trông coi, lúc chết cũng không lấy gì mà sống-táng bản-hoi. Con nghĩ thân con [illegible] thiệt là tram tội nghìn tội, muôn [illegible] Trời, ma dề xấu đề hổ, để nhục [illegible] đời!

Thôi! thôi! thôi! Cha ơi! Trời ơi! Từ nay mà đi, cha con cách [illegible] dường đôi nơi! Con dẫu có [illegible] cỗ dầy, bò béo lợn tươi, đặt [illegible] thờ dơm cúng, nào biết cha [illegible] Con dẫu muốn sớm khuya [illegible] xum họp vầy vui, tìm đâu [illegible] thấy người? Thiệt là chua sót [illegible] Thiệt là đau-đớn lòng tôi! [illegible] Trời ơi! Con nghĩ đến lời « [illegible] thời chẳng cho ăn, lúc chết [illegible] lễ ruồi », mà con thấy n[illegible]

mực chầy, bút hạ châu dơi. Hồn cha có thiêng, hoặc ở dưới đất, hoặc ở trên trời, dám xin xét soi!

NGUYỄN PHAN-LÃNG.

Nói về sách « Mới sầu trung »

Quốc-văn nước ta bây giờ, còn đang thuộc về thời-kỳ ấu-trĩ, như măng mới đang nhú mầm, như hoa mới đang kết nụ, như chim non mới đang bập-bẹ học gáy, như trẻ nít mới đang lững-thững học đi. Phàm những người có chí ở quốc-văn, ai ai mà chẳng muốn mong cho sớm đến ngày thành búi thành cây; ai ai mà chẳng muốn mong cho chóng tới khi phát hương phát nhị; ai ai mà chẳng muốn mong cho đua hơi đua tiếng, để mau đến độ đồng-thanh; ai ai mà chẳng muốn mong cho cứng gối cứng gân, để nhanh đến kỳ tấn-bộ? Đó là cái hi-vọng chung của quốc-dân ta, chính đang nghềnh cổ, kiễng chân, nghé mắt trông ngóng về bọn thiếu-niên tân-tiến ngày nay.

Từ khi quốc-văn xuất-hiện đến bây giờ, trước-thuật nghe cũng đã nhiều, in bán kể cũng đã lắm, đàn kêu sáo thổi, vàng-vít như ve, ngọc nhả châu phun, vải vung như chấu, ta thường có ý lấy làm mừng cho tiền-đồ quốc-văn, mà lại có ý lấy làm sợ cho hậu-vận quốc-văn! Nhưng ta vốn là con nhà cựu-học, tuy chưa lấy gì làm già, mà kể cũng đã là già, tai đã nghễnh-ngãng vậy, mắt đã tờ-mờ vậy, về đường quốc-văn, phần làm đã không có tài, phần xem lại càng biếng-nhác, vậy nên trước mắt dẫu có châu dơi ngọc rụng, cũng chẳng biện ra rằng ngọc rằng châu, bên tai tuy có đàn ngọt hát hay, cũng chẳng nghe hiểu là đàn là hát, tuy cũng có lúc sách bày trước mắt, người đọc bên tai, nhưng [illegible] rằng hay, thời cũng [illegible] hay, mà người chê là

đở, thời cũng gật đầu là đở, chớ chưa từng có một lời nào là một lời bì-lý, mà cũng chưa từng có một câu nào là câu tán-dương chi cả. Vì là văn-chương mà được vào trong bực phẩm-bình cũng đủ khó, mà cái mực thước để phẩm-bình văn-chương lại càng khó lắm. Ta tưởng văn-chương tức là một cái vật, mà bình-phẩm tức là một cái cân, cân vàng cân đá cũng là cân, cân bông cân bấc cũng là cân, cân tất phải tùy vật quí tiện khinh trọng làm thăng-bằng, chớ hà-tằng có bụng gì thiên-tư, mà tự làm ra nhẹ nặng? Tuy vậy, nhưng ta chưa phải là cân, đâu dám nói đến sự cân mà mó tay vào cái cân thăng bằng, để nhắc xem nhẹ nặng!

Ta vốn là một người đa-sầu đa-cảm, thường hay thích nghe giọng sầu, ưa xem vẻ sầu, yêu nói lời sầu, vui tả cảnh sầu, mà dịp này lại nhân gặp một cái sầu trung-thiên, châu nhủ như tuôn, ruột đau như cắt, ngồi không buồn cựa, nằm những thở dài, muốn giải sầu mà sầu không đứt, muốn nuốt sầu mà sầu không xuống, nghĩ chẳng ra lời, bút không buồn mó, đang khi bức-tức giãn-giọc, dầu-dĩ một mình, không biết than-thở cùng ai? Bỗng có một vị cầm một cuốn sách lại bên cạnh, đọc mấy câu rằng: *Mối sầu trung, mối rối lung-tung, mối rối lung-tung gỡ giúp cùng*, vân vân...

Ta đang cơn sầu, chợt nghe thấy câu văn sầu, lòng nào cầm được, mà không cảm? liền vùng dạy bỏi: thơ gì? của ai? Vị ấy rằng: thơ « Mối-sầu-trung » của một vị thiếu-niên, tên là Hoàng-Thăng, mới in hán. Đón lấy xem, vừa trông qua cái nhan sách, chưa kịp xem suốt, giở ngay xuống cuối sách, thấy có mấy câu đề hậu, dật nẩy mình! Sợ thay cho thầy Hoàng-Thăng! mà lại lo thay cho cả những bậc thiếu-niên tuấn-tú như thầy Hoàng-Thăng!

Ôi! sầu, là một cái khí thu vậy. Khí thu tiêu-điều túc-sái, tất có trải qua trong tuần xuân-sinh hạ-trưởng, rồi mới kết nên, chưa có khi nào đang mùa sinh-trưởng, mà lại có cái khí tiêu-điều túc-sái bao giờ. Thế thời sầu không phải là cái cảnh của những bậc thiếu-niên, mà những bậc thiếu-niên cũng chưa nên vội sầu.

Thầy Hoàng-Thăng tuổi ngót hai mươi, đầu còn xanh, tuổi còn trẻ, đang sức đua ganh, ví cũng như măng đang độ non, cây đang độ lớn vậy. Dẫu có « lung-bung » chăng nữa, ta tưởng cũng chưa « lung-bung » là bao nhiêu, mà dẫu có « đôi co với đời », ta tưởng cũng chưa « đôi co » mấy nỗi! Thế mà chưa chi đã vội « rối », chưa chi đã vội « sầu », chưa chi đã vội « kêu trời », chẳng biết thầy vì ai mà sầu, vì ai mà rối, vì ai mà kêu đó ru? Vì mình đó ru? hay là vì đời đó ru? Bảo rằng vì mình, thời đang buổi thanh-niên đã có sự gì đáng sầu, mà đã rước lấy sầu? bảo rằng vì đời, thời đang buổi bây giờ, không thấy có ai là sầu, can gì mà phải chia sầu? Thế thời mối sầu của thầy, không biết bởi đâu sinh ra, mà thầy sầu quanh, sầu quẩn, sầu vẩn, sầu vơ, đến [illegible] rối rối lung-tung như vậy? Lạ thay thường thầy lại muốn quăng cái [illegible] bông-bong ấy ra, bán cho thiên[illegible] kiến cho thiên-hạ cũng lại [illegible] gỡ quẩn, gỡ vẩn gỡ vơ, thêm [illegible] lung-tung như thầy hay sao? Ta sợ [illegible]-hạ hết thầy đều như thầy, mà m[illegible] vào cả trong cái lưới sầu, lúng-t[illegible] trong thành sầu, thời thế-giới có [illegible] thành ra thế-giới sao được?

Đà [illegible] rằng, ở đời cũng có cái sầu, nhưng [illegible] có từng đoạn, sầu có từng khúc, s[illegible] có từng lúc, sầu có từng cơn, cũng n[illegible] cái cây, sầu cành này lại sinh c[illegible] khác, cây mía sầu dẫn nọ [illegible] kia, đoạn này xấu mà đoạn

Thá[illegible] trên ai [illegible] làn [illegible] ung d[illegible]

kia tốt cũng nên, khúc nọ héo mà khúc khác tươi chưa biết, hà-tằng có mối-manh nào ? Chẳng qua chỉ tại người chắp nối, cho nó lôi-thôi dắc-rối ra đó mà thôi ! Cái sầu của thày, chẳng biết nó là cái sầu ngoại-cảm, hay là cái sầu nội-thương ? Ta dám chắc rằng nó còn là cái sầu ngoại-cảm, chớ chưa phải là cái sầu nội-thương, mà dẫu cho có phải là sầu nội-thương chăng nữa, thời cũng còn là cái sầu trẻ, chớ chửa phải là cái sầu già, chắc còn có thể dễ chữa được lắm ! Ta xem lời tựa của thày có nói rằng : « trẻ nên biết sầu mà bốc thuốc sẵn cho sầu, nhỡ phải chữa ngay. » Thế thời phương thuốc chữa sầu, tất thày cũng đã sẵn có và ta cũng sẵn lòng chúc-vọng cho thày, sớm tìm phương thuốc mà chữa, kẻo mà hoài mất một đoạn xuân xanh !

Nay chữa sầu chẳng gì bằng văn-chương ; vậy cô-nhân có cái gì uất tức trong bụng, bức bối khôn khuây, tất phải ngâm vịnh thành ra câu thơ, cảm hoài viết nên câu phú, để tả cái cảnh sầu, giải cái tình sầu, phá cái khối sầu, cho hả cái lòng u-uất. Thày chừng hẳn cũng có ý thế, vậy cũng muốn đem văn-chương vấn thế, để tả sầu, giải sầu, phá sầu đó chăng ?

Xem những thể văn của [illegible] nói đắng nói cay, kể thời cũng [illegible] tung lắm mối thật ! Nhưng [illegible] nói tóm lại, thời chỉ trong một vực [illegible], đã đủ hiểu ý-kiến của thày, [illegible] thày, sở-dĩ muốn « đôi-co [illegible] đời », không phải là không duyên [illegible] khác bất-tất nói, mà cũng [illegible] xiết, hẳng nói một câu, [illegible] : « *tôi đây cũng chẳng có tiền, có [illegible] nghiên với đời, ai ơi lấy [illegible] lấy ra cũng được đủ cười [illegible] năm.* » Tự-hồ ý thày chính lấy « [illegible] nghiên » tự-phụ, mà lại lấy « bút ngh[illegible] » làm trò cười, kể ra thời cũng đán[illegible] thật ! Không những thày lấy làm [illegible] mà tôi cũng lấy làm buồn cười, không những tôi lấy làm buồn cười, tức chi ai ai cũng phải lấy làm buồn cười, như thế thời muôn thảm nghìn sầu, cũng đã đổ một trận cười như không, còn gì là sầu, mà còn sầu đâu mà giải ?

Thôi thôi ! thày ơi ! Sầu làm chi ? đeo sầu làm chi ? trò đời chẳng qua cũng như một đám phường tuồng vậy. Dẫu mà kể giọng Nam-thương, hát khúc Nam-ai, cho có gào-gặn thảm-thiết đến như thế nào cũng chỉ pha trò một câu khôi-hài, là mất hết cả.

Nay thày đã muốn đem văn thơ làm một cái vật khôi-hài, để tiêu-khiển cùng những kẻ giai-nhân tài-tử, trong ánh thiếu-niên, chí-thú như thày, tư-tưởng như thày, kể cũng hiếm có thực ! Tôi yêu vì cái tuổi thiếu-niên, mến vì cái văn thiếu-niên, hẳng nên vui lòng gắng sức, hết cái nhiệm-vụ thiếu-niên, chớ nên bức-tức với trời, mà kêu ca mãi trời, cũng chớ nên vội oán hận với đời, mà « đôi-co » mãi đời, không những rằng không có ích gì đến ai, và lại dễ khiến cho những bực tài-tử giai-nhân cảm-mạo vì những câu văn, sinh ra phiền lòng não dạ ; thế thời mối sầu gỡ biết bao giờ cho xong ? mà câu cười cái bút cái nghiên, để đời biết đến bao giờ cho hết ?

ĐÀM-XUYÊN

Hai buổi chơi Hội-chợ

I

Hôm chủ-nhật 15 Décembre tôi vừa xuống đến cửa nhà Đấu-xảo Canh-nông thời gặp ngay cái bi-kịch quan Toàn-quyền SARRAUT bị người Tây tên là Desvignes bắn một phát súng ; bèn trở lại nhà, rồi xuống nhà Thương Đồn-Thủy hỏi thăm tin, cho biết cái ngòi phúc-tinh xứ Đông-dương ta không [illegible] chẳng long bụng.

Mấy hôm bị công việc phận-sự mình bó buộc không rỗi thời giờ mà qua thăm cảnh Hội, cho thỏa được bụng nhiệt-thành mong-mỏi biết cuộc thương-nghiệp, nông-nghiệp, công-nghiệp và kỹ-sảo nước mình. Ấy cũng bởi thế cho nên đến chiều hôm thứ năm 19 Décembre tôi mới cùng một đứa em bé đi xe lại xuống xem Hội.

Bước chân ở nhà đi, tôi nghĩ rằng: trước là nhờ quan Toàn-quyền SARRAUT nhiệt-thành muốn mở-mang đường tiến-bộ về thực-nghiệp cho cõi Đông-dương ta, mới dựng cái Hội-chợ này; thế mà rủi cho ngài hôm bướ cchân ra làm lễ khánh-thành rất trọng-thể ấy, đương đi với các quan thủ-hiến các sở, vừa vào qua cổng sắt, đến trước gian hàng thứ tư thứ năm thời bỗng có một người Tây đứng núp sau đám đông người mà phạm đến thân-thể ngài bằng một cách rất khả-ố! Thế thời có lẽ Hội-chợ cũng giảm sự vui-vẻ hẳn? Hay là Hội-chợ cũng chẳng được đông-đảo hoàn-toàn? Vì truyện *Kiều* nước ta có câu:

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu?
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ!

Vậy có lẽ phong-cảnh Hội-Chợ cũng có chia buồn với cái vết thương của quan chúa-tể nhân-từ, đại-lượng, nhiệt-thành với quốc-dân ta chăng? Tôi lại phảng-phất đến hôm chủ-nhật ấy, tôi mới đến ngoài cửa trông thấy cờ bay phấp-phới, nhà mới lợp gianh cùng ngói cái đỏ cái vàng san-sát, người đi lại chen nhau. Tôi cùng đứa em bé bước lên xe, đi chứa-chan những tư-tưởng...

Xe đến đầu phố Phủ-doãn thời đã đổi sang tư-tưởng khác, nghĩ hình như là quan Toàn-quyền vô-dạng ngài sắp lại mạnh, thời giang-sơn có vẻ vui mừng, cho nên trời quang mây tạnh, chiều hôm ấy xe hơi, xe ngựa, xe [illegible] hàng chạy như guồng quay tơ, trông vui mắt lắm; lại người nhà quê, kẻ chợ người thanh-lịch, kẻ lam-lũ, bồng con bế cái, giắt mẹ hầu cha, đánh bè đánh bạn, cô áo xanh, cậu áo tím, thầy áo đoạn, bà áo hoa, ông quan đeo mền-đay choáng ngực, cậu bếp mạc binh-phục chỉnh-tề, thực chẳng khác một cái rạp hát kheo của hóa-công bày ra, mà người đi xem này quên hẳn mình là một kẻ đa-sầu đa-bệnh, nhường theo cảnh-tượng mà hăng-hái, có cái khái lăng-vân, tưởng như là nước Nam ta đã thành một nước rất văn-minh trong thế-giới, dân-gian vui-vẻ thái-bình, chạy sô vào cái võ-đài cực-lạc mà nước Pháp đã dừi-dặt bọn ta lên.

Xe gần đến Hội-chợ thời vừa gặp một bọn ước chừng ba bốn mươi cô nữ-học-sinh ở trường Hàng-vôi vào xem hội đi ra, hẳn là các cô lưu-học-sinh lớp Sư-phạm và lớp sơ-đẳng tiểu-học; xếp hàng đi thùy-mị mà nghiêm-trang, mà có vẻ thông-tuệ mẫn-nhuệ lạ thường! Các cô-giao đi kèm hai bên, coi cũng thứ-tự, tôi bắt xe đi từ-từ lại mà ngắm cái quang-cảnh bọn quần-thoa tương-lai làm vợ làm mẹ những bọn hậu-tiến nước Nam ta vậy; th[illegible]ghe những tiếng cười câu nói, gi[illegible]ện thấy có mới-mẻ. Xe đi xuống [illegible] đội nữ-quân ấy đi lên. rồi mà k[illegible]ắt tôi, trong tư-tưởng tôi lại gợi [illegible] ho[illegible]-cổ lên nhường ngọn nước tr[illegible] chẩy xuống. Tôi nghĩ lại cái đ[illegible] đàn-bà nước ta xưa, và các bà c[illegible]òn theo tục cũ bây giờ, dẫu về đ[illegible]ọc-vấn trí-thức có kém, song le xét [illegible]ái «tứ-đức» «tam-tòng» được khí [illegible] của xã-hội ta huân-đào cho, cũng [illegible]ay nên giỏi. Người đàn-bà con ga[illegible] người giúp-đỡ trong gia-tộc, còn về [illegible]hĩa-vụ đối với nước đối với xã-hội [illegible]i hết thẩy theo ý người đàn-ông, «[illegible] tề gia bậu trị-quốc» [illegible] quân-tử từ vợ chồng

mà ra». Như vậy thực là phải lắm. Nhưng ở đời phong-hội mở mang theo ý phần đông người cấp-tiến muốn mang hết thảy công việc đời lại trách đến cả bọn nữ-lưu, «thời-buổi nào kỷ-cương ấy», ta cũng lại mong vào cái đám chất bồ vóc liễu kia nữa. Ôi ! nếu mà cái đạo xưa nết cũ giữ vẹn được, lại có cái tư-tưởng mới, tài năng mới thời qui-giá đến đâu. Chắc hẳn trong bọn các cô đi đấy, hoặc cô-giáo còn trẻ, học-trò còn non, các cô đã được sinh trong xã-hội qui-báu này, các cô đã được soi cái gương tốt của tiền-nhân-để lại, các cô hiểu những lời dậy dỗ của tổ-tiên trong những quyển « Nữ-tắc », quyển « Nguyễn-Trãi gia-huấn » v. v., các cô đều biết rằng những cái điều ấy, cái gương ấy, cái thói nết ấy là chân-trọng, là chính-đáng ; các cô lượm-lặt lấy các cái tư-tưởng mới, học-tập lấy các cách sinh-lý mới, kỹ-nghệ mới, các cô đừng lầm hai chữ « văn-minh », hai chữ « tự-do » mà các cô sai-lạc con đường cao-thượng, thời nước Tổ Hồng-Lạc bốn nghìn năm này thực là mong-mỏi vào các cô vô-hạn vậy !

Đến cửa Hội-chợ, tôi dắt đứa bé em theo, cờ Đồng-minh chen [illegible] phất cái vẻ thắng-trận, trông như [illegible] cờ mà nhường thấy trong có cái [illegible] ần ái-quốc của người Phá[illegible] cái [illegible] thần chuộng công-lý, chuộ[illegible] -đạo, chuộng phú-cường, chuộ[illegible] -hóa cho các giống hèn yếu củ[illegible] nước Đồng-minh, đến cái ngọn [illegible] trên góc có ba sắc xanh, trắng, [illegible] cờ của nước Đại-Nam ta, mà nh[illegible] cái tình giao-thiệp của vua Thế-[illegible] ông Bá-đa-Lộc, cảm cái công-[illegible] đức Cao-Hoàng, tưởng đến cái [illegible] đại-độ của thầy Đại-pháp. Ôi ! Cá[illegible] cờ kia, hỡi hỡi dân Nam-Việt ta ơ[illegible] y trong ấy là cái hình-ảnh tổ-tiên, [illegible] ng ấy là cái quốc-hồn của ta, nay n[illegible] Đại-Pháp đã được chen bóng với các hồn kia, vẻ-vang thay ! đáng để ý vào đó vậy thay !

Vừa vào hai giẫy hàng trước cửa thời gặp ngay hiệu *Hương-ký* cho người bán các ảnh những người Nùng, người Mán, người Mèo, người Thổ, người Nhắng các hạng người ở thượng-du về, coi trong các cái ảnh ấy thực là rõ được các giống người chen nhau rải-rác ở các khe núi chân đồi trong giang-sơn gấm vóc nhà ta, chỉ vì núi non ngăn-trở, ít giao-thông mà chậm đường tiến-thủ ; cho nên còn dần-ngu, hủ-lậu, thô-bỉ hơn ta, e rằng sau này bị cái lệ đào-thải của thiên-diễn mà cũng đến mòn-mọi hết thôi ! Tôi có mua một ít ảnh làm kỷ-niệm.

Hai giẫy ấy ở ngoài này, thuần là của các hội của những người Tây, bán các đồ chế ở bên này, và khai-khẩn ra ở bên này, cùng buôn bán ở bên này, tôi xin thú thực rằng trong lòng tôi đã chứa sẵn cái bụng phục cái văn-minh về kỹ-nghệ, về cơ-khí, về thương-nghiệp, về công-nghiệp của người Pháp rồi, cho nên tôi chỉ xem qua những than mỏ, đồ tơ sợi, đồ sứ và các đồ khác nữa v. v. đi một lượt rồi tôi đến xem nơi khác, kẻo bấy giờ bóng chiều đã xế, thời giờ nó làm cho tôi phải sơ-lược, mà không nhớ được hết. Song nói tóm lại thời cái gì cũng tốt, cái gì cũng đẹp mà phần nhiều là nhân cái vật-liệu hay là thổ-sản của nước ta mà chế ra, làm tinh-sảo ra, thế mới biết cũng là của mà vào tay người Pháp thời cái giá-trị nó lên biết thế nào ! Ta nên soi gương mà học đòi lấy người Pháp ! Trong cái giẫy hàng ấy cũng điểm có hàng của người Nhật-bản, bán đồ sơn, đồ vẽ, đồ đúc kền và kẹo bánh. Đồ Nhật khéo thời có khéo, song tự tôi coi thấy đơn bạc mà không có ý kiến-cố, chỉ dùng để mà chơi thời được, [illegible] Tây nhiều lắm.

Tôi giảo bước đi sang phía tay trái nom cái bãi cỏ, sau giẫy hàng bên tả có cái ao con, làm cái nhà thủy-tọa bằng lá nổi ở giữa, và một cái điếu-đài lợp bằng gianh đằng góc kia, coi cũng có cái thi-vị một chút. Đường đó có cái hàng bán rượu bày bàn ghế sanh-sát, tôi trông thấy một người bạn tôi cũng làm nghề đồn-điền cho nên đương ngồi chạm cốc với các ông Tây đồn-điền, coi thực là thú-vị, rõ-ràng bình-đẳng, chẳng còn có chút ghẻ-lạnh gì nhau rằng kẻ Pháp người Nam. Tôi đi qua đấy dễ đến xem chiếc tầu « Perle » nhỏ, cốt sắt mà ngoài thời bằng xi-măng (ciment) trên đèn điện sáng choang ; các ông Tây, bà Đầm và các cô, các cậu con Tây trèo lên trèo xuống chơi tự-do lắm. Người Nam ta ít người lên được, vì cái tầu ấy nhỏ, người chủ tầu không muốn cho lên đông quá.

Qua chiếc tầu ấy thời tôi liếc một lượt đến các đồ của người Nam ta mới chế ra, học-trò các trường kỹ-nghệ làm, rồi tôi qua hai giẫy các hàng Annam, xem qua một lượt, sang ngay chỗ con gà mái bốn chân, người ta dốt vào trong cái chuồng vuông bằng gỗ, hai chân trước đứng đi như thường còn hai chân sau co lên, có người bảo tôi rằng: « ông xem đó mà xem, họ khâu hai cái chân ấy vào thịt con gà này, cho nên hai chân ấy khô đi không có sinh-khí nữa ». Tôi xem có thấy hai chân quặp lên không cựa-cậy được mà khô-khan lắm, không biết rằng có thực thế không ? Có người lại bảo : « đó là hai trứng đẻ làm một ».

Xem qua rồi tôi sang chỗ bày các thứ rau, các thứ hoa, các thứ cây cảnh, rồi xem đến các giống ta nuôi trong nhà là thỏ, chuột bạch, gà gô, gà sống, gà mái, gà thiến, ngỗng, ngan, vịt, chim bồ câu v. v. đủ các giống chim chơi như khướu, yến, họa-mi v. v., thời nhiều con cũng lớn lạ ch[illegible] phố ta ít về chơi các nhà quê[illegible] hay vịt, ngỗng hay ngan những con to hơn các con thường ấy tôi theo gia-nghiêm tôi đi làm quan thủa bé đã được từng trông thấy nhiều khi, lại thường khi được ăn thịt các giống ấy nữa. Nhưng thịt nó không ngon bằng thịt các con thường, vì nó béo quá, xương nó cứng quá, da nó dầy quá, chỉ là để chơi làm cảnh và dùng làm cỗ thờ-thần là đẹp mà thôi, vì nuôi lâu năm mới được to như thế, mà cũng có giống có thể to được thời nuôi mới nên to hơn các con khác.

Rồi sang đến nơi các thứ dê, dê đực, dê cái, dê sồm, dê con, dê nhỡ, con béo, con gầy be be trong các khoang các cũi, cùng với đàn-cừu lông tốt mà trắng, lông mượt mà sám. Coi xinh thay cái cách xếp đặt các khoang. Gần đấy có cái khoang những ô để lợn : lợn nái, lợn sề, lợn con, lợn đực, con to lớn híp cả mắt, con bé nhỏ mình thật lẳn, lắm con vừa dài vừa cao, vừa béo, khi tôi học ở Sơn-tây cũng đã được xem những làng về vùng Nam-an, Cốc-thôn, Thịnh-thôn, Cam-giá, lắm con lợn khác thường như thế, người ta gọi là ông « Ỷ » để mổ thịt thờ thần, cũng như các con gà tôi nói truyện trên kia, người ta cũng gọi là ông [illegible]c ». Ôi ! nghĩ đến cái lòng ng[illegible]kính trời thờ thần chân-trọng biế[illegible]nào. Thế mới biết dân mình là c[illegible]ân, biết ơn nghĩa, sùng-bái ngườ[illegible]ay, tôn-trọng các bực anh-hùng [illegible]-triết, dẫu đời xa người khuất [illegible]ẫn còn đeo nặng tấm lòng yêu n[illegible]風 ở trong, đến đồ cúng tế cũng [illegible]thần mà nâng-niu quí-trọng [illegible]hân nghĩ đến mà nói vài lời. — Thư[illegible]xong đó tôi qua đến những cái nh[illegible]ứa trâu, nhà chứa bò, nhà chứa n[illegible], kiểu nhà gạch phân ô để ngựa đ[illegible], khéo mà vừa-vặn, lại riêng một nh[illegible]ứa cỏ để phát cho các giống [illegible]Có một con bò đài mà to [illegible]g được giải nhất, còn nhiều

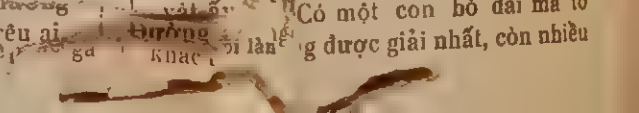

con bé hơn con bò ấy mà to hơn các con bò ta thường gặp nữa. Trâu ngựa thời cũng nhiều con béo tốt lắm. Hết các chỗ ấy, tôi đi ra đến chỗ sở Thú-y cắt người đến để trông nom vào các con trâu, con bò, con dê, con lợn đem đến Hội-chợ, gặp người anh em, cùng học bây giờ đã đỗ Thú-y, đứng nói truyện, đã ba bốn năm trời nay, mỗi người một ngả, mỗi kẻ một nghề, nhân ngày Hội-chợ mới được cùng nhau hỏi sự bình-yên, vui lòng thay !

Trời đã gần tối, người vẫn còn đông, thằng bé em giục về, tôi phải vội qua giấy các đồ sản-vật và kỹ-nghệ của xứ Nam-kỳ, Cao-man, Vân-nam và tỉnh Hà-đông là tỉnh nhà tôi. Rồi ra lối bên hữu liếc qua các nhà Mán, gặp một toán nhạc-binh Lang-sa đương thanh cao hòa nhạc nghe thú sao ! Đèn điện bật lên khắp các nơi, người về nằm-nập, xe chạy ầm-ầm, hai anh em tôi phải trở về nhà, thằng bé con xem ý thích lắm, mà riêng tôi ngồi mâm cơm ăn thuật truyện cho người nhà, nghĩ đến cái vui Hội-chợ mà nhớ, song cái ích-lợi Hội-chợ mới lại nhiều lắm vậy. Thế nhưng mới xem qua một buổi thời chưa xiết được, cho nên tạm để tư-tưởng đi sang sự khác, mà lòng thời quyết đến sáng hôm thứ sáu [illegible] xem cho thật tỏ-tường.

II

Sáng hôm sau, tiếp [illegible] bạn thân, khuyên nên đi xem [illegible] cho kỹ về làm một bài kỷ-[illegible] đăng vào tạp-chí *Nam-phong*, [illegible] tôi đã sẵn có, nay lại được cao-[illegible] nữa, ta lại đi cho đến nơi nào [illegible]

Trời mưa phùn, đường [illegible] những bùn lầy, trèo lên xe nước [illegible] lắm-dăm tạt vào mặt, đến khi đ[illegible] bao kín cánh gà áo tơi chẳng tr[illegible] quanh đường, nhưng tiếng xe đi[illegible] oài biết rằng cũng đông người bạt-[illegible] đi xem như mình. Đến Hội-chợ [illegible]

vắng hơn hôm qua. Mà giấy hàng ngoài có một vài nơi đóng cửa. Tôi đi đến khoang thứ 6 gặp ngay một người anh em thân, cùng nhau xem đồ tơ của nhà máy sợi Nam-định làm rất công-phu, dệt ra các thứ lụa, nhiều theo lối tây mà những con tơ của ta đem làm ra từng quận treo rất là ngoạn-mục, khi bước chân ở đó ra nghe tiếng kèn ở các khu nhà Mán, Mèo, Thổ, thổi lên lại xem có tiếng thanh-la tiếng trống bèn dủ nhau đi từng lều một mà xem.

Thoạt tiên vào cái lều Thổ và Nhắng ở Lào-kay về, ngồi ở cái lều ấy mà trông ra là gần cửa bên hữu tôi còn nhớ chiều hôm qua, ở chỗ ấy rào nứa chung quanh, có một ông Tây ngồi ở cửa để thu tiền, những người lớn trẻ con ai vào xem thời phải trả hai xu, trong ấy bày các đồ chơi, mấy thằng bồ-dìn bằng gỗ đeo mặt nạ, ăn mặc như vua Uy-liêm và các tướng Đức trông hung-ác lắm, song tiếc thay không hồn ! Lại có cây đu ước chừng năm sáu cái đu giây đay treo cái thuyền sơn xanh, cứ hai cậu bé hay cô bé trèo vào ngồi trong thuyền ấy cầm cái giây dún lên cũng bổng lắm. Mới hay cách sinh-nhai của con người ta ở đời văn-minh này sinh ra lắm lối lắm vậy. Nhưng hôm ấy trời mưa nên chỗ ấy không có gì cả. Hai người chúng tôi vào chơi cái lều ấy, ông Lý bọn Nhắng và Thổ-đen ấy đã bạc đầu râu, ăn mặc y như chú Chiệc, ngồi ở giữa, còn các cô các cậu Nhắng kẻ ngồi, người nằm, anh ngủ ngáy o o, cảnh-tượng rất là tự-nhiên. Chúng tôi ngồi nói truyện một lúc, ông Lý dẫn-giải cho hay mọi thứ người, gọi các cô con gái ra, có hai cô ăn mặc áo mớ ba như là các cô đầu Hàng-giấy, mới nhìn đã tưởng chị em trong xóm Bình-khang sớm bén hơi đồng mà từ chốn phồn-hoa bạn cùng chân xim bóng đá, mãi [illegible] cầm lấy cái điếu cày hút [illegible] phép hai cô, thời lời oanh

thưa lại ngọng-nghịu mới dám chắc là chị em đường ngược thật! Ai ngờ người Nhắng, người Thổ-đen mà bề ngoài như thể làng khuê-tú dưới Đồng-bằng, chỉ vị ngây-ngô một chút mà thôi! Cho hay văn-minh cái quần cái áo thời dễ, chứ văn-minh cả người thời khó lắm thay!

Các lều ở trong cái khu ấy nhà-nước lấy kiểu đúng như ở trên đường ngược, các dân ấy cư-xử nhà cửa thế nào nhà-nước làm như thế, những hạng người ấy nhà-nước phát cho mỗi ngày mỗi người 0$40, trẻ con 0$20, còn các ông Lý và các quan Châu thời khác, tôi hỏi thấy họ nói thế. Họ ăn ở thô-lược quá chừng. Ông Lý ấy ở Lào-kay có mền-đay danh-dự (Médaille d'honneur) nói với chúng tôi rằng: Có chân nghị-viên ở Tư-vấn nghị-hội Bắc-kỳ.

Chúng tôi lại sang một lều Thổ-đen và Mán khăn đỏ, thầy Lý ấy trẻ tuổi, ăn mặc khách, tay cầm ba-toong, biết tiếng tây, vợ cũng ăn mặc như đàn-bà Tàu, ra dáng láu-lỉnh lắm. Có hai cái mền-đay bên võ, thầy Lý ấy coi bộ nguyên là người Tàu sang lộn vào dân Thổ mà làm đàn anh, cho nên ăn ở sạch-sẽ hơn, tôi vào thời nhằm lúc sai người đi vẩy nước *Crésyl*. Vẩy xong, thầy ngồi sai đàn em thổi kèn, đánh trống, nổi thanh-la lên; kèn thời chỉ *tò-te tí-te*, còn các cái kia đinh cả tai, nhức cả óc. Ôi! Mình lấy làm không hay, họ chắc thú lắm vậy! Cho hay cái tâm-lý con người ta, thế mới biết rằng cái sự yêu ghét, sự vui buồn của mỗi hạng người một khác nhau.

Qua sang những lều Mán-Tiền Chợ-Rã, các người Mán Cao-lan, Mán quần trắng, Mán Mèo, Mán Xá, Mán sơn-đầu, Mán Thanh-bản, Lồ-lồ v.v... bọn thời ở Sơn-la về, bọn thời ở Bắc-kạn xuống, bọn thời ở Tuyên-quang [illegible] cái lều người Thổ dán [illegible] trêu ai [illegible] đỏ và biển chữ đề, có bốn chữ: *Hồ-việt-nhất-gia* 胡越一家 và mấy câu đối nôm bằng tiếng Thổ, tôi hỏi thời ông thầy đồ Thổ nói rằng: ý nói Hội-chợ vui mà thích rằng được Nhà-nước cho về để cùng người Kinh (Thổ gọi người Đồng-bằng ta là người Kinh) cùng họp. Thông lắm! Ôi! cho hay cái cảm-tình đồng-chủng đồng-tộc không phải là người ngu-đần lại chẳng biết chi. Cái sức thiêng-liêng nó khiến người trong một nước tự-nhiên thương sót nhớ-nhung nhau.

Trời mưa nặng hột, tôi và người anh em tôi quanh-co khắp các lều đến ba giờ đồng-hồ rồi mới bước chân ra ngoài khu đất ấy. Khi tôi ngồi nói truyện hay đến thăm các nhà Mán thời tôi nhớ ngay lại khi còn 15, 16 tuổi theo gia-nghiêm đi làm quan; khi châu Văn-lãng, lúc phố Đại-từ, nào chơi Chợ-chu, nào qua sông Hoa-ngạc, trèo đèo lặn suối, lên thác xuống ghềnh đã nhiều phen cùng bọn lính Thổ lính Mường chui lau lách sậy, đánh cạm cầy cạm cáo, bắn gà cỏ gà gô, đánh nhựa chim lưới chim, khi đốt bụi nứa để phòng cọp, khi phát lối gianh kẻo bận chân, đến bây giờ gặp-gỡ người đã quen, bồi-hồi [illegible] trước, thấm-thoắn mấy chốc n[illegible] óc đầu đã điểm sương mai, m[illegible] hoài-bão của mình chưa đ[illegible] ba. Ông xanh còn định xoay ngu[illegible] đến [illegible] ?

T[illegible] mưa, tôi ra ngay chỗ kỹ-nghệ [illegible] Hà-Đông tôi làm, tôi nhận kỹ cả [illegible] khảm ngũ kim và sà-cừ của ông V[illegible]n-Định, mới chế tạo được 4 năm [illegible] có được thưởng chương-mỹ-b[illegible] thứ ba; những các thứ gấm tự ch[illegible] mới dệt thực kỹ và khéo của ô[illegible] Đỗ Văn-Ái và ông Nguyễn Xuân-[illegible]; đồ chạm gỗ các thứ khay, đĩa tủ [illegible], tượng v. v. của hai ông Nguyễ[illegible]n-Hứng và Nguyễn Đức-Đấu; [illegible] và cúc (bouton) bằng sừng

của ông Đỗ Văn-Xướng ; các thứ đồ thiếc ; khay hộp, chén chạm hoa rỉa bóng khéo lắm của ông Lê Văn-Cảnh, Các đồ đồi-mồi của ông Đào Tế-Ất ; các đồ đan bằng mây và bằng tre của ông Nguyễn Văn-Liệu và các hạng chè của Hiệu Phúc-xương ở phố Cầu-Đơ, chè hạt, chè mạn đóng bao rất kỹ mà trang sức bề ngoài cũng nhã. Xem ra các nghề có khéo, có tốt cả, chắc tiến-bộ còn nhiều, xin các nhà kỹ-nghệ tỉnh ta gắng lên cho. Một mai càng ngày càng tốt càng khéo càng thêm ra lắm thứ đồ cần dùng cho ngày thường của mọi người họa có khi chành-chọi với thiên-hạ được, thời nước ta được nhờ ở các ngài về đường ấy nhiều lắm. Tôi lấy làm mong ở các ngài vô-hạn.

Giấy ấy có các sản-vật ở Vân-nam các chú đem về, và các đồ tơ lụa Cao-man chở sang, rồi đến đồ Trung-kỳ và Nam-kỳ ; xem ra Bắc-kỳ ta về đường công-nghệ kỹ-sảo có tiến hơn các xứ trong cõi Đông-dương. Xem xong tôi nhìn lại cái khu đất ở sau nhà Đấu-sảo canh-nông ấy, hồi-tưởng khi 17, 18, nghĩ rằng nước mình là nước chuyên nghề làm ruộng, nhà mình sẵn ruộng thời vào [illegible] canh-nông mà học nghề là [illegible] Ấy chỗ này là trường canh-nô[illegible] dây, ta đến kỳ phải [illegible] hành cùng anh em cắt [illegible] đào cây, khi rồ cỏ, lúc tư[illegible] bắt sâu, kẻ trộn phân, [illegible] luống, kẻ ương hột giống, [illegible] buổng tắm, những lúc g[illegible] mô đất cùng nhau ngẫm [illegible] trời đất mà truyện xa truy[illegible] giờ mỗi người một nơi, anh[illegible] anh kia ở Bắc, trường họ[illegible] Hội-chợ, những luống rau [illegible] ta giồng, những luống mía [illegible] ta bón, đã thành ra các giấy [illegible] Anh em đồng-học khi ấy [illegible] lắm người mà dễ thườn[illegible] cũng đã quên nhau cả rồi thời phải. Ôi ! Cái gia-đạo ở buổi giao-thời ! Ai ngờ ta học một đường ra làm một nẻo, thế mới biết trời già thực vẫn hóa-nhi, hay bắt con người ta trái cái bụng muốn của mình. Mà anh em chắc cũng nhiều người dễ nghề khác rồi, chỉ vì chẳng hay đi lại với nhau mà hóa chẳng biết nhau sao đó thôi ! Song nực cười ta, học thực-nghiệp mà làm việc văn-chương, hai cái trái bẩn nhau Cái cảm-tình của tôi khi ấy thực không còn bút giấy nào mà tả được, thôi để đó hãy nói sự đi xem.

Trời vẫn mưa phùn, tôi sang hai giấy hàng của các hiệu người Annam ta bán ; Các đồ cũng thường hàng ngày vẫn bán ở các hiệu trong thành-phố Hà-nội và các tỉnh, như đồ thêu và đồ đăng-ten (dentelles) cùng những cái phi-lê (filets) của Hiệu *Nam-chung* phố Hàng-quạt, giầy tây và đồ da của Hiệu *Chính-hiền* phố Phúc-kiến, các thứ chè của Hiệu *Ích-phong*, phố Hàng-nón ; đồ thêu của hiệu *Phạm Văn-Khoan* phố Hàng-trống, và hiệu *Đỗ Thúc-Kỳ* ở Bắc-ninh, chiếu cói của hội *Nam-phong Trần-Văn-Hiền* Thái-bình, đồ tơ lụa dệt theo các hàng tây của hiệu *Khánh-vân* ở làng Ngọc-hà tỉnh Hà-đông tôi, chế được các thứ cũng chẳng kém gì của sở máy tơ máy sợi Tây ; nước mắm trắng của hiệu *Quảng-cát* ở đường Armand Rousseau, cùng với nước mắm hiệu *Liên-thành* trong Chợ-lớn Nam-kỳ, hai bên tương-dương nhau ; các hòm bằng các thứ gỗ của hiệu *Tường-long* phố Hàng-bát cũ, và hiệu *Đức-lợi* Hàng-hòm ; các đồ khảm của hiệu *Hòa-ký* Hàng-khay, và hiệu *Lương Văn-Huề* Hàng-đồng ; các đồ đồng của hiệu *Vinh-thái* Hàng-bát ; hiệu *Nguyễn Văn-Thư* Hàng-đồng, hiệu *Phùng Văn-Xuân*, và [illegible] Hàng-bát ; khăn và [illegible] hiệu *Hai-chinh* Cầu-gỗ ; cùng

các hàng vặt khác v. v. Xem ra thời cửa hàng nào cũng xinh-xắn, các đồ chế ra cũng tinh-sảo cả, chắc rằng sau này tiến-bộ lên còn nhiều cái lạ cái khéo nữa. Vậy dám mong các nhà công thương nước ta trong khu ấy hết lòng mỗi ngày một chế ra kiểu mới đồ mới, tìm cách mà làm những cái thiết-dụng cho người ta để dành lấy mối lợi-quyền cùng ngoại-quốc, nước ta thực trông mong ở các ngài nhiều lắm.

Tôi đứng lâu nhất ở chỗ mà để cái máy con dã gạo, cái máy ấy người chế dã khéo, song chỉ chơi được thôi. Mà có làm lớn lên cũng khó dùng được, vì nếu muốn lợi-dụng được nó phải chế thêm thế nào nữa mới được. Ấy là ý riêng tôi tưởng thế, tôi không sành nghề làm máy, cũng không dám bàn bộ người chế máy điều gì. Xem xong đấy, chúng tôi kéo lại chỗ các đồ của trường kỹ-nghệ Bắc-kỳ mới chế lắm đồ tốt mà đẹp lắm, cũng lắm đồ tiện-dụng hằng ngày cho người ta như chổi. bàn-chải, chiếu dừa giải đất, ghế, bàn bằng thừng kết thành và bằng mây bằng gỗ giầy bằng mây đi tối v.v. Coi đó dủ biết nhờ ơn nhà nước Bảo-hộ dạy-dỗ cho, mà học-trò trường ấy cũng gắng sức tiến lên con đường tinh-sảo, chắc càng ngày càng lắm nghề khéo mãi lên vậy.

Trời deo hạt mưa xuống rất mau, tôi cùng người anh em bạn đi dảo bước ra về, tạt qua một lều Mèo-đen nữa, để cùng nhau hút thuốc lào, thấy có cái bàn thờ nhỏ, có hai câu dối hai bên cửa khám thờ rằng :

Mang tiếng mèo đen nhưng dạ đỏ.
Đã từng trên núi lại đồng bằng.

Hỏi ra mới biết của một ông đồ người Mèo-đen làm, nghe cũng có ý-vị thay! Trong cái lều ấy bước ra, từ-giã người bạn thân rồi mỗi người một ngả, tôi trở về nhà. Chỉ tiếc rằng mình xuống gặp cái khu nhà chứa các đồ Nam-kỳ và Trung-kỳ đóng cửa! Hôm trước nhìn qua chưa được kỹ lắm.

Tôi lên xe về, cái cảm-giác của tôi nó nồng-nàn vô-hạn, mỗi một chỗ tôi xem là một lòng mừng, lòng mong, lòng ao-ước. Về vấn-đề thực-nghiệp nước ta còn kém cỏi quá, ngày nay mới được ít nhiều tranh-cạnh với đời trong đam thị-trường, còn phải mong mỏi ước-ao cho được thêm lên thời mới hòng cái cuộc kinh-tế nước mình phát-đạt được. Trong cái Hội-chợ Hà-nội này, quan Toàn-quyền SARRAUT mở ra cũng là để cho đường công-thương nước mình nhờ đó mà tăng-tiến lên, ngài họp hết các hạng người trong xứ ta lại cho quen thuộc nhau, giao-thiệp với nhau, để dễ đường mậu-dịch sau này. Cái ích-lợi Hội-chợ ai ai cũng dã rõ. Nay tôi là người thăm cảnh gọi có vài lời tả-cảnh tả-tình để giãi cùng bạn [illegible]. Ước rằng mỗi năm rồi lại mở [illegible] chép bài kỷ-thuật chơi Hội-ch[illegible] một khác đi. Cái đó là ở sự tiế[illegible] nhà thực-nghiệp vậy. Viết [illegible] đâ[illegible] là hết, xin nhắc lại rằng: quan [illegible] quyền SARRAUT hiện nay bệnh-[illegible] gần bình phục rồi. Quốc-dân n[illegible] ao!

Hano[illegible] Décembre 1918

NGUYỄN MẠNH-BỔNG

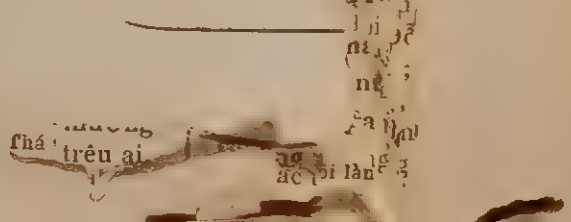

LỜI CÔNG-LUẬN VỀ CÁI THƠ THẦY NG.-H.-V.

Bản-báo lại mới tiếp được cái thơ sau này ở Huế gởi ra, xin cũng y nguyên-văn mà đăng cho rộng lời công-luận

Thơ « cực chẳng đã » hỏi Nam-Phong

Cực chẳng đã nghĩa là thôi không muốn nói ; nhưng nói chẳng lẽ thôi ; vậy phải có mấy lời, xin ngỏ lại *Nam-phong* thử.

1° *Nói cho sáng thể-lệ.* — Thể-lệ nước mình, xưa nay đều dùng chữ Hán cả ; hịch đánh Nguyên đời Trần, cáo bình Ngô đời Lê, buổi chữ Hán thịnh mà quân Tàu, phải thua, vẫn đà có nghiệm. Đến lúc Thánh-triều mới mở nước, phong ông Bách-đa-Lộc, tước là Bi-nhu Quận-công (悲柔郡公), mà văn tế cũng dùng chữ Hán ; phong chúa tàu Long, chúa tàu Phụng là Quận-Chấn, Quận-Thắng (阮文震, 阮文勝), mà đặt tên cũng dùng chữ nho ; giao-thiệp với quí-quốc còn làm vậy, huống là trong nước. Đức Hoàng-đế trên nối nghiệp xưa, ngoài đôn lân-nghi, nhơn hiếu rạng nghe bốn bể, ân tín rộng khắp muôn phương ; nên Chiếu Dụ giữ lệ thường, chính là khuyên [illegible] nhơn-tâm phong-tục đó. Mới rồi D[illegible]ng mộ binh, mà đầu đơn như chớp [illegible] quyên quyên trái, mà phun b[illegible]a, biết lòng dân ngày nay. c[illegible]ng dân ngày xưa, nên thể-lệ bây [illegible]ải theo thủa trước.

Thơ nó nói muốn thươ[illegible]ng trong nước, thời cứ lẽ chun[illegible] bác, theo chuyện phải mà bàn ; s[illegible] dám nói ngược, nói ngang, không[illegible]-nhường, nói vô-phép ! Nếu bảo rằn[illegible]y giờ dư-luận tự-do, ai muốn nói r[illegible] thời nói ; nhưng nói những câu nga[illegible] trái, chẳng là hư-hại nhơn-tâm lắm h[illegible]ao ? Nhơn-tâm hư mà có lẽ văn-mi[illegible] Nếu bảo rằng nó là người [illegible] chi cũng chẳng làm chi, thời thơ nó gởi đăng báo, vậy ra cả Trung-kỳ Bắc kỳ, sao nó dám nói đến quá lời, coi trời như lá má ? Nó đã không kính-nhường với trong nước, còn biết kính-nhường với bề ngoài nữa đâu ? Luật bất-kính đã rõ-ràng, tưởng nên xin tòa án Nam-kỳ nghĩ-xử.

2° *Nói cho tỏ lòng dân.* — Lòng dân nước mình, xưa nay lấy cương-thường làm trọng, gã Ngô vô-lễ, sao hầu ngự biết vác gạch mà quăng ? Chú Chiệc làm xằng, sao chị Đào biết bỏ thùng mà nhận ? Bởi vì, tấc cỏ ngọn rau, ơn vua lộc nước, bụng tôn thân ai cũng như ai, chẳng những Trung-kỳ Bắc-kỳ mà thôi, chớ cả Nam-kỳ nữa cũng thế. Xem như Tam-hùng nghĩa-khí, Lục-tỉnh trung-thành, tiếng-tăm còn rực-rỡ sử xanh, ai mà chẳng tai nghe mắt thấy. Mãi cho đến bây giờ, những người ra làm việc, cũng nhiều kẻ ăn ngay nói thiệt, giữ nết gìn lời, chẳng phải mến đức Triều-đình dạy nuôi, nhờ ơn Bảo-hộ dìu-dắt, mà được như thế hay sao ? Há có một ai mà ăn nói như cái thơ nó hử ? Nếu nó không biết chữ ; thời nó chỉ nói lấy mình nó, sao nó dám vu cho cả Nam-kỳ ? sao nó lại vu đến cả những bậc Cao-đẳng nữa ? vu mà đến nỗi ra rứa, tưởng Nam kỳ là một xứ lòng trung khí nghĩa, cũng nên nghĩ phạt cho nghiêm.

3° *Nói cho thấu gốc tiếng.* — Nước mình hơn mấy ngàn năm nay, ăn ở cùng nhau, [illegible] lời nhau, dẫu những lúc chưa [illegible] Tàu, như buổi Lạc nối Hùng

truyền, sao biết phân giống Rồng giống Tiên ? sao biết gởi xin gươm xin ngựa ? Dẫu những người chưa học chữ Hán, như những hạng đàn-bà con trẻ ; sao người này nói, người kia hiểu ? Sao xứ này nói xứ nọ nghe ? Tự thủa lọt lòng cha ra lòng mẹ, đẻ người mà tiếng cũng đẻ theo ; về sau ăn thời vóc, học thời hay, giữ tiếng mà hồn cũng phải giữ. Thơ nó nói : thương tiếng mẹ-đẻ, chỉ biết có mẹ, sao chẳng biết có cha? Đặt tiếng « sao đất », chỉ biết có đất, sao chẳng biết có trời ? Bảo ông Trương Vĩnh-Ký dựng hồn cho tiếng mình, thời buổi ông Trương Vĩnh-Ký chưa sinh, hồn tiếng mình bởi đâu mà dựng ?

Ờ ! Ờ ! Nêu cột-đồng ai dựng, lạch quynh sắt ai đào, cát lấp sóng vùi, hồn Mã-Viện Cao-Biền sao vắng vẳng ? Tháp Đồ-bàn còn kia, thành Ăng-cô còn nọ, sương che rêu phủ, hồn Chiêm-thành Chơn-lạp biết đâu đâu ? Buổi ông Lý-Thường-Kiệt đánh Tàu, hồn ai ngâm bên thuyền sông Nguyệt ? Lúc ông Trần-Hưng-Đạo giết Chệc, hồn ai vùa chơn ngựa trước lăng thế chớ ? Đều chẳng cần bác từng câu từng đoạn làm chi thêm phiền ; chỉ một đoạn nó nói đến Bề-Trên, mà quí-báo có chấm đi hai khúc, chua vào mấy hàng ; thời không nói không được. Hỡi ơi! chấm, chấm chấm ; chấm bao nhiêu lại tím gan bấy nhiêu. Hỡi ơi ! chua, chua, chua ; chua chừng nào lại đau lòng chừng nấy. Nó nói đau lòng súng súng nổ, đau lòng gỗ gỗ kêu, chớ nào nó có đau chí đâu ? Chỉ làm cho người ta thêm đau đớn ! thêm dận-giụi ! nổi tức-tối ! nổi buồn-rầu ! Vậy phải mượn ngòi bút Xuân-thu ra tay phủ-việt.

Nam-phong ôi ! Nam-phong ôi ! đã đăng thơ nó, xin đăng thơ tôi ! kẻo thôi không muốn nói, nhưng nói chẳng lẽ thôi : một muốn cho sáng thể-lệ, hai muốn cho tỏ lòng dân, ba muốn cho thấu gốc tiếng mình, nên « cực chẳng đã » mà phải nói.

Nam-sơn NGUYỄN NHƯ-NÔNG

* * *

Lại đọc thấy trong Lục-tỉnh-tân-văn *ở Sài-gòn một bài của ông* CHU LĂNG-VÂN *cũng bàn về cái thơ thầy* NG.-H.-V., *xin trích ra và đăng sau này.*

Từ từ lời nói

Tôi coi trong *Nam-Phong* số 16, cái thơ ngõ của ông Ng,-h.-V. người Nam-kỳ, bài-bác cái lối của ông Phạm-Quỳnh nói nhiều chữ nho quá, lá thơ ấy mới coi ở đầu thời phải bật cười, sau xem xuống gần hết cái thơ, thời mới rõ rằng ông Ng.-h.-V. có tư-tưỡng rộng, có trí-thức cao, song chĩ tiếc ông nói khí giài lôi-thôi quá, và trong lòng ông hơi nóng-nảy, thương nòi giống, thương tiếng nói của mẹ quá cho nên ông hầm-hầm cầm bút viết cũng chẳng nghĩ chi đến tiếng thô-tục, tiếng nôm-na và cũng không xét lại cái thơ ông viết có còn sót chữ Chệc vào không. Mới mở đầu lá thơ của ông đã thấy nhiều chữ Hán rồi.

Tô[illegible]-tưởng ông Ng.-h.-V. hãy xét lại [illegible] cái thơ ông viết đó thời ông hiể[illegible] cái chữ Hán nó đã in vào óc con [illegible] mấy ngàn nam nay, có nh[illegible] đã thành ra hẳn tiếng ta rồi, [illegible]n-bà con nít và những người [illegible] học chữ Tàu bao giờ, cũng h[illegible] nên quen miệng và cũng không [illegible]hản-đối làm gì, để vậy cũng là [illegible]iêm ra.

Có m[illegible] rằng ông Chủ-bút Nam-Phong [illegible] khi nhiều chữ Tàu thiệt, bọn Tân[illegible] ta, có lúc coi cũng tức mình ; là[illegible]ng coi phải ngừng lại mà nghĩ hoặ[illegible] phải coi tự-vựng, song tức thời tức [illegible] cũng phải ném xuống mà [illegible] chút để sau tiếng của

minh đặng thêm nhiều ra, ông cứ khăng-khăng rằng không phải mượn tiếng ngoài thời không được, sao như tiếng Đại-Pháp là một thứ tiếng rất rộng hơn cả toàn-cầu mà còn mượn tiếng La-tinh, Hy-lạp ; dịch một quyển Cách-trí, Hóa-học, như những chữ : *Oxygène* chữ Tàu là *dưỡng-khí*, *azote* là *đạm-khí*, *sulfate de potasse* là *Hôi-lưu-dưỡng*, *carbonate de potasse* là *Hôi-thán-dưỡng*, vậy mà ông nói dịch nguyên tiếng Annam thời dịch sao được.

Còn những tên tỉnh, tên xứ như là Washington, Sàigòn mà dịch theo tiếng Tàu là Hoa-Thịnh-Đốn, Tây-Cống thời cũng khó nghe thiệt.

Vậy cứ như ý ngu của tôi, nên dùng tiếng Langsa mà dịch theo ra tiếng ta thời hơn, còn những tiếng nào, mình đã dùng quen chữ Tàu rồi cứ để y nguyên cũng không hại gì.

Nước ta đương lúc thời-đại đổi cũ thay mới phân-vân, cách ăn bận, cách ăn nói, cách viết thơ từ cũng còn hỗn độn quá, ngồi lẫn-thẫn một mình nghĩ lại hổ người một mình ; đã như có một người ngoại-quốc thấy cách mình nhố-nhăng như vậy cũng phải tức [illegible].

Không cái gì khó coi bằng : [illegible] đội mủ Tây, chơn mang giầy [illegible] hận cái áo Annam giải lư[illegible]

Còn khi viết thơ, trên [illegible] *Mon cher ami*, ở giữa nói bằng [illegible] uốc-ngữ, đâm pha thêm một vài [illegible] *moi, toi, vous*, rồi sau hết *Bien à* [illegible] lại là khó coi nữa.

Nếu cứ xét mãi như vậy [illegible] còn thiếu gì chuyện, song tôi tu[illegible] rằng để sửa lại lần lần mới được, [illegible] nhứt-dán mà bắt sửa ngay, tôi e kh[illegible] xong, vì xưa kia mình đã bị anh đui là anh Tàu dắc mình vô trong xó tối đã bao nhiêu năm rồi, bây giờ mình mới được nhờ ơn Đại-Pháp cầm cái đuốc giọi sáng dắc ta ra khỏi chỗ tối tăm mà đưa ta đến chỗ văn-minh.

Nhờ cái đuốc sáng giọi cũa bảo-hộ đó, ta mới biết, mới ngó lại chỗ củ là chốn Địa-ngục.

Nhân dịp được cái ánh sáng của quan thầy mà các ngài muốn hốp tốp đi cho mau tới nơi, tôi sợ có khi vấp, vậy không gì bằng lần lầu bước tới, đi bước nào chắc bước ấy còn hơn.

Một quyển *Télémaque* là một quyển khó dịch ra tiếng Annam thay mà cái tài ông Nguyễn-văn-Vĩnh cũng khá khen, đã công-phu, khổ-tâm mà tìm tòi, moi móc tiếng Annam mà dịch nổi. chớ có phải là người biếng mà mượn chữ Tàu đâu. Xét cho kĩ thời ông Ng.-h.-V. chớ có nên trách ông Quỳnh vội.

Vậy thời ông Quỳnh nên lấy lẻ công bằng, lấy các lời ích chung. mà nghe một chút xiếu người đồng bang Nam-kỳ mà đặt thêm làm gì những tiếng chữ Tàu mà ta có thể nói tiếng Annam được như là tiếng *Bác-lảm-hội*, mà tiếng ta có tiếng là *hội Đấu-xảo* ; tiếng *Báo-phục*, ta có tiếng là *báo-thù*, *trả thù*, rồi thời có phải ai ai cũng hiểu không ?

Tôi là người ở giữa, tôi viết bài này không có ý bài bác ông nào cả, cứ lẽ công bằng, cứ lẽ tự nhiên mà nói, còn những câu dư-luận cao xa, xin nhường các bậc cao minh xét nghỉ,

CHU LĂNG-VÂN

(Lục-tỉnh Tân-văn, 28 Novenbre 1918)

TIỂU-THUYẾT MỚI

Bản-báo mới tiếp được bài tiểu-thuyết sau này của một sinh-viên trường Cao-đẳng-sư-phạm (Ecole supérieure de Pedagogie). *Cách đặt-để, lời tả-thuật cũng đã khéo và hệt được như lối tiểu-thuyết mới ngày nay. Bản-báo rất vui lòng đăng ra đây để khuyến-kích các bạn trong học-giới nên ra công tập-luyện cái lối văn mới ấy, sau này tất giúp cho quốc-văn được nhiều.*

Đại-khái bài này dùng lối tả-chân, hoặc tả cảnh, hoặc tả tình, hoặc tả cái cách ăn nói đứng ngồi của người trong truyện, đều vụ lấy cho hệt như thực, hệt như là việc có hiển-nhiên. Tuy nhiều chỗ còn hơi rậm bút một chút, như những đoạn mấy người than khóc với nhau khi thảm quá, nhưng đại-để cách dàn bài đã khéo lắm, kể thuật có từng có lớp, tình nào hợp cảnh ấy, và có cái ngu-ý cao xa.

Ý truyện là muốn tả cái cảnh khổ dân đàn em bị kẻ đàn anh trong làng áp-ức, nhà nước sức lấy người tình-nguyện mà bọn đó thường đi cưỡng bắt người ta, dè những người yếu vế, những nhà con một thì gọi đến, lắm khi làm tan-hoang cả cửa nhà người ta. Tình-cảnh đó quan trên thường không biết đến. — Tác-giả nói việc trong truyện này là chính tác-giả đã được mục-kích.

PH. Q.

Cái oan càng nghiệt mối tình càng to

Ở đầu làng kia có một nhà nho nhỏ, mái tranh tả tơi, cửa phên thủng nát ; trước cửa có giàn mướp đã tàn, đằng sau vài cây chuối lơ phơ, mấy tầu lá rách ; chung quanh những ao cùng ruộng yên lặng như tờ. Trông thật là nơi ủ-ê, lạnh-lẽo, buồn tanh ; khách qua đương thường không ai nhìn đến ; mà có nhìn đến cung bảo là cái lều tranh của người cầy thuê cấy mướn gì đây : trông cảnh nghèo hèn mắt thường ai chẳng đoán ra người trong cảnh cùng nghèo hèn.

Một hôm trời gần tối, trông mặt người đã nhọ, có một người đàn ông, ở nẻo sóm trong đi về. Trông chạc mới độ hai mươi lám hai mươi sáu tuổi ; người tầm thước nhưng mảnh rẻ : mặt mũi nhã-nhặn, mà ăn mặc ra lối nông-phu. Trông nét mặt hầm hầm như tức bực, hai chân bước thật nhanh như vội việc gì. Bước vào đến ngõ đã thấy có bóng người đứng đợi, hình như vợ ẵm con đang đứ[illegible] trêu ai [illegible] « — Sao đấy anh ? — Hông [illegible] rồi ! »

Liền lúc ấy lại có tiếng bà cụ trong nhà hỏi ra : « — Sao con ? Con có phải đi không ? Không việc gì chớ ? ... » Bà cụ lật-đạt bước ra vừa đi vừa hỏi ; anh ta trông thấy liền đỡ tay mẹ dắt vào và bảo vợ [illegible] đen.

[illegible] ! mẹ ngồi xuống đây. » Bà cụ [illegible] việc không lành, chân tay run [illegible] rời sốt rét, vội vàng ngồi xuống gi[illegible] cầ[illegible] lấy tay con, mà hỏi rồn : « — [illegible] ? con phải đi à ?.. Con phải đi u[illegible] Người vợ vừa ẵm con vừa đi t[illegible], vội vàng lên châm đèn rồi đứng [illegible] chồng, mặt thì xanh nhợt như ngườ[illegible] vía. Anh ta trông mẹ trông vợ trông [illegible] là thở dài : như oan-ức, như thảm [illegible] như đau từng đoạn, như ngất từng [illegible] muốn nói mà không ra tiếng, muốn [illegible] mà không ra hơi. Cứ trông nét m[illegible] nh ta nhợt như chết đuối, nước mắt ứ[illegible] ư muốn tuôn ra, thời cũng đủ [illegible] lòng đau đớn thế nào, cái cơn [illegible] hảm là dường nào. Anh ta vừa

khóc vừa nói : « — Mẹ ơi, làng đã cử phải con rồi, quan phủ đã chấm rồi, con kêu mãi không được, mà đến mai con đã phải đi rồi. Thôi mẹ ơi, rồi đây mẹ không thấy mặt con, con không được nhìn mẹ nữa ... » Anh ta nói đến đấy, ức lên mà không nói được. Bà mẹ run lật đật gọi con : « Con ơi ! ... Con ơi ! ... — Này mẹ ơi ! ông Trời hại mẹ con ta cho đến nỗi nào ! Cha con mất đi tự bấy, được mỗi mình con ; nhà thì nghèo, con thì dại, họ hàng chú bác không ai nhìn nhận. Bới đất nhặt cỏ, mẹ đã từng bữa cháo bữa rau mà nuôi cho con nên được thế này. Nhà nghèo khổ, con phải xếp cái nghiên cái chạp của cha con để lại mà mang cái cày cái cuốc ra đồng, cày cấy cho người để kiếm bát gạo về đỡ mẹ nuôi vợ nuôi con. Cam phận cơ-hàn con đã mừng trong nhà yên ổn. Lúc sớm khuya, mẹ mẹ, con con, bà bà, cháu cháu, vợ vợ, chồng chồng, mong đem chữ hiếu-thuận hòa-hợp làm vui, dâu lưng rau dìa muối cũng là ngon là ngọt. Mặc miệng đời hay dở khen chê, tương trời đã danh riêng cho chữ an-bần. Ai ngờ vận cùng chưa hết, cơ cực còn đến nỗi nay, khiến cho con lìa mẹ, chồng lìa vợ, cha lìa con. Ôi ông Trời ôi ! mẹ già, vợ dại, con thơ, từ đây biết trông cậy vào ai. Ông Lý ơi, ông Lý ơi, nông nỗi này ông đã thóa c[illegible] ông ăn ở thế con trời đất nào! [illegible] nghe con nói bấy nhiêu điều, nư[illegible] tuôn như mưa ; giận ứ [illegible], không sao nói được, kêu [illegible] : « Ôi Trời đất ơi ! ai làm [illegible] nỗi này ! » Rồi bà cụ rũ ra mà [illegible] nằm phục xuống giường. Tiếng kh[illegible] tiếng kêu ấy, tưởng se được may t[illegible] tung lên đến tận trời. Ai ở [illegible], dẫu sắt đá cũng phải chuyển [illegible] người nghe thấy hỏi ai làm thinh ch[illegible]?

Anh ta thấy mẹ nhọc, khuy[illegible] mẹ nằm nghỉ ; rồi ầm lấy con, trôn[illegible] mặt vợ, nước mắt chứa chan, mà [illegible] rằng : « Mình ơi, tôi tưởng vợ chồng [illegible] trăm năm duyên kiếp, nghèo cũ[illegible] khổ cũng có nhau, ai ngờ lấy nhau chưa được ba năm, được một chút con vừa mới biết ngồi. ăn ở với nhau đã được bao lâu mà đã phải lìa nhau ! Rồi đây tôi lênh đênh mặt bể, thui thủi quê người. Nào biết khỏi phong ba vùi dập, chắc nào qua hòn đạn mũi tên : mai tôi đi ấy là ngày tôi chết. Thôi mình ơi ! duyên phận nhỡ nhàng, tôi đành phụ bạc với mình, thân tôi nào quản đáy bể chân trời, tôi còn chút mẹ già cậy mình thờ phụng : mình nuôi lấy con, giòng giõi tôi còn có đấy. Mình ơi. chữ tòng phu tòng tử mình có ngại nào, Lòng tiết-hiếu Hoàng Thiên nào phụ. mai này trời hẳn đền công. Thôi mình ơi, kiếp này đã nhỡ, kiếp sau xin thề chẳng dời nhau ! » Vợ nghe chồng nói, tưởng như ruột đứt ra từng đoạn, ngồi rũ xuống đất, nắm lấy tay chồng mà khóc, khóc nức nở mà không biết nói làm sao. Bà mẹ thấy vậy cũng ôm lấy con mà khóc. Ôi cảnh mới thảm sao ! Một mẹ, một chồng, một vợ, một con, bốn khúc ruột một lưỡi dao băm cứa ; thổn thức như mưa ngâu sùi sụt, rền rĩ như rế khóc mùa đông, tơi bời như cánh hoa tàn, ủ rũ như cây phải lửa. Này cùng lúc đêm khuya, người trong lầu son, trên nệm gấm, có ai tưởng đến cảnh sầu-bi kia trong giữa cánh đồng mù mịt ; có ai nghe thấy mẹ con kia vợ chồng kia trong cái lều tranh lạnh lẽo, đang than thân khóc khóc nỗi cơ-hàn, tình ly-biệt ấy không ?

Sáng hôm sau, trời chửa rạng đông, phu tuần đã đến kèm thúc đi rồi ; thôi vội vàng quan tiền mảnh áo, bát gạo nắm cơm, vợ bòn nhặt bỏ vào khăn gói cho chồng ; rồi chồng sách gói, mẹ trống gậy, vợ ẵm con, kẻ trước người sau theo ông lý chầy lính ra tỉnh. Giọt lệ rắc đàng, trông nhau mà khóc, tưởng chi đến đường dài mỏi mệt, thiết gì đến hớp nước miếng cơm. Khốn nạn kia ai đưa ai đi đâu mà một người đi, năm bảy người [illegible] theo sau, người giục đi như [illegible] sau lẽo đẽo. Chỗ gọi con

chỗ khóc chồng ; hấp tấp như chạy lụt, kêu ca như bị bắt. Khách bộ-hành ai là chẳng nhìn trông, ai là không ái ngại. Lên đến tỉnh, người càng đông, cái thảm-sầu lại càng thêm ngao-ngán. Mỗi người một vẻ đau, mỗi người một vẻ khổ, chẳng ai giống ai mà ai cũng như ai. Tưởng cái sầu chung mấy nghìn con người kia nhôn-nhao, ngơ-ngác, đã xông lên đến cửu-trùng mà ông Trời cay-nghiệt dễ cũng phải rỏ nước mắt ra mà khóc.

Lúc tuyển lính xong rồi, quan cho đòi từng người hỏi muốn để tiền bồng lại cho ai thì gọi vào để quan biên phát. Cửa trại lính lúc bấy giờ người đông như kiến, chen chen đẩy đẩy, khóc khóc kêu kêu, trông rõ thật là tội-nghiệp.

Người vợ kia đang ẵm con đứng với mẹ mắt đỏ hoe, mặt xanh ngắt, chợt nghe thấy gọi tên mình, chao con cho mẹ mà chen vào. Vào tới nơi, thấy chồng đang đứng. Ông quan ba cầm cọc bạc đủ mười tám đồng đưa vào tay cho người vợ. Chị ta tức giận, ném nắm bạc xuống đất loảng-soảng tứ-tung, rồi hai tay ôm chặt lấy chồng, kêu trời kêu đất mà bảo ông quan ba rằng : « Bạc ông tôi trả ông, chồng tôi ông trả tôi ! Chồng tôi còn mẹ già con giại ông nỡ bắt đi ư ? » Ông quan ba vốn hiểu tiếng ta, khuyên-giải không được, vả cũng thương tình, bèn sai người nhặt lấy bạc mà thải người lính ấy về và xin từ cách lý-trưởng làng ấy sao được ép uổng con em ..

Khen thay thực cũng nên danh : *cái oan càng nghiệt mối tình càng to.*

Mẹ con thế mới là mẹ con, vợ chồng thế mới là vợ chồng. Giầu mà chi, quyền mà chi ! Kẻ phi-luân sao không hổ ?

HỒNG-GIỊM

Học-sinh trường Cao-đẳng Sư-phạm

Hai bà Trưng

(**Điệu Tố-trung-tình** 訴衷情)

Phấn son tô vẽ nước non ta,
Muốn thửa tiếng hai bà.
Cứu nạn nước trả thù riêng,
Quét sạch lũ gian-tà.

Đuổi Tô-Định,
Đánh Phục-ba,
Thế mới là.
Anh-thư thao-lược,
Giỏng tướng nòi tiên,
Một chị em nhà

SONG-KIM

Bà Triệu-Ẩu

Điệu « Bồ-tát-man » 菩薩蠻)

...ng môi son cùng má phấn,
...i không hay chữ công-phấn.
...ợ ... ngọn cờ nương.
...hi ... cũng bồng-tang.

... là dân Giao-chỉ,
... để quần Ngô thế,
風 ... vủ gành non sông,
... tỏ giống anh-hùng.
寒

T... ÁI-HOA

Kỳ này nhiều bài quá, bài du-ký Nam-kỳ xin để kỳ sau sẽ đăng nốt.

THỜI-ĐÀM

VIỆC LỚN TRONG THẾ-GIỚI

Bản-báo định từ nay dùng lối nhật-ký để chép các việc lớn trong thế-giới ở mục Thời-đàm này. Vậy mỗi tháng cứ theo thứ-tự ngày mà lược-dịch ra đây các điện-tín quan-trọng, để tập thành như một bộ « Thế giới-đại-sự-ký », giúp cho các nhà khảo cứu sau này. Những bài nghị-luận thì đăng ở các phần trên. — Kỳ này bắt đầu tự trung-tuần tháng 11 đến 20 tháng 12 năm 1918.

18 tháng 11. — Điện Paris: Vua nước Anh GEORGE V và hai ông Hoàng-tử tới Paris. Vua tới thăm nước Pháp là lấy cái tư cách làm tổng-tướng các quân-đội nước Anh, nên không có quan Nội-các Anh nào đi hộ-giá, và nước Pháp đón tiếp cũng lấy thuần lễ nhà binh. Vua và hai hoàng-tử sẽ đi thăm các hàng trận.

— . — Quan Thống-tướng FOCH tiến quân vào thành Strasbourg (ở châu Alsace).

— . — Vua Đức ký tờ thoái-vị (*acte d'abdication*) ở Ameranger, xin bỏ ngôi vua nước Phổ (Prusse) về nước Đức (Allemagne).

30 tháng 11. — Điện Washington: Bộ sứ Mĩ sang dự hội nghị-hòa ở Paris sẽ có các quan như sau này: Quan Giám-quốc WILSON làm chủ, quan ngoại-tướng LANSING, quan đại-tá HOUSE, quan WHITE và quan tướng BRISS.

1 tháng 12. — Điện Paris: Quan tổng-lý Nội-các Pháp CLÉMENCEAU, qu[illegible]-tướng Pháp FOCH, hai quan thượng-th[illegible] L'A[illegible]NDO và SONNINO tới Londres để th[illegible]uyết trước với Chánh-phủ Anh [illegible] việ[illegible]hòa.

4 tháng 12. — Điện Wa[illegible] mới chế được một kiểu tàu bay đi tr[illegible]ước (*hydrophane*), lớn nhất cả trong th[illegible]ở được năm mươi người, chạy bằng h[illegible]áy động-cơ (*moteur*) mỗi cái mạnh mộ[illegible] hai trăm mã-lực (*chevaux*), và đi mau n[illegible] một trăm hai mươi cày-lô-mét.

5 tháng 12. — Điện Lyo[illegible] Quốc-trái thứ tư của nước Pháp được c[illegible] là 27 ngàn triệu 2 vạn 5 nghìn quan tiền t[illegible] *7 milliards 25 mille francs*), hơn cả các kỳ trước, như năm 1915 được 15 ngàn triệu, năm 1916 được 12 ngàn triệu, năm 1917 được 14 ngàn triệu.

— . — Điện Paris: Vua ALBERT nước Tỉ (Belgique), Hoàng-hậu ELISABETH và Hoàng thái-tử LÉOPOLD tới Paris.

7 tháng 12. — Điện Strasbourg: Quốc-hộ (*Assemblée nationale*) của hai châu Alsace-Lorraine tuyên-ngôn rằng hai châu ấy có quyền được đòi sáp-nhập về nước Pháp, quyền ấy là quyền quyết-định, không ai nghị-luận vào được

8 tháng 12. — Điện Paris: Quan Giám-quốc POINCARÉ cùng với quan Nghị-trưởng Thượng nghị-viện DUBOST, Nghị trưởng Hạ nghị-viện DESCHANEL và quan Tổng-lý Nội-các CLÉMENCEAU, tới thành Metz là thủ-phủ châu Lorraine. Ba quan thống-chế (*maréchaux*) FOCH, JOFFRE, PÉTAIN nước Pháp, quan đại-tướng DOUGLAS HAIG nước Anh, quan đại-tướng PERSHING nước Mĩ ra nghênh-tiếp. Quan Thống-chế FOCH dâng lời mừng. Quan POINCARÉ đáp lại cám ơn và nói rằng cứ xem như cách nhân-dân đón tiếp quân Pháp thì biết rằng lòng dân hai châu Alsace-Lorraine vẫn luyến-ái Mẫu-quốc. — Nhân tướng PÉTAIN mới được thăng chức thống-chế, ngay nơi duyệt-binh quan POINCARÉ làm lễ trao cái trượng thống-chế (*bâton de maréchal*) (1) cho ngài.

— . — Điện Lyon: Quan Giám-quốc THOMAS MASARYK của dân Tchéco-Slovaques tới Paris. — Xét dân Tchéco-Slovaques là một dân hơn 10 triệu người thuộc quyền nước Áo tự năm 1620, ngày nay nhân việc chiến-tranh mới thoát-li được quyền áp-chế của Áo và tuyên độc-lập, dựng thành một nước

(1) Chức Thống-chế (*mare*[illegible]) là chức cao nhất trong nhà binh Pháp, được cầm cái huy-hiện riêng gọi là cái « trượn[illegible]ống-chế » (*bâton de maréchal*). Chức ấy ở nước Pháp từ năm 1870 không ban cho ai cả. [illegible] này mới có ba quan đại-tướng JOFFRE, FOCH và PÉTAI[illegible] đặc cách thăng chứ [illegible]ấy.

dân-chủ, Đồng-minh đã từng công-nhận. Quân Thomas Masaryk nguyên dạy triết-học ở trường Đại-học Prague, là thủ-đô nước Tchéco-Slovaques, tự năm 1915 đã được dân bầu làm chủ Quốc dân-nghị-hội (*conseil national*), nay hiện đương ở Washinghon lại được tín hội cử làm giám-quốc, bèn tự Mĩ qua Anh, rồi qua Pháp, để thương-thuyết mọi việc, rồi về nước lập chánh-phủ mới. Tới đâu cũng được tiếp đón long-trọng lắm, vì các nước đều có lòng yêu mến một dân đã phải chịu khổ áp-chế trong ba trăm năm, tới nay mới được tự-do và độc-lập.

9 tháng 12. — Điện Paris : Quan Giám-quốc Poincaré tới Strasbourg, là thủ-phủ châu Alsace. Các tướng Đồng-minh và cả nhân-dân nghênh-tiếp long-trọng lắm.

10 tháng 12. — Điện Paris : Quan Giám-quốc Poincaré tới thăm Colmar và Mulhouse là hai tỉnh lớn ở châu Alsace.

14 tháng 12. — Điện Paris : Quan Giám-quốc Wilson tới Paris-Dân Paris nghênh tiếp một cách cực long-trọng. Tới vào 10 giờ. Quan Giám-quốc Poincaré, quan Tổng-lý Clemenceau ra đón, mời về trọ ở dinh của Vương-tước Murat khi xưa. Bữa trưa xơi cơm ở điện Elysée (là dinh quan Giám-quốc Pháp), có 2 trăm các quan dự tiệc. Quan Giám-quốc Pháp đọc lời mừng và cám ơn cả quân dân nước Mĩ đã hết sức giúp nước Pháp và giúp Đồng-minh. Quan Giám-quốc Mĩ trả lời nói rằng ngày nay đã chiến thắng cần phải nghị hòa thế nào cho sau này không nước nào dám phạm-ác như nước Đức nữa.— Tòa Hội-đồng thành phố Paris nghị tặng quan Giám-quốc Wilson cái chức « công-dân thành Paris » (*citoyen de Paris*). — Trường Đại-học Paris tặng ngài chức « danh-dự-tiến-sĩ » (*docteur honoris causa*) về văn-khoa và luật-khoa.

— .— Điện Paris. : Hội-đồng đình-chiến quan Thống-chế Foch làm chủ đã ký tờ ước tăng hạn đình-chiến đến ngày 17 tháng giêng năm 1919 (hạn trước tự ngày 11 tháng 11 đến ngày 14 tháng 12 là hết). Hết hạn sau đó nếu các chánh-phủ Đồng-minh có thuận thì lại tăng cho đến ngày bắt đầu nghị-hòa xong. — Ước đình-chiến có phụ thêm một cái ước về tài-chánh nói rằng nước Đức muốn dùng tiền bạc, giấy bạc hay là « giá-phiếu » (*valeurs*), hoặc ở trong nước hoặc ra ngoài nước phải có Đồng-minh thuận-nhận mới được.

15 tháng 12. — Điện Paris : Quan Giám-quốc nước Bồ đào (Portugal) Sidonis Pais bị thích-khách bắn súng lục chết ở kinh-đô Lisbonne. Quan Hải-quân tổng-trưởng Canto Castro được bầu lên thay.

17 tháng 12. — Quan Thống-chế Joffre được nghênh-tiếp vào chàn hội Hàn-lâm (*Académie française*). Trong bài diễn-thuyết ngài cám ơn hội và nói rằng hội đã bầu ngài là có ý lấy ngài là đại-biểu cả nhà quân Pháp mà muốn tỏ lòng yêu mến cả nhà quân Pháp.

18 tháng 12. — Vua nước Ý Victor Emmanuel III tới Paris thăm quan Giám-quốc Pháp [illegible] thêm cái tình thân-mật hai dân Đồng [illegible] rồi ra hàng trận duyệt các quân Ý ở [illegible]

VIỆC TRONG [illegible]ƯỚC

Quan Toàn-quyền Sarraut bị thích-khách. — Trong tháng này có sảy ra một việc làm kích-động cả nhân-dân trong suốt cõi, là việc quan Toàn-quyền Sarraut bị thích-khách bắn bằng súng lục ngày 15 tháng 12 hồi ngài ra chủ lễ khánh-thành hội chợ Hà-nội. Các nhật-báo đã kể tường đầu đuôi cái việc đại-ác ấy, và chỉ tên ác-phạm cho thiên-hạ thóa-mạ. Tên đó là một người Tây tên là Desvignes, nguyên [illegible] biện ở tỉnh Hà-đông, nhân việc [illegible] tự lấy làm oan-uổng, đem lòng oán-g[illegible]n Nhà-nước, đ[illegible] lần viết giấy viết thơ nói bậy bạ đến c[illegible] to trong xứ, rồi mà đến lập-tâm phạ[illegible] rất hung-ác đó. Bữa ấy quan Toàn-qu[illegible] với các quan thủ-hiến vừa bước vào [illegible] chợ, kèn thổi mừng chưa dứt tiếng, thì [illegible] Vignes đứng bên chạy xổ ra chĩa súng [illegible] bên người quan Sarraut mà bắn một [illegible], rồi quăng súng ra, lủi vào trong đám [illegible] đông để chẩn-chộn trốn. Việc [illegible] thế, người chung quanh không [illegible] lần [illegible] quan đi sau quan Toàn-quyền [illegible] [illegible] quan nào biết. Duy có quan

Nguyên-soái Leblois đi cạnh ngài, trông thấy tên ác-phạm lùi về chạy ra nắm chặt lấy, rồi hô linh cảnh-sát bắt. Trong lúc bấy giờ thì quan Toàn-quyền còn đi được mấy bước, rồi tay để vào sườn mà ngã dần ra. Các quan chạy xô lại vực ngài lên, gọi xe hơi vào, theo lời ngài truyền đưa về nhà thương Đồn-thủy. Hết thảy mọi người đứng đấy, người Tây người Nam ai nấy đều kinh-hoảng vô cùng, mới đầu ai cũng tưởng quan Toàn-quyền bị bắn vào mạng-mỡ và lo không biết có thể cứu được không. Tên ác-phạm thì điệu ngay về sở cảnh-sát gần đấy, hỏi sơ một lượt rồi tống ngục. Quan Toàn-quyền đưa về nhà thương, quan thầy thuốc xét đạn không vào chỗ phạm, tuy tên hung-đồ muốn bắn vào sườn ngài mà may giữa lúc ấy ngài lại quay ra nhìn lũ người Mán đi qua đấy nên chệch vào xương hông mà xiên xuống dưới mông, lập tức cho gọi quan Docteur Le Roy des Barres là bậc danh-y ở Hà-nội đến mổ lấy đạn ra, quá trưa thì có tin thông-báo của phủ Toàn-quyền cho dân-gian biết rằng quan Toàn-quyền chỉ bị thương mà thôi, vết thương không lấy gì làm nặng lắm, qui-thể vẫn được bình-thường. Ai nấy được tin đó vui mừng xiết kể, vì từ buổi sớm nghe ngài bị thích-khách khắp trong dân-gian, cho đến đàn bà con trẻ đều một lòng thương xót, chỉ cầu Trời khấn Phật cho ngài được thoát nạn. Kẻ này nói: « Trời thật phú-hộ quan Toàn-quyền ta. Người lành lẽ đâu phải chịu nạn ? » Người kia bàn : « Chẳng qua là cái hạn của ngài, nhưng ngài có hồng-phúc, dẫu cái chết đến nơi cũng tránh khỏi. Trời Phật nào nỡ phụ người nhân-đức, kẻ hiền-từ ? » Ta như thế thì biết lòng dân ái-mộ quan Sarraut [illegible] L'Ai[illegible]ng nào ! Cứ lược mà nói, ngài thật [illegible]ng cái lòng ái-mộ đó. Từ xưa đ[illegible] có quan Toàn-quyền nào được [illegible] bằng ngài. Là vì cái chánh [illegible] của ngài trong mấy năm ở đây, cái [illegible] quảng-đại của ngài đã phổ-c[illegible] dân-gian, dẫu đàn bà con trẻ, đ[illegible] dân Mường Mán ở thâm-sơn cùng-c[illegible] cảm cái đức-hóa của ngài. Ngài [illegible] một vì phúc-tinh cho cả nước Nam [illegible] Một vì phúc-tinh như vậy lẽ đâu lại b[illegible] oan-nghiệt của đứa hung-đồ mà tr[illegible] được hay sao ? Không, không có lẽ thế, [illegible] dư-luận trong dân-gian nói phải : Trời [illegible] nào nỡ phụ người nhân-từ ?

Ấy sự vui mừng trong dân-gi[illegible] mà sự vui mừng của những bọn [illegible] từng biết tường c[illegible] công-nghi[illegible] Sarraut, lại kể sao cho xiết ! Trước nghe thấy cái hung-tin ai cũng ngẩn người ra, rụng rời như sét đánh bên tai, rồi trong bụng nôn-nao không biết có qua khỏi được không, sau được tin ngài không việc gì, ai nấy mới yên tâm và một lòng chúc-nguyện cho ngài chóng phục-hồi như cũ.

Nay ngài đã gần khỏi hẳn rồi. Tuy ngài có cái hạnh-phúc lạ mấy lần gặp sự nguy-hiểm, — như hồi trước đã đi tòng quân mà bị thương, đầu năm nay bị xe hơi đè lên người mà bị thương, lại ngày nay bị súng-lục kẻ ác-phạm mà bị thương lần nữa, — mà lần nào cũng qua khỏi được, nhưng thực là cái hạnh-phúc chung của cả dân An-nam ta không đến nỗi phải mất một tay lương-tể, tự xưa nay chưa từng gặp bao giờ.

Nam-phong-tạp-chí xin thay cả quốc dân dâng lời kính-chúc cho qui-thể lại được an-kiện như thường, để ngài lại ra sức khai-hóa cho dân ta được nhờ. May lắm ! may lắm !

Hội-chợ Hà-nội. — Hội-chợ Hà-nội họp từ ngày 15 tháng 12 năm 1918, đến cuối tháng thì tan. Ngày khánh-thành nhân cái việc ác-phạm kể trên kia mà hội lúc mới đầu có kém vui đi nhiều. Nhưng sau được tin quan Toàn-quyền không việc gì thì chợ lại đông đúc vui-vẻ lắm. Bài kỷ-thuật đăng ở phần trên đã tả rõ cái cảnh-tượng Hội-chợ cho những người ở xa không về xem được. Nay xét cái mục-đích của Hội-chợ là muốn năm năm họp các nhà buôn bán, nhà công-nghệ Tây Nam để làm cái dịp trình bày các đồ hàng cho thiên-hạ biết, giúp cho việc mậu-dịch trong xứ được nhiều điều tiện-lợi, và ngăn cái hoạn người ngoài đến xâm chiếm thương-quyền của mình. Phàm việc buôn-bán trong một nước muốn cho thịnh-lợi thì người có đồ hàng với kẻ có tiền mua phải được trực-tiếp mà quen biết nhau, cho khỏi những sự mối-lái phiền-phí cho cả hai bên. Người mua muốn cần-dùng thức hàng gì được biết ở đâu có đồ hàng ấy mà gửi ngay về mua, chắc được cái hàng như ý mình. Người bán cũng được tùy ý người mua mà chế ra cái hàng thích-dụng, chế rồi bán được ngay, không phải qua nhiều tay nhiều người mới tiêu-thụ được. Lại trong nước có cái nghề gì mới mở, cái sản-vật gì lạ, cũng có dịp mà phô bầy ra cho thiên-hạ biết. Có nhiều thứ hàng-hóa nguyên của [illegible] lớn mà người Khách buôn lấy rồi [illegible] ăn lãi một gấp hai. Lại có thứ hàng-hóa vốn trong nước có mà mình cứ đi

mua dùng của người ngoài. Đến như những vật của mạn-ngược hay là những thổ-hóa của các xứ trong cõi Đông-dương này, trước kia không biết mà dùng hoặc cứ phải mua ở người ngoài buôn lại, nay nhờ có Hội-Chợ biết sản-xuất ở đâu mà khi cần đến có thể gửi thẳng về mua được, tiện lợi biết bao nhiêu. Hội-chợ này thật là ích-lợi nhiều đường. Tuy năm nay mới mở là lần đầu mà đã vui-vẻ đông-đúc như-vậy, chắc mỗi năm sau này lại càng phát-đạt thêm lên, vì càng nhiều người quen biết và thành cái lệ thường hàng năm.

Thánh-dụ bỏ khoa-cử ở Trung-Kỳ, — Hoàng-Thượng mới giáng tờ Dụ bãi khoa-cử ở Trung-kỳ, xin cung-dịch như sau này :

« Ngày 4 tháng 11 năm Khải-định thứ 3.

« Bộ học phụng-Thượng-Dụ rằng :

« Cứ như các lẽ viện Cơ-mật hội-nghị ngày « 22 tháng chín và tờ phiếu của Bộ-Học đứng « xin ngày 18 tháng 10 (tức là 21 tháng 11 tây) « năm nay, thì học theo cách khoa-cử ngày xưa « không thích-dụng với đời bây giờ. Tuy từ « trước cũng vì dùng cách khoa-cử ấy mà ta « được nhiều người thông thái làm vẻ-vang cho « nước nhà và lịch-sử, nhưng đến đời bây giờ « thì khác nào như cây có hoa mà không có « trái. Phàm nước nhà muốn cho văn-minh tiến « hóa, lẽ công rõ-ràng thì phải cải-lương chế-« độ trong nước dần-dần. Vả lại nên theo lòng « nguyện-vọng của dân mà deo lấy hạt giống « cách-trí, khiến cho dân trong nước đều thông « chữ quốc-ngữ và chữ Pháp mà trong chương-« trình việc học cũng không hề bỏ hẳn chữ tàu, « bởi vì ngày sau dùng người phải lấy hạng « người học-thức cho rất phổ-thông vậy ;

« Chuẩn định rằng :

« Khoản thứ 1. — Từ nay bãi hẳn khoa-cử.

« Khoản thứ 2. — Khoa thi Hội sang năm « sẽ là khoa cuối cùng.

« Khoản thứ 3. — Phàm cách lựa bổ quan-« lại thuộc về văn-ban và cách học cách thi sẽ « định riêng chương-trình.

« Khoản thứ 4. — Viện Cơ-mật và Bộ-học « phải chiếu dụ thi-hành.

« Khâm thử.

« Số 123. — Học-bộ cung-lục »

Trong *Thời-đàm* kỳ trước (số 13, trang 340) bản-báo đã bàn qua về sự cải-[illegible] thi-cử ở Trung-kỳ. Nay lại có lời Thánh-dụ bãi khoa-cử thì biết Triều đình đã quyết-chí cải-cách vậy. Sự học ở nước Nam ta sẽ bước vào một thời-kỳ mới. Mong rằng sau này việc học việc thi sẽ được tiến-bộ hơn trước.

Nghị-viên há không phải là một chức trọng sao ? — Gần đây nghe nói có mấy ông nghị-viên ở hội Tư-vấn Bắc-kỳ (*Chambre consultative du Tonkin*) đệ đơn xin quan Toàn-quyền ban phẩm-hàm cho các nghị-viên, nói rằng chức nghị viên dân-gian không biết trọng và ở nơi hương-thôn không được cái địa-vị xứng-đáng. Coi đó thì biết rằng cái trình-độ dân minh còn kém thật. Các nước đều lấy nghị-viên là một chức-trọng không gì bằng, mà duy có nước mình là coi thường và khinh rẻ. Sự đó là bởi cái tục hủ-lậu trong dân-gian xưa nay chỉ biết có quan là trọng, không biết người đại-biểu cho mình ở chốn nghị-hội để binh-vực quyền-lợi cho mình và kiểm-soát công-việc của quan-lại còn trọng hơn quan-lại biết bao nhiêu. Nhưng cũng do cả các ông nghị-viên phần nhiều chưa thoát khỏi cái mê-mộng quan-trường, cái mê mộng ông hàn, ông bá, chưa cho cái chức mình làm trọng, còn mong người ta trọng sao được ? Đã hay rằng dân ngày nay chưa biết nghị-viên là cái vật gì, nhưng cái phận-sự ông Nghị-viên là phải làm thế nào cho dân nó biết mình là người có ích cho nó, là người sẵn có lòng bênh-vực quyền-lợi cho nó, bàn-bạc những việc công-ích cho nó, nói tóm lại là người đại-biểu cho dân đối với chánh-phủ, đối với quan-lại, [illegible] phải trọng-vọng mình, cần gì mà [illegible] ai với ai. Làm nghị-viên phải là người độ[illegible] không thuộc ai, chỉ lấy cái danh-nghĩa làm [illegible] thật dân là trọng, hà-tất phải gọi là [illegible] hay ông bá, ông bát hay ông cửu mới là [illegible] đời. Còn mơ mộng những sự hư-danh [illegible] thì chưa có cái tư-cách làm người đại-biểu [illegible] dân được. Cái tư-cách ấy tự mình phải gắ[illegible] 風 r mình phải làm cho người dân biết mà côn[illegible] 寒 vì mình là người tai mắt của dân, ng[illegible] y mặt cho dân ; hà tất Nhà-nước phải ch[illegible]-giấy mới rõ được cái tư-cách ấy?

Vậy [illegible] ng nghị-viên phải biết tự-trọng mới được, t[illegible] cái chức nghị-viên của mình mà đừng hi[illegible] ại cái địa-vị. Phải biết rằng đời nay làm nghi[illegible]n còn gấp mấy mươi làm quan, vì nghị-việ[illegible] ợc có cái quyền bàn-bạc việc lợi [illegible] chớ quan chẳng qua là cái chân tay [illegible] ủ sai-khiến mà thôi.

Chẳng xem như trong Nam-Kỳ coi chức « hội đồng » (tức là nghị-viên) rất là danh-giá, nhiều người tranh nhau mà làm. Ngoài ta cũng phải bắt chước mới được, các ông nghị-viên chớ nên tự khinh mình mà để cho dân nó khinh.

Tờ Châu-tri của quan Thống-sứ Bắc-kỳ về các trường tiểu-học. — Mới rồi quan Thống-sứ Bắc-kỳ có gửi một tờ châu-tri cho các quan Công-sứ đầu tỉnh về việc chia đặt các trường tiểu-học và việc dạy chữ nho trong các trường ấy, bản-báo tiếc không kịp dịch toàn-văn mà đăng báo. Theo bộ « Học-chánh tổng-qui » mới thì các trường tiểu-học chia ra làm hai hạng : một hạng gọi là « Sơ-đẳng tiểu-học » (*écoles primaires élémentaires*), một hạng gọi là « cụ-thể tiểu-học » (*écoles primaires de plein exercice*). Sơ-đẳng tiểu-học là những trường chỉ có hai lớp hay là ba lớp mà thôi, và dạy học phần nhiều bằng chữ quốc-ngữ. Cụ-thể tiểu-học có đủ cả năm lớp, dạy học bằng chữ tây, cho đến thi được bằng tiểu-học-tốt-nghiệp (*certificat d'études primaires*). Trong « Tổng-qui » định rằng mỗi tỉnh ít ra cũng phải có một trường cụ-thể cho con trai và một trường cụ-thể cho con gái ở tỉnh-lỵ, còn các phủ-huyện hoặc các tổng-lang muốn đặt bao nhiêu trường cụ-thể hay là sơ đẳng cũng được, tuỳ quan tỉnh hỏi ý các nghị-viên hàng tỉnh mà tự-bẩm lên xin chánh-phủ. Nay quan Thống-sứ sức cho các quan Công-sứ phải hội-đồng hàng tỉnh để bàn kỹ nên chia những nào là cụ-thể, trường nào là sơ-đẳng, rồi xin đặt thêm bao nhiêu, cùng là các trường sơ-đẳng thì nên biết dân ý nào muốn học chữ tây, nơi nào chỉ học quốc-ngữ mà thôi. — Lại về việc dạy chữ nho thì nhà-nước vẫn để quyền cho người tùy ý muốn cho con học hay không học được. Việc đó quan Thống-sứ cũng hoãn cho các quan Công-sứ phải hỏi-ý các nghị hàng tỉnh và kê ra những trường tiểu-học nào còn xin học chữ nho.

Coi cải cách thức nhà-nước bảo-hộ sắp đặt sự học như vậy thì biết rằng muốn theo ý dân nhiều. Việc đặt trường, việc dạy chữ đều muốn tùy cái lòng sở-nguyện của dân, không cưỡng bắt chút nào. Sức dân có thể lập được bao nhiêu trường học thì cho phép lập, muốn học chữ tây hay chữ quốc ngữ cũng đều được tùy ý các nghị-viên hàng tỉnh, là những người thay mặt dân để bàn bạc việc công-ích. Vậy các ông nghị viên phải bàn bạc cho cẩn-thận, cho sác-đáng để khỏi phụ lòng dân tin cậy.

Thể-lệ về sự mướn nông-phu ở Nam-kỳ. — Quan Toàn-quyền mới ký một tờ nghị-định ngày 11 tháng 11 năm 1918 đặt thể-lệ về sự mướn nông phu ở Nam-kỳ. Nam-kỳ hiện còn nhiều đất bỏ không, chưa cầy cấy, Nhà-nước muốn cổ-động cho các nhà điền-chủ đến mà khai-khẩn lập đồn-điền. Muốn khai-khẩn cho rộng, cần phải có nông-phu cho nhiều. Vậy cách-thức mướn nông-phu phải cho phân-minh nhất-định thì kẻ làm người thuê mới được chắc bằng. Vả Nam-kỳ không đủ người làm, tất phải cần đến người Bắc-kỳ Trung-kỳ là những nơi thường có nhiều người mà không đủ việc, những năm đói kém phải khổ sở lắm. Nay nếu dân Trung-kỳ Bắc-kỳ vào làm nông-phu ở các đồn-điền trong Nam-kỳ thì đã có thể-lệ của Nhà-nước bênh-vực giữ-gìn cho, được thập-phần chắc-chắn, không phải lo sợ gì. Khi vào làm thì người chủ đồn-điền phải làm giấy giao-kèo, hai bên cam-đoan theo thể-lệ : tiền công, giờ làm, cơm ăn, chỗ ở tiền tàu bè khi đi khi về, thuốc thang khi đau khi ốm, v.v., nhất-nhất trong lệ đã định cả, và người mướn phải chịu hết. Nhà-nước lại có đặt quan thanh-tra, đi tra xét các đồn-điền xem người mướn đãi người làm có được tử-tế không. Như vậy thì người làm được chắc bằng quá, không còn lo ngại gì. Ước gì ngoài Bắc ta nhiều kẻ không có việc mà làm đi vào trong Nam-kỳ mà kiếm công ở các nơi đồn-điền, rồi sinh-cơ lập-nghiệp trong ấy, thật là hay lắm. Xin các quan ta nên cổ-động sự đó.

TẶNG NAM-PHONG

— Anh làm gì đó? — Đọc Nam-Phong.

— Thằng nhỏ cụ sai đi đâu rồi? — Đi lấy tập Nam-Phong.

— Chị Ba, sao không đi xơi cơm cho rồi? — Ừ, để xem hết trang Nam-Phong này đã.

Ấy đó! Ta thử xem chỗ nào, người nào là không đọc Nam-Phong. Từ quan quyền cho đến học trò, dân giã, ai ai hễ biết Quốc-Ngữ thì đòi tập xanh, tập đỏ để hai chữ Nam-Phong.

Té ra Nam-Phong là một cái gió, thổi không động cây, không rung lá mà tiếng mạnh tợ gió bão, ồn ồn đất giậy tứ phang.

Nhờ gió Nam-Phong, mây đen tan tác, sắc trời trỡ xanh.

Nhờ gió Nam-Phong, quét sạch bụi trần, hình đất láng trơn.

Nhờ gió Nam-Phong, quốc-văn xuất thế, chen chiêu hoàn cầu.

Nhờ gió Nam-Phong, vin tay con trẻ, trèo thang tiến-bộ.

Nhờ gió Nam-Phong, nhờ gió Nam-Phong,
muôn việc đều khai-hóa.....

Thiệt là công nặng nghĩa dày ta đương chịu. Nhưng, tưởng ta tuy không làm đặng như ông Quỳnh, ông Trác chủ bút Nam-Phong mặc lòng, ta há dễ khoanh tay mà chờ xem cuộc thế hay sao? Người cũng ta cũng là dân nước, người đã mở mang, đem đàng chỉ nẻo cho ta, thì ta nên theo lấy mà đi, phải làm làm sao mà giúp cho người mở thêm cho rộng đàng mà dắt tay nhau lên con đàng ấy. Muốn như vậy thì ta chỉ biết mua Nam-Phong cho nhiều mà hóng gió ấy thì lần lần chắc hẳn gió ấy cũng càng thêm mát mẻ, thì nước ta chắc hẳn cũng càng được đến văn-minh chói rạng.

Anh em mua lấy Nam-Phong.

Huế, le 6 Novembre 1918.

Tụy (Huế)